

THỦ QUÁN

B ả n T h ả o

Chủ đề nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn



Tranh tran qui thoai

Tập 20 tháng 7-2005

Thư Quán Bản Thảo
Tạp Chí Văn học Nghệ Thuật

Thư Quán Bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI, THÁNG BẢY, NĂM 2005.

Chủ Đề: Thơ NGUYỄN BẮC SƠN

Đọc trong số này:

Viết Chung: Trang 5: Phạm Văn Nhân, Ng~, Trần Hoài Thư, Trần Bang Thạch.

Chủ đề Nguyễn Bắc Sơn

Trang 46: Tự Bạch của Nguyễn Bắc Sơn

Trang 48: **Trang thơ Nguyễn Bắc Sơn**

Trang 56: **Viết về Nguyễn Bắc Sơn:** Từ Thế Mộng, Lê Mai Linh, NG~

Phần thưởng lệ

Trang 91: **Thơ:** Trần Lam Giang, Hải Phương, Đặng Tiến, Phạm Triều Nghi, Phạm Ngọc Lữ, Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Dương Quang, Cao Vị Khanh, Nguyễn Thùy Song Thanh

Trang 108: **Truyện:** Trần Hoài Thư, Trần Huiến Ân, Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch.

Trang 152: **Thơ:** Nguyễn Đức Nhơn, Ngô Nguyên Nghiễm, Đoàn Chính Nam, Phạm Cao Hoàng, Hoàng Xuân Sơn, Đoàn Ngọc Kiều Nga, Trầm Mặc Hoa Huyền

Trang 168: **Truyện:** Nguyễn Lệ Uyên, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Cao Vị Khanh

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

Thư Quán Bản Thảo số 21, phát hành vào tháng 10/2005. CHỦ ĐỀ: NHÀ VĂN VÕ HỒNG



VIẾT CHUNG

- PHẠM VĂN NHÀN
- NG~
- TRẦN HOÀI THƯ
- TRẦN BANG THẠCH
- CAO VỊ KHANH

Tâm sự với NG~

1/

Ng~ thân,

Mấy ngày trước khi tôi đánh máy và *layout* xong tập thơ *Chiến tranh Việt Nam Và Tôi* của Nguyễn Bắc Sơn, anh Trần Hoài Thư gọi điện, hỏi: tập thơ của Sơn phát hành cùng một lúc với TQBT 20 ? Tôi đề nghị với anh Thư là không; vì tập thơ của Sơn chúng ta không phổ biến rộng rãi, còn TQBT thì chúng ta phổ biến rộng rãi. Hơn nữa với TQBT 20 chúng ta làm số chủ đề: thơ Nguyễn Bắc Sơn. Do đó, không thể phát hành cùng một lúc được.

Bạn Ng~ thấy đó, với Nguyễn Bắc Sơn cũng một thời nổi tiếng trong văn đàn tự do trước 1975. Ít ra, với chủ trương của chúng ta cũng phải làm một số chủ đề thơ cho anh ấy, như chúng ta đã từng làm qua hai số TQBT 18 và 19. Đề nghị của tôi, anh THT vui và đồng ý ngay.

Sau khi quyết định làm số chủ đề cho Sơn, tôi liên lạc về Phan Thiết ngay để gặp anh TTM nói lại với Sơn. Và, qua anh TTM, Sơn gửi qua cho tôi bài ” Tự Bạch” . Và bài viết của anh TTM về “ một người bạn thơ ”.

Nói đến Nguyễn Bắc Sơn, với tôi thường gọi anh bằng cái tên thân mật hồi còn nhỏ. Hải. Vâng, có nhiều anh cầm bút sau này mới biết Hải (Nguyễn Bắc Sơn) qua những bài thơ viết về chiến tranh đi trên tuần báo Khởi Hành do anh Viên Linh làm Thư ký. Một tuần báo văn học nghệ thuật của quân đội rất nổi tiếng, không những trong giới “ lính” chúng tôi, mà còn ngoài giới trí thức dân sự, như giáo sư và sinh viên nữa....trong đó có bạn, phải không, NG~? (và ngay hôm nay, như Ng~ biết đấy,

tạp chí Khởi Hành cũng do anh Viên Linh phụ trách đã tái bản lại ở Hoa Kỳ, chiếm một số độc giả khá lớn ở Hải Ngoại).

Sau đó, lại thêm một tin vui đến cho Sơn , là: khi tập thơ *Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi* phát hành vào năm 1972, tờ báo Sống của ông Chu Tử giới thiệu ngay trên trang nhất, vào một chỗ trang trọng nhất của tờ báo lúc bấy giờ. Và, Nguyễn Bắc Sơn đã thành danh và bay bổng trên con đường văn học miền Nam thời chiến tranh (đọc lại bài viết của anh TTM).

Hôm nay, hơn 30 năm sau, tập thơ của Sơn được chúng tôi (Thư Ấn Quán) in lại và gửi đến độc giả còn yêu mến thơ anh(tháng 5/05, theo phương pháp Book-on-demand). Nhìn tập thơ của người bạn cũ đã hình thành nằm trên bàn làm việc của tôi (do tôi và anh Trần Hoài Thư trình bày bì), rồi nhìn lại tấm hình của anh, tôi thấy một niềm vui - bao - la - chi - lạ. Vâng, vui lắm! Khi tôi gọi điện về nhà thăm anh TTM, và nhờ anh nói lại với Hải tập thơ đã in lại bên này hoàn tất. Hải vui, và vui cả trên hai con mắt của anh mở to, rất sáng. Tôi biết điều ấy! (đã gửi về PT cho anh được 5 tập sau khi in xong) Tập thơ cũ, hình ảnh cũ của Hải lại về...

Mới ngày nào phải không Hải? Thoáng cái đã 18 năm, hình như vào khoảng năm 1987, 1988 thì phải khi tôi còn đi làm kiếm sống bằng cái nghề “ thợ hồ ” sau những năm “ học tập cải tạo ” về trong thành phố của bọn mình lớn lên. Thỉnh thoảng, có những buổi sáng anh đến chỗ tôi làm. Và, ngày nào cũng cái quần kaki bạt mầu, cái áo sơ mi mầu nhạt (thường là mầu trắng hay mầu mỡ gà

), đôi dép Nhật lệt xệt, cứ thế mà anh đi tìm lại bạn bè. Vâng, nói như anh Từ Thế Mộng: “ Ừa la cà với bạn bè, ai rủ cũng đi, không rủ cũng đi, đi bất cứ đâu, ở bất cứ nơi nào có bạn....”. Và, mỗi lần anh đến, tôi với anh lại đèo nhau trên chiếc xe đạp cà tàng của tôi, đến cái quán cà phê quốc doanh đặt trong vườn hoa gần nhà ga thành phố. Một chỗ ngồi ít ai thèm tới, chỉ có những người lao động bình thường: như kéo xe lôi, đạp xe ba gác...Những buổi sáng như thế thật yên tĩnh trong khuôn viên vườn hoa, anh lại đọc cho tôi nghe những bài thơ anh mới làm tối hôm trước.

Tôi ngồi nghe, không một ý phê bình... Những bài thơ anh làm đó, có thể những bài thơ anh đã đọc hôm nào nay đã ở trước mặt tôi đây ?! khi anh nghe TQBT chúng tôi làm số chủ đề thơ cho anh, và nhờ đến anh TTM cũng như anh ĐCN gửi qua cho tôi những bài thơ ấy. Chúng tôi xin cảm ơn các anh ĐCN, TTM cũng là những cây viết thường xuyên trên TQBT đã chuyển những bài thơ của NBS qua cho tôi kịp để làm số chủ đề trong tháng 7.2005 này.

Làm sao nhớ hết những bài thơ anh làm đọc cho tôi nghe trong khuôn viên vườn hoa năm ấy. Khi mà, bối cảnh xã hội lúc bấy giờ không cho phép tôi dám cầm bút trở lại. Khi mà đầu óc còn sơ cứng, nặng nề những sự việc bao chung quanh cuộc sống của tôi. Khi mà cái bao tử của cả gia đình bắt tôi phải thật sự kiếm sống bằng đủ nghề chân tay. Do đó, tôi cũng phải biết giữ mình với một khoảng cách “ văn nghệ, văn gừng ” sau ngày tôi ra khỏi trại. Chính tôi, không ai khác, phải giữ khung thành cho vững đừng để cho trái banh nào lọt lưới. Khổ thân. Tuy

nhiên khi gặp lại bạn cũ và nhất là ngồi nghe lại những bài thơ của bạn mới làm, trong một khung cảnh im ắng.... là thấy vui rồi. Cho dù cái máu văn nghệ vẫn gừng ngày nào ...nó đã thoát hơi bay mất.

Với thơ của Nguyễn Bắc Sơn, không phải chờ đến năm 1972 mới thấy thơ anh hay qua những tay viết “ cổ thụ ” của một thời văn học miền Nam giới thiệu hay viết về anh: Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh, Nguyên Sa, Võ Phiến. Chu Tử... mà trước đó tôi đã đọc thơ anh, và rất chịu... Vâng, tôi không ngờ, một người bạn thuở nhỏ với tôi, mà tôi biết “ chỉ giỏi võ ” ai ngờ lại “ hay cả thơ ” sau này nữa.

Những năm còn quần quật trong quân ngũ. Được nghỉ phép là về quê thăm gia đình, bạn bè. Tôi nhớ, có lần anh đưa tôi xem bài thơ: Mật khu Lê Hồng Phong. Trong bài thơ có đoạn ...” *Đêm nằm ngủ vồng trên đồi cát/ nghe súng rừng xa nổ cắc cù..*” Tôi không thích hai câu thơ này lắm. Nghe “ nó ” sao đâu ấy. Chỏi với câu 3, theo ý riêng của tôi lúc ấy: *Chợt thấy lòng mình bát ngát.* Vì anh cũng lính. Tôi cũng lính có chút máu văn nghệ trong người. Anh làm thơ, tôi không làm thơ, nhưng đã là: nghe súng rừng xa nổ cắc cù là tụi mình “ phải cảnh giới- mất ngủ ” chứ không thể nào thấy lòng mình bát ngát được. Tôi có nói thẳng ý của tôi. Nhưng không có ý nghĩa là chỉ một câu thơ đó làm cho bài thơ mất hay. Phải nói là tuyệt nữa đằng khác. Bởi vì suốt bài thơ tôi đã đọc gây một ấn tượng thích thú trong tôi, không biết có phải thơ của bạn mà tôi nhớ mãi trong khoảng thời gian đi lính của tôi không? Vâng! Chỉ 4 câu thơ sau

đó thôi: *Mai ta đụng trán ta còn sống / Về ghé Sông Mao
phá phách chơi / Chia sốt nỗi buồn cùng gái điểm / Đốt
tiền mua vợ một ngày vui.* Đố anh lính trận nào khi đọc
4 câu thơ trên mà không nhớ ? Thật tể quá, phải không.
Bốn câu thơ trong bài thơ Mật Khu Lê Hồng Phong này
theo tôi trong suốt thời gian còn tiếp tục đời lính. Năm
1972, lên Kontum, rồi Pleiku công tác, từ Non Nước
xuống Hàm Rồng về thị xã vào ngày nghỉ cuối tuần,
không phải chỉ có một Sông Mao của Nguyễn Bắc Sơn
để người lính: chia sốt nỗi buồn cùng gái điểm; mà nơi
nào trên quê hương lại không có nhiều Sông Mao ấy ?
Để rồi, trước đó, thời gian còn “ quẩn quật “ ở Bình
Định, Qui Nhơn, một cái quận An Khê núi rừng nhỏ bé
thôi cũng đủ cho ta thấy cả một khu Sông Mao ở đó (60
cái bar, có lính NQ canh gác). Và, còn đâu nữa, Tháp
Chàm tôi đến cũng vậy. Không nói đâu xa, dưới chân
đèo “ Ngọa Mực ” , cái xã nhỏ tí ti người dân tộc nhiều
hơn người kinh, thế mà, cũng có Sông Mao “ để người
lính buồn ...về phá phách ” chơi. Đừng nói chi đến những
thành phố lớn có quân đội đồng minh trú đóng. Sông
Mao trong thơ của Sơn còn “ nhẹ nhàng ” quá đổi. Trước
mặt, thì chết chóc. Sau lưng thì có quá nhiều Sông Mao.
Thử hỏi, đời lính chúng tôi lúc ấy làm sao không thích
những câu thơ của Sơn?

Chiến tranh! Nói thật lòng, chẳng ai thích đâu. Dù chúng
tôi là những người lính một thời trực diện với cái chết
ngoài chiến trường. Nhất là ở những thôn xóm mà người
lính đi qua. Điều tàn. Xơ xác. Tội nghiệp. Ai cũng mong
có Hòa Bình. Ngay cả tôi, thì đừng nói chi Nguyễn Bắc
Sơn, cũng vậy thôi. Có người đọc thơ anh, nói anh “ phản

chiến ” Tuy nhiên, tôi biết, anh vẫn khoác áo lính cho mãi đến tháng 4/75. Dù chỉ là binh nhì/ĐPQ. Nói lên ước mơ hoà bình trên một quê hương có quá nhiều chết chóc do chiến tranh gây nên, là phản chiến hay sao??

Với tôi, chức vụ ngày xưa có nhỏ hay to không thành vấn đề - đối với bạn bè - miễn làm sao cái tình bạn vẫn ngày nào. Như tôi với anh Trần Hoài Thư và với nhiều bạn khác. Ngay cả bây giờ giữa tôi với anh THT và nhiều bạn bè cầm bút cũ còn sống trong nước, chúng tôi vẫn giữ một cái tình với nhau rất trong sáng. Và, với Sơn cũng thế, giữ mãi tình bạn như ngày nào. Cho nên, khi tôi còn đi kiếm sống ở quê, anh vẫn đến với tôi chân thành của người bạn thuở nhỏ, và với vóc dáng người lấm lũi đi với đôi dép nhật lệt xệt, cứ thế ...anh đi tìm bạn. Đến khi tôi ra nước ngoài định cư (gần 14 năm) nghe anh nhảy lầu tự tử nhiều lần. May mà không chết. Sao vậy, hả Hải?

Những ngày gặp anh, ngồi với nhau trong khuôn viên vườn hoa gần nhà ga PT, có thấy anh buồn đâu. Vẫn có những bài thơ hay đọc cho tôi nghe . Vẫn đi đi về về với chị Hồng, với con cái, với bạn bè. Và, vẫn giữ nụ cười với đôi mắt thật sáng. Vâng! Đôi mắt thật sáng của Hải một cách kỳ lạ. Tôi vẫn nhớ.

Cho nên, hôm nay, anh Trần Hoài Thư nói với tôi, TQBT số 20 làm chủ đề thơ Nguyễn Bắc Sơn, tôi vui lắm; vì bạn tôi - thuở còn mặc quần xà lỏn - vẫn còn “ hiện diện” trong tâm thức của các anh, em, bè bạn cầm bút còn yêu mến thơ anh.

2/

Với chủ đề về thơ Nguyễn Bắc Sơn cho TQBT 20. Chưa phát hành, mà những bạn của Sơn ở hải ngoại gọi điện hay email tới hỏi tôi khi nào thì phát hành, nhờ gửi báo đến. Tôi vui: những người bạn của Sơn ở Pháp có Phạm Tam Nại, trước 1975 Luật Sư, không biết có phải như trong bài thơ: Chúng Ta Không Phải Sinh Ra Để Sống Như Thế Này, trích đoạn:

...

bạn ta những thằng đang cời trần kêu khổ

Trong những căn nhà hộp

Bỗng nhiên

Đứa trở thành quan tòa

Đứa trở thành thầy giáo

Đứa tài xế

Đứa nhà văn

Đứa quan ba

Thật quái gỡ

Vì qua thơ của Sơn, anh thường nói đến những người bạn một thời với anh. Cho nên, ngoài những bạn thuở còn nhỏ với Sơn, tôi còn biết có một người rất thân sau này khi anh đã vào lính. Đó là nhà thơ Sương Biên Thùy (Lê Văn Chính) khi anh Chính đổi về tiểu khu Bình Thuận. Vì thế, khi làm chủ đề về thơ của NBS, tôi gọi điện thoại nói rõ cho anh Chính hay. (sau này anh Chính lấy bút hiệu là Lê Mai Lĩnh). Và, anh vui lắm, khi nhắc đến NBS. Tôi nghe anh THT nói lại khi lên thăm anh ở Connecticut, anh lấy thơ của Sơn ra đọc, Và...khóc. Do đó, với số chủ đề này, anh đã gửi đến tôi hai bài viết về NBS (phóng bút). Bài 1: Nguyễn Bắc Sơn Chút Tình

Mang Theo Xuống Mộ Chí dài khoảng 17 trang. Và bài 2: Bình Nhì Nguyễn Văn Hải dài 12 trang. Bài thứ 2 là bài viết theo thể loại vui khi anh đổi về Bình Thuận gặp NBS. Nếu TQBT đi hết một loạt hai bài này, gửi về Phan Thiết cho NBS đọc thì rất là “đầy ắp tình bạn”. Tuy nhiên, sau khi tôi đánh máy (đặc biệt chỉ dành riêng cho bạn tôi- Lê văn Chính) tổng cộng 29 trang loại giấy (81/2 x11) . Đến khi đánh máy xong, rà soát lại và đưa vào trang TQBT thấy chiếm quá nhiều trang (trên 60 trang cho bài viết của anh Lê Mai Lĩnh) mà số trang của TQBT lại có hạn (200 trang cho mỗi số), do đó, bài viết thứ hai của bạn tôi viết về Nguyễn Văn Hải buộc tôi phải gác lại để có chỗ cho những bạn bè khác trong phần “ sáng tác văn học - thơ và truyện) nữa. Một ý riêng nhắn bạn ta, lần sau gửi bài xuống cho tôi, bạn làm ơn gửi cái floppy disk viết bằng font chữ Việt thì tiện cho tôi lắm lắm. Đi làm về, tối ngồi gõ 29 trang bài viết của bạn (gõ bằng hai ngón tay như “ gà mổ thóc” ê cả người. Dù mệt, nhưng cũng phải gõ trên bàn phím, vì chữ nghĩa của bạn dành cho NBS quá chân tình. Còn nói như anh TTM (trong nước) khi viết về NBS, anh ấy nói: LVC viết sao hay quá, 29 trang giấy chỉ trong 2 đêm là xong, còn anh viết có 4 trang thôi mà tới 20 ngày. Sáng nào cũng thức dậy khoảng 3 giờ sáng để viết Để rồi, từ trong nước, ngoài nước số chủ đề về thơ của NBS cũng hoàn thành.

3.

Này NG~,

Gần 14 năm sống ở Mỹ, tôi mất liên lạc với mấy “ đứa cháu “ của tôi - mất địa chỉ - Cho nên, sau khi tập truyện

MTG của tôi được bạn bè in lại ở SG, và phổ biến hạn chế trong tình bạn cầm bút cũ, tôi liên lạc với con gái anh TTM (cũng là cháu của tôi ở phía đông Hoa kỳ để xin địa chỉ của mấy đứa cháu ở Sài gòn). Trong các đứa cháu ấy, có đứa lại thích làm thơ, như bác TTM của nó. Dù là thơ “ con gái ”, nhưng khi tôi nhận được thư của cháu tôi từ Sài Gòn gửi qua, có kèm theo hai bài thơ mà cháu làm tặng tôi, sau khi cháu đọc xong tập truyện MTG do người bạn tôi mang đến tận nhà tặng cho bố nó. Thật sự, khi đọc, tôi rất xúc động. Xin trích ra để cho bạn đọc chơi, và có dịp bạn vào Sài Gòn ghé tới nhà thăm tụi nó:

Ngẫu hứng Màu thời Gian

Xuân năm nay Ất Dậu -2005

“ Màu Thời Gian”

Giữa thành phố Sài Gòn

Giòng lịch sử

Ngược thời gian trở lại

Ba mươi năm

Kể từ mùa xuân năm ấy-1975

Gió thổi lên nghe như tận cuối trời

Xúc động lòng tôi đến thế

Hình ảnh chạy ào qua trước mắt

Bức tranh cuộc sống chiến trường

Hư thực đầy về miền man

Những nôn nao, đón đợi

Trong từng trang viết

Lùi lại phía sau

Bâng khuâng

*Màu thời gian tím tím
Màu thời gian hoài niệm
Màu thời gian sống mãi biến cố xưa
Tình người vẫn thủy vẫn chung
Nặng lòng ta lắm màu thời gian ơi*

(Tặng cậu Nhàn. Cháu: Nguyễn Thị Thu Trang).

Trang ơi! Bài thơ của cháu làm tặng cho cậu, sau khi đọc xong tập truyện MTG. Cậu vui, khi đọc xong bài thơ ấy của cháu. Cháu hãy về PT, hỏi bác TTM để đọc thêm những TQBT mà cậu đã gửi về , để lấy thêm cái hứng khi sáng tác; vì từ trong những bài viết ấy, cháu sẽ bắt gặp lại những chú, những bác bạn của cậu(những nhà văn, nhà thơ thành danh trước 1975); mà, cậu biết, sau 1975 cháu chỉ là một cô bé chưa tới trường học vỡ lòng. Thế mà cháu vẫn viết được: *Màu thời gian sống mãi biến cố xưa / Tình người vẫn thủy vẫn chung/ Nặng lòng ta lắm màu thời gian ơi.*

Cà Kê... Chuyện Văn Chương

Ng~.

Thư nào, cuộc điện thoại nào chị tôi cũng nhắc nhở từ xa: “Cậu vừa vừa cái miệng lại. Ai nói gì, làm gì kệ họ,

im miệng mà sống nuôi vợ nuôi con”. Nghe lời chị, tôi im miệng, không nói nữa, dù miệng rất ngứa. Và kỳ này thì xin mượn miệng người khác vậy. Đó là trích tham luận của nhà văn Trần Mạnh Hảo tại Đại Hội 7 Hội Nhà Văn Việt Nam vừa qua ở Hà Nội. Trần Mạnh Hảo viết theo yêu cầu của ông nhà Văn Hữu Thịnh, Chủ Tịch Hội đồng thời là Tổng Biên Tập tuần báo Văn Nghệ. Bài tham luận viết ra rồi, “meo” ra Hà Nội, Đoàn Chủ Tịch và Ban Thư Ký đọc xong le lưỡi lắc đầu và gát lại, không cho tác giả của nó lên diễn đàn. Thành ra bài tham luận công khai trở thành bài chuyển tay nhau. (Cũng mở dấu ngoặc thêm, rằng phải rất chi là khó khăn, chung một châu đậm mới moi được bài này để chuyển tới các bạn đọc chơi). Tôi xin lược bỏ những kính thưa kính gửi cùng lời rào đón của tác giả để đi thẳng vào phần chính của bài tham luận có nhan đề:

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TỰ ĐỨC VÀ NGUYỄN DU HAY LÀ VẤN ĐỀ MUÔN THUỞ CỦA TỰ DO SÁNG TÁC

(tham luận của Trần Mạnh Hảo gửi Đại Hội Nhà Văn
Việt Nam lần thứ VII).

Tương truyền, vua Tự Đức là người rất mê Truyện Kiều, như mê “*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng/ Xếp tàn y để lại dành hơi*”. Nhưng khi đọc đến câu thơ Nguyễn Du viết về Từ Hải: “*Dọc ngang nào biết trên đầu có ai*”. Nhà vua đập bàn quát: “Bắt ngay Nguyễn Tiên Điền vào đây cho ta, quát 20 roi để gã biết trên đầu còn có ai hay không?”. Quan hầu thưa: “Khải tấu, Nguyễn Tiên Điền tịch đã khí lâu rồi tâu hoàng thượng!”. Nhà vua không

thể rút lệnh đánh roi Nguyễn Du về được, bèn phán: “Treo cái án 20 roi ta ban cho Nguyễn Du lên giữa giờ, để bọn văn nhân thi sĩ đời sau nhìn thấy gương tày liếp này mà liệu liệu cái thân phận bút nghiên thấp cổ bé họng thích chơi trò!” Hai trăm năm qua rồi, hậu thế vẫn còn mừng cho Nguyễn Du không bị vua nọc ra đánh cho toét đít, bởi vì cái chết đã cứu ông! Cũng may vô cùng cho hậu thế, may vô cùng cho văn hoá Việt Nam, đội ơn vua Tự Đức bội phần. Ngài đã không vì một câu thơ “khi quân” của Truyện Kiều mà ra lệnh đốt hết sách Nguyễn Tiên Điền, hay bỏ “Đoạn Trường Tân Thanh” vào cối giã để lấy giấy tái chế như hôm nay. Ngài đã hy sinh cái “sĩ diện thiên tử” bị xúc phạm đi, như muốn nuốt một mối nhục lớn để dâng hiến cho ngàn sau dân tộc một kiệt tác vĩ đại nhất là Truyện Kiều mà ngài từng rung đùi thưởng ngoạn cùng trăng thanh gió mát nơi Khiêm Lăng tuyệt mỹ. Oi, giá mà thời nay có được một vài ông vua như Tự Đức thì mấy cuốn sách “hiền như bụi” kiểu “Thượng Đế thì cười” của Nguyễn Khải, “Truyện kể năm 2000” của Bùi Ngọc Tấn, “Đi tìm nhân vật” của Tạ Duy Anh...dù lục lọi mỗi tay, tìm bởi mỗi mắt cũng chẳng thấy một câu văn khi quân nào, đã không phải ném vào máy nghiền để thành bột giấy! Than ôi, thời Nguyễn Du thời vua Tự Đức làm gì có pháp lệnh “TỰ DO SÁNG TÁC” như hôm nay. Nhưng cái món roi vọt kia vốn là món sở trường của vua chúa Trung Hoa dành cho văn thi sĩ, tuy chưa kịp quất vào thân xác Nguyễn Du, thì nó vẫn còn hằn ra đầy trong Truyện Kiều. Mỗi câu lục bát hằn lên như một vết lươn không chỉ của lần roi định mệnh quất nổi đau lên trang giấy xưa, mà còn là đòn roi hiện thực Tú Bà quất vào

thân xác Thuý Kiều, hiện thành thơ rơm rớm máu, xót xa lòng mai hậu nổi kêu thương đoạn trường muôn thuở. Về mối quan hệ giữ roi vọt và thi ca, tôi đã viết bài tứ tuyệt có nhân đề: “Tú Bà định hưởng Thuý Kiều” như sau: “Này tấm lòng trinh bạch/ Bà đánh chừa nghe con/ Thuý Kiều đâu trang sách/ Để câu thơ chịu đòn”...

Để truyền nỗi đoạn trường của mình lại cho hậu thế, cũng chính là nỗi buồn đau muôn thuở kiếp người một cách đệ nhất tài tình, đệ nhất rung động nhường ấy, tôi đồ rằng, khi ngồi viết Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết với tâm thức tự do sáng tác tuyệt đối. Nghĩa là trong thế giới sáng tạo của bút nghiên, thi sĩ chính là Thượng Đế, là ông chủ của vũ trụ thi hứng, phải ứng xử như đấng toàn năng với nguyên tắc bất di bất dịch: “*Đọc ngang nào biết trên đầu có ai!*”. Vâng, tự do sáng tác là khi ngồi trước trang giấy, nhà nghệ sĩ là Chúa Trời sáng thế. Anh tuyệt nhiên không được phép để một ám ảnh sợ hãi nào quấy nhiễu mình. Ví như anh còn phải day dứt viết thế này, viết thế nọ mới được duyệt in, rằng đang có bao nhiêu đôi mắt soi mói vô hình kiểm duyệt anh từ xa, ví như viết xong một câu văn là cứ phải mắc bệnh tương tư, nhớ đến anh Khổng Minh Dụ, anh Đỗ Kim Công, anh Trịnh Đình Khôi, anh Nguyễn Đình Nhã, anh Vũ Duy Thông (1), nhớ mấy anh canh cửa phê bình, nhớ anh giám đốc duyệt bài, anh biên tập viên cầm hai tay hai cái kéo, nhớ anh duyệt lưu chiếu hồi này với máy dò câu chữ nghe đồn còn kỹ hơn máy dò hành lý hải quan, thì than ôi, bằng ấy cơ chế kiểm duyệt đè nặng đè nặng lên tâm lý sáng tạo của anh, nên “vừa viết vừa run” như thế, nghĩa là anh vừa viết vừa tự thiến đứa con tinh thần của mình, cho nên khi ra đời nó không được có cơ hội cuồng

lên vì phát dục, xoá hết bản năng sinh tồn bùng sôi của nó đi, để gọt chân nó sao cho vừa với đôi giày “chính trị” đi, thì nhà văn ơi, tự do sáng tác ơi, ta chào mi, vì mi quá nhiều khô, quá rách việc, quá nhiều cơ quan và nhiều cá nhân quyết định việc sống còn của ngòi bút theo kiểu nhiều cha con khó lấy chồng. Quá nhiều người gác cửa, có thể bất cứ lúc nào vui thì cho anh qua, buồn thì giữ anh lại khám xét, lục vấn, xử lý, cấm cản tùy tiện vô nguyên tắc như từng thô bạo xử lý bao nhiêu nhà văn, bao nhiêu tác phẩm chết oan vì vừa ra đời đã bị bóp mũi. Với cơ chế luật pháp lằng nhằng, cấm thì bảo cấm, thu hồi thì bảo thu hồi, kiểm duyệt thì bảo kiểm duyệt y như thời Tây đi một nhẽ thì nhà văn sẽ mừng vô cùng. Nhưng đảng ta bảo, chế độ ta tự do báo chí, tự do sáng tác, không kiểm duyệt mà khi thực hiện thì than ôi, ai có qua cầu mới biết, gò bó cấm cản muôn phương. Thời Tây, nước ta mất, dân ta nhục, Tây nó bảo tao không cho chúng mày tự do sáng tác, tự do báo chí, tao kiểm duyệt rõ ràng đây này: luật nó khiếp hãi, gian ác là vậy mà dân ta rón ra rón rén đến cười cười nói nói giả lả làm quen, thử xin nó ra báo tư, xuất bản tư xem thằng Tây cau mày, nó lệ các quan đến hồi nào mới thôi đây! Tây xem giấy phép tí tẹo xong cho liền anh này ra báo tư, anh kia xuất bản tư, mừng quá! Thời Mặt Trận Bình Dân nó còn cho cả báo chí, xuất bản của đảng cộng sản ra công khai, mới có hàng loạt tiểu thuyết lớn xuất hiện, tố cáo chính chế độ gian ác, phản tự do, phản dân chủ của nó, mà thằng Tây gian ác cũng lạ, có lẽ nó cóc đọc được tiếng Việt nên nó cóc có cấm, cóc có ban tư tưởng, cóc có A25, có hàng chục cơ quan, hàng trăm người có thể thò tay thò chân vào nắn nắn từng con chữ như chế độ

độc lập tự do bây giờ. Trong thời Tây nô lệ muôn vàn, gian ác muôn vàn, không hiểu các bố nhà văn ta hồi ấy lấy tự do sáng tác ở đâu ra mà sinh ra bao nhiêu kiệt tác: “Số Đỏ”, “Chí Phèo”, “Tắt Đèn”, “Kép Tư Bền”, “Bỉ Vỏ”, “Vang Bóng Một Thời”, “Thơ Mới 1932-1945”... truyền tới hôm nay! Viết báo viết văn chống Tây, công bằng nó cũng bắt...cũng bắn, cũng bỏ tù một mớ, nhưng thường thì nó chép miệng bảo: chuyện vặt, cho chúng mày chửi, coi như tao xả xú bấp cho dân chúng An Nam mít chúng mày, ăn thua mẹ gì, xưa nay trong lịch sử nhân loại có thấy bọn văn sĩ nhát như cáy miệng hùm gan sứa kia đưa tiểu thuyết thi ca ầm ồ ra mà lật đổ được triều đại nào bao giờ?

Khi đưa nhân vật cô gái lầu xanh Thuý Kiều ra làm nguyên mẫu cho cái đẹp, nâng cô gái phạm huý, phạm phong, phạm pháp kia lên thành nguyên lý CHÂN THIỆN MỸ CỦA THỜI ĐẠI, Nguyễn Du đã vượt qua mặt chế độ phong kiến dã man, vỗ cái đóp vào mặt chế độ nổ nảy đom đóm mắt ra như thế mà nó tha chết cho thì kể cũng là một sự thậm hay và thậm lạ! Rồi Nguyễn Du lợi qua chế độ phong kiến chưa có đảng ta lãnh đạo ấy mà tiến thẳng tới thời đại tự do dân chủ định hướng xã hội chủ nghĩa hôm nay, chính nhờ có nguyên tắc sáng tạo: “Đọc ngang nào biết trên đầu có ai!” đấy. Cái mà thời nay ta gán cho nhà văn một thiên chức vô cùng tốt đẹp, vô cùng cao quý là: “Nhà văn là người hướng dẫn tinh thần thời đại”. Thời đó Việt Nam ta chưa có chủ nghĩa Marx, chỉ có Nho giáo là tư tưởng chính thống của thời đại. Mà Nho giáo thì cương cường nghiêm chỉnh, khắc khổ, tu thân: “Trai thì trung hiếu làm đầu/Gái thì tiết hạnh là câu sửa mình”. Nho giáo chúa là ghét

chuyện ong bướm, chuyện lả lơi trai trên gái dưới gần như là chuyện phản động, thế mà Nguyễn Du lại đưa một cô gái lầu xanh ra từ nhà thổ để thông qua chữ hiếu của nàng mà xoá sổ những giáo điều giả dối phong kiến, đưa cô gái bị xã hội cho là thấp thành ấy lên thành BÀ CHÚA CỦA CÁI ĐẸP thì “tội” ấy còn ghê hơn cả tội khi quân!

Thế mới biết quan niệm thẩm mỹ về văn học của ông cha ta thoáng vô cùng! Nguyễn Du tất nhiên là thoáng vô cùng, mà Tự Đức cũng vô cùng thoáng, không thì làm gì chúng ta có được Truyện Kiều trên tay. Hi vọng những nhà quản lý văn học nghệ thuật của chúng ta hôm nay cần phải học được lối ứng xử với nhà văn không hơn được thì ít ra cũng bằng với ông cha, mới hi vọng có tác phẩm lớn. Xin thực hiện đúng cương lĩnh”TỰ DO SÁNG TÁC” của đảng và nhà nước ta vẫn ban hành, xin bỏ bớt giùm đi các cấp trung gian, quan tâm tới nhà văn vượt mức các chỉ tiêu trên giao thì quý hoá biết là chừng nào. Xin chư vị Bắc Đẩu Nam Tào chứng giám, nếu NÓI và LÀM được khớp với nhau đẹp đôi như Nguyễn Du – Thúy Kiều (nhà văn và nhân vật) thì cánh viết lách chúng em đây cứ là mở cờ trong bụng như lúa chiêm tháng tư này đang ngấp nghé đầu bờ, chờ tiếng sấm mưa móc tự do của đảng, hồn vía lúa sẽ phùng phùng phọt lên mà phát òng òng sáng tác, báo hiệu vụ chiêm văn học bội thu chứ chẳng chơi; rồi thì chúng em rúc rích họp cho hết đại hội 7 nhà văn xong là lại tưng bừng, phấn khởi chuẩn bị họp tiếp đại hội 8 ạ! Chúng em sẽ túc tắc bảo nhau mà viết ra tác phẩm xứng đáng với thời đại, với dân tộc Việt Nam; một dân tộc mà số phận đã dành cho nó một khung cửa hẹp vào thiên đường độc lập tự do

qua hàng triệu hi sinh xương máu, để cho quyền làm người được có cơ tồn tại dưới mặt trời, như chính Nguyễn Du và Thuý Kiều từng khát vọng.

Hình như, trong kỳ họp đại hội nhà văn lần thứ 7 này, tôi đã mạnh nha thấy cái tinh thần cha ông xưa, cái quan hệ giữa chính trị và văn nghệ vừa cương vừa nhu, vừa thương khó, vừa phục sinh, vừa thủy vừa hỏa tương khắc mà thực ra là tương hỗ. Truyện Kiều sở dĩ có được là bởi nó biết cách thai nghén, giáng sinh trong hang Betlem bỏ lữa của tự do sáng tác, nơi lãnh đạo chính trị và văn nghệ quan hệ với nhau theo nguyên mẫu cặp bài trùng kỳ ảo giữa Tự Đức và Nguyễn Du, rất nên được tham chiếu hôm nay. Chừng như mối quan hệ ấy đang ẩn hiện thấp thoáng đâu đây như khói như sương, giúp già chúng ta cùng tiến đưa những rào cản đi khỏi nỗi sợ hãi của nhà văn, như xưa nàng Kiều từng tiến đưa Thúc Sinh (hay tiến đưa chính cái chuyện tình dấm dúi bán chính thức nhá nhem tối sáng của mình lên đường, đi tìm danh chính ngôn thuận dưới mặt trời). Đoạn, cùng nhau mà nẩy Kiều, rằng: “Người lên ngựa, kẻ chia bào/ Rừng văn nghe sắp nhuộm nâu rừng rưng”, (Xin cù Nguyễn Du tha lỗi) và xin chấm hết ở đây...

Sài Gòn 22-4-05

Trần Mạnh Hảo.

Đọc tới đây chị thấy sao? Mát lòng, hả dạ cho những anh nhà văn lâu nay bị khớp miệng, đeo mã trá, che mắt chạy trên đường một chiều. Và rồi những anh nhà văn ngây thơ, tưởng béo bở, hăng tiết vệt viết những điều ầm ục bấy lâu chất chứa trong lòng theo cảm xúc chân thật, Các anh bèn “hô hởi, phấn khởi” nhảy cẫng lên reo to: “Chúng ta được tự do thật rồi, nhà văn được tự do viết theo những điều mình nghĩ thật rồi, chấm dứt thời kỳ cấm

cản, ngăn sông cấm chợ rồi. Hoan hô đảng ta sáng suốt”, v.v. và v.v.

Nhưng mà khổn nạn quá chị ơi, té ra là có những thằng nhà văn mật vụ chuyên đi làm cái chuyện “xịt chó chạy vô gai” để tóm gọn ổ, đem đi hầm sả ớt. Té ra chế độ ta chuyên sản sinh ra những thằng nhà văn chuyên đánh trống thổi kèn, chuyên chửi bới, la làng, mật sát thiên hạ để báo công, báo điểm để vận hẫu, nhét họng những anh nhà văn chân thật, ngây thơ mà nhét bằng nùi rơm dưới sàn chuồng gia súc mới kinh. Thế mới nhớ ra hồi cuối năm 1965, đầu năm 1966 có cuộc tranh luận về Thơ Tự Do giữa Vũ Hạnh (Tin Sách), Viên Linh (Nghệ Thuật), Lữ Phương (Bách Khoa), Viên Linh đã dùng từ “cán bộ”, “tập đoàn cán bộ” để chỉ cho những tên nhà văn nằm vùng là chính xác. Sau 75, mới thấy lời cái bản mặt thật ra của những tên cán bộ văn nghệ nằm vùng. Hoá ra rằng, Ton Ton Thiệu có quá nhiều điều sai, nhưng có một câu nói rất đúng, có thể nâng lên thành chân lý cũng không sai, ấy là “chớ nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm”.

Thật là tởm lợm. Tởm lợm ở chính chỗ chúng mang sự thật ra để báng bổ sự thật một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Biết tin ai bây giờ?

Chị thấy đó, cái thân phận dâu tằm bọn em rất chi là khổn khổ khổn nạn: bao lần ném bút lên gác bếp nhưng đem lại ngẩn ngơ, tiếc cái phận tằm dâu lại lén giở xuống hý hoáy, rồi cất giấu như thằng ăn trộm, dâu đáng mặt văn nhân như cha ông ngày xưa? Sự ngứa ngáy cơ học thiệt buồn cười: im miệng không nói lung tung tức thời bị phản ứng phụ, ban đầu nhột nhột nơi chân tóc, lan ra ngứa trong bộ não, chuyển xuống tay chân. Vậy là không cưỡng chống được, tở như một trăm người đàn ông

thì có đến một trăm lẻ một người đứng trước người con gái tuyệt trần, lòng cứ động đập, dẫu đã diệt dục trước đó hàng mấy chục năm !? Chị kêu em chớ mở miệng ra khác nào cái cảnh các diễn viên trong phim hình sự, khi đám cướp xông vào bắt trời và dán băng keo lên miệng ai đó là đối tượng của chúng? Chị có dán thì xin nhẹ tay dán một nửa thôi, để phần còn lại còn có thể nhót nhép với các bạn văn và độc giả (loại chân thật). Một đề nghị chân thành để giải toả những ẩn ức, những áp lực đè chồng lên người tầng tầng lớp lớp, có được không, thưa chị kính yêu?

Còn nếu không, chắc có lẽ tốt nhất là bẻ bút đi giang hồ vật và nhậu quất cần câu để khỏi nhìn thấy lũ văn nhân khốn nạn kia?

Nassif May 15-2005

Ng~.

(1) Những cán bộ ở các cơ quan trung ương có nhiệm vụ coi chừng, canh giữ, chăm sóc những gì nhà văn viết ra, nói ra, thậm chí còn soi xét những ý nghĩ trong đầu nhà văn...

Rong bút

Trần Hoài Thư

*Người lính đêm qua đi kích về ghéch chân lên
Chiếc xe chở những ổ mì vàng nóng hổi
Cười nụ cười đầu tiên trong ngày
Và bật que diêm hút thuốc*

(Bức bích họa về một thành phố ban mai - trong Chiến

tranh Việt Nam và Tôi của Nguyễn Bắc Sơn, Thư Ấn Quán tái bản tại Hoa Kỳ, 2005. Sách dành để tặng)

Có lẽ khi đọc những câu thơ này, vài nhà phê bình sẽ phán rằng: "Chẳng có gì đáng bàn luận. Chỉ là một đoạn thơ tự do, tả cảnh, như tựa đề của nó. Chấm hết !"

Tuy nhiên với những kẻ trong cuộc, vậy mà không phải vậy. Việc thưởng ngoạn thơ không phải nằm trong những hình ảnh chấm phá mà tác giả đã vẽ lên. Nó còn đi xa hơn. Bởi vì ít ra hần cũng được tìm thấy phần nào hình bóng của hần, tâm trạng của hần mà có lẽ người không ở trong cuộc không thể khám phá được.

Chẳng hạn việc ghéch chân lên bàn. Kiêu hãnh hay là ba gai xem xung quanh bằng nửa con mắt. Theo ý tôi, đó là niềm kiêu hãnh. Bởi vì như chàng phi công trong Chuyến Bay đêm của Saint Exupéry cứ nghĩ mình giống như ông vua, ban phát niềm vui cho thiên hạ dưới trần gian, anh ta cũng nghĩ mình góp công trong việc có được những ổ bánh mì vàng nóng hổi. Bởi vì đêm qua anh không ngủ cả đêm. Đêm qua, có lẽ mưa lớn lắm, và anh phải mở tròng mắt, tai anh phải căng ra, để cố gắng phân biệt được tiếng động của người hay của thú vật. Đêm qua, anh muốn rụng tim vì phải cố liên lạc với nhà để báo cáo toạ độ để chiếc máy bay tuần thám hay pháo binh khỏi bắn lầm. Bởi vì đêm qua, đêm quá dài, anh có bầu bạn là những âm hồn, có nhà cửa là những mả mới mả cũ che chở anh. Đêm qua, anh cố gắng lót balô dưới đầu, nằm trên poncho cộm cộm đá, và đất thịt gồ ghề. Đêm qua, tiếng loa từ bên kia sông khi mất khi còn theo gió bay lại. Đêm qua, các đứa con phải mò mẫm trong

đêm, có khi họ ngừng lại, cúi đầu bẹp xuống một bể nước mênh mông để cố che dấu họ, khi trái sáng được bắn lên hay từ máy bay thả xuống. Có khi đêm qua anh nhớ đến con bị đau, không thể nào ngủ được. Để mong vô cùng tiếng gà gáy đầu tiên từ xóm trong. Để sáng nay, anh và bạn anh trở về, lúc tiếng động xe lam hay của những người đi phiên chợ sớm nghe rộn ràng. Anh ta cười nụ cười đầu tiên, và bật lại que diêm đầu tiên, vì anh vui mừng thấy một đêm anh bình an, hay cũng có lẽ anh cảm thấy hãnh diện khi thấy chiếc xe chở những ổ bánh mì vàng nóng hổi đi qua. Anh nghĩ anh đã đóng góp vào trong cái hạnh phúc chung. Từ cảm thức kiêu hãnh, anh biểu lộ ra hành động. Và cái ghếch chân lên bàn, hay nụ cười đầu tiên chính là những động tác biểu lộ. Tôi cũng từng ghếch chân lên bàn như thế sau một đêm trắng mắt. Cũng chẳng làm hại đến ai. Và đã có những câu thơ làm trong lúc nhìn cô hàng cà phê ở chợ Huyện như sau:

*Cô hàng chợ Huyện mơ gì nhỉ
Mà sao yên lặng như tương tư
Tôi biết đêm rồi không chó sủa
Và cô chắc cũng có cơn mơ ...*

Như vậy, kinh nghiệm là một yếu tố rất cần trong việc phê bình, hay đánh giá một tác phẩm. Có lẽ nếu nhà phê bình được cơ hội lợi qua những con suối đen và lạnh buốt của Trường Sơn, để nếm thế nào là vi trùng sốt rét, buổi xế trưa, trùn hai ba cái mền mà run cầm cập, mất lơ đờ như mất cá ước, mà đọc mấy câu thơ của Quang Dũng: *Tây tiến đoàn quân không mọc tóc... Quân xanh màu lá dữ oai hùm.. Mắt trừng gọi mộng qua biên giới. đêm mơ*

Hà Nội đáng kiêu thơm thì chắc phải... sốt rét thêm. Không hiểu ý nhà thơ Quang Dũng là muốn tả cảnh đoàn quân "cao trọc đầu" như những chàng giang hồ hảo hán Lương Sơn Bạc hay viết về đám quân bị sốt rét kinh niên mà sao hầu hết sách vở các ngài phê bình đều phụ chú cho đó là một đoàn quân bị sốt rét đến độ tóc không mọc rồi bắt học trò phải nghiền ngẫm ?!

.Còn nữa. Như cái câu sao y từ điển tích Tàu: Xem cái chết tựa lông hồng. Cứ nhớ lại cảnh toán lính thực hiện công tác tiền thám, trèo lên ngọn đồi, người lính Thượng tiền sát, cầm dao rừng dọn lối đến một lúc nào đó y dừng lại không chịu tiến lên. Đôi mắt y ánh lên nỗi sợ hãi tột cùng... Chắc có kẻ lại dạy là tên lính tiền sát này hèn nhát, khiếp nhược. Thưa, hấn có huy chương vàng bạc đầy ngực. Hấn người gốc Ra đê, được tiếng gan dạ nhất đại đội đấy, các ngài ạ.

Tại sao?

Bởi hấn nghe mùi phân người nồng nặc chứng tỏ đã lạc vào chỗ hiểm rồi.

Có sống trong địa ngục mới hiểu rõ địa ngục là gì. Có nghe tiếng nổ, mới biết thế nào là tiếng nổ. Có xâm nhập mật khu mới thấy sợ cả tiếng động của cành cây gãy, con thú tìm mồi, hay mùi cứt mùi nước tiểu. Có bị vậy mới hiểu lúc nào nên chạy lúc nào nên ẩn. Kinh nghiệm ngoài đời cũng như kinh nghiệm trên chiến trường, không phải chỉ qua những sách vở hay nghe nói (tác giả nhiều khi phóng đại cũng nên) mà là kết quả của một quá trình gian khổ, thất bại, nhục nhã, đắng cay

ê chề và đôi khi được trả bằng một giá rất đắt. Trong lính, ai lại qua mặt được kinh nghiệm của những người lính già về kinh nghiệm chiến trường. Như hai ông trung đội phó của chúng tôi (Một ông người Nùng và một ông người Thượng) trong thời gian chúng tôi làm trung đội trưởng thuộc đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 BB. Họ ít học, nhưng kinh nghiệm chiến trường không ai có thể qua mặt. Thú thật, nhờ họ mà chúng tôi vẫn còn sống sót đến ngày hôm nay, trong khi đơn vị có 6 sĩ quan thì 4 người đã tử trận.

Kinh nghiệm quan trọng ở ngoài đời như vậy, nhưng trong văn chương hình như bỏ quên. Có phải vậy không ?

2. Gặp lại Lữ Quỳnh sau gần 35 năm, kể từ khi từ già sư đoàn 22B ở Bình Định. Không nhớ, nhưng anh nhắc: Lần cuối ấy mình chở bạn qua đèo. Và sau đó, mỗi lần nhìn ngọn đồi là mỗi lần nhớ đến bạn. Còn tôi thì kể: Mỗi lần về, *đợi*, là tìm đến nhà bạn. Tôi nhớ tôi bỗng cháu Hải vào lòng. Ngày ấy cháu thật kháu khỉnh. Bụ Bẩm làm sao. Không ngờ tôi được bỗng ẵm một nhà văn trẻ nổi tiếng của VN sau này. Còn chị LQ thì kể: Tôi nhớ mỗi lần anh đến nhà chơi, anh mang bộ đồ rằn ri...

Chúng tôi đã kể lại những kỷ niệm, nhắc về những hoài niệm xa xưa. Đó là những gì mà một đời của bất cứ ai phải gìn giữ để làm bông hoa trang điểm cho đời thêm ý nghĩa. Để hiểu thế nào là tình bạn. Để càng cảm ơn trời đất vô lượng đã cho mình được sống sót và có dịp được gặp lại sau bao nhiêu biến cố lịch sử, và dâu biển tang thương. Để không nói, mà nói nhiều. Nói bằng tim, bằng mắt, bằng cái bắt tay. Cái bắt tay cũng là bắt tay thường

tình như mọi cái bắt tay khác, nhưng với một người bạn cũ, nó còn chuyền theo nỗi niềm rưng rưng đến nghẹn cả lời. Như một giấc mơ cũng nên. Bởi mỗi đứa chúng tôi tìm bắt lại cái bóng mình. Không còn là "đập gương tìm lấy bóng" mà thực sự cái bóng ấy bây giờ hiện hữu. Cho dù qua hai người đàn ông tóc nhuộm bạc rồi. Đó là cái bóng của bạn nhưng cũng là của mình. Mình thấy bạn mà liên nghĩ đến mình. Hai gã trẻ, và hai ông già. Có phải vậy không ?

Phải. Có một sự thay đổi đến não nùng. Từ bề ngoài đến bên trong. Từ tóc màu đen, mắt sáng, tiếng cười rạn vỡ đến bây giờ, mắt đã mờ, da đã nhăn, và trí nhớ đã chậm lụt. Một khoảng thời gian quá dài, dài không phải một hai năm, mà cả hơn ba mươi lăm năm. Nhưng trong khoảng đường mà những cây số cứ dần dần chạy dần về một cõi khác, có những trạm dừng, có chiếc cầu bắt qua giòng sông đen, và tiếng ai hát theo những thành cầu lạnh. Có khi một cốc rượu chia đôi, có khi ta buồn quá đổi mà may thay, có bạn bên đời, an ủi, vỗ về. Có khi ta về thành phố, thất thế không nhà, có bạn chia xẻ nỗi buồn của ta. Có khi ta xuống đồi lao vào cõi dữ, một thời gian lâu không về thăm bạn, bạn ngỡ ta ra đi thật rồi. Có khi ngồi quán cóc mà uống thêm mây trời Bình Định Bà Gi...

Oi, cái bóng. Dù sao, nó cũng là một phần của đời của chúng ta. Phải không bạn.

Và cốc rượu cùng nhau nâng lên để cảm tạ đất trời vô lượng. Và *I love New York* để chứng tỏ ta cũng là dân New York như ai. Nghĩa là bóp còi, chửi thề và chạy đua cùng mấy gã tắc xi vàng để vợ chồng bạn có cái nhìn về

NY. Và qua hầm Holland, vào NJ TurnPike, hướng về Tượng Nữ Thần Tự Do, bên bờ sông Hudson như những tín đồ đi hành hương...

Bây giờ, bạn lại xa. Và thêm những ngày tháng nữa hoang vu mênh mông trước mặt.

Nhưng hề gì. Bạn có bóng ta và ta có bóng bạn. Là đủ rồi.

Bởi bóng là của mình-còn-lại-sau-khi-tất-cả-mất-đi. Như cái bóng diễm kiều xa xưa của người thiếu phụ về chiều. Thời gian chỉ biết cướp đoạt lấy đi. Nhưng chỉ còn cái bóng là tồn tại. Bởi vậy mới có những hội đồng môn, hội ái hữu, đêm tri ngộ, đêm nhớ bạn bè. Gặp nhau không phải là gặp nhau. Mà là gặp lại chính cái bóng của mình, của bạn bè mình. Có phải vậy không ?

3. May mắn, về phương diện văn chương, cái bóng của chúng tôi đã có những nhà văn/thơ nhắc lại, cho dù khó khăn lắm để tìm ra tác phẩm của họ sau 1975.

Tôi muốn nói đến trường hợp của một số nhà thơ như Phạm Thiên Thư, Vũ Hữu Định, Nguyễn Tất Nhiên hay Nguyễn Bắc Sơn v.v.. với những bài thơ đã ít nhiều đi vào tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi đón nhận thơ họ một cách tự nguyện, qua những tạp chí văn học hay qua bè bạn truyền tụng, hay qua những bài thơ được phổ nhạc chứ không phải qua những sách vở giáo khoa hay dựa vào ý của Hoài Thanh - Hoài Chân, Vũ Ngọc Phan...

4. Trong số những tác phẩm và tác giả " hay dần trời " (chữ của CVK trong Nghề Thầy) thời ấy là tập *Chiến tranh Việt Nam và Tôi* của Nguyễn Bắc Sơn. Tác giả vẫn còn sống (trong nước), nhưng tác phẩm thì biệt dạng mù tằm.

Tìm ở đâu bây giờ nhất là giữa xứ Mỹ này. Tìm ở đâu để được đọc lại những câu thơ thời chiến như thế này:

Mày gửi một chân về trận mạc. Mang về cho mẹ một bàn chân...

hay :

Đêm ngủ đổ ngâm thơ cùng đại bác

Hồn lao đao trong chuyển trục thăng bay

Đâu có chắc mặt trời mai sẽ mọc

Trời rây mưa lành lạnh khiến thêm say

5. Không ngờ, cơ duyên đã cho chúng tôi được gặp anh Lê văn Chính (tức nhà thơ Sương Biên Thủy trước 1975 và Lê Mai Linh hiện nay). Trước khi rời VN để theo diện HO, anh đã cố công đánh máy lại tập thơ và đã giữ gìn nó như vật gia bảo. Anh trao toàn tập cho tôi cùng một trang giấy vàng ố mà Nguyễn Bắc Sơn đã viết bài thơ tặng anh. Sau đó, hết bạn này đến bạn khác, trong và ngoài nước, thấy thấy đều rất sốt sắng khi chúng tôi nhờ cậy để thực hiện dự án. Người thì kiểm tư liệu. Người lục lại chồng hình cũ, người cố nhớ hay sao lục lại bài thơ mà NBS đã viết tặng. (NBS có thói quen hay viết tặng thơ cho bạn bè bằng tất cả loại giấy anh vớ được. Từ giấy nháp đến giấy bọc thuốc lá...)

Đến cuối cùng, tập 20 đã có mặt như tập 18 dành cho Y Uyên và tập 19 dành cho Nguyễn Nghiệp Nhượng trước đây. Và đặc biệt tập thơ CTVNVT hiếm quý lại có mặt sau mấy mươi năm trời biệt tích.

Vì tập thơ này rất quý, có thể nói là vô giá chỉ dành cho những người yêu thơ NBS nên chúng tôi rất hạn chế trong việc biếu tặng. Quý bạn nào thích, xin e mail hay liên lạc Toà soạn.

6. Computer đã làm chúng tôi khổ tâm không ít. Anh PVN lo bài vở thì ở tận miền cực Bắc của TX, còn tôi thì lo phần kỹ thuật in ấn tận gần biên giới New York, New Jersey. Anh CVK thì ở tận xứ Canada, anh TBT thì miền Houston. Riêng các bạn trong nước thì kể ở Huế, người ở Saigon. Chúng tôi chỉ mong nhờ computer để thực hiện TQBT. Có điều, bạn này xài máy dùng windows XP, bạn kia xài máy Windows 2000, bạn khác xài Windows 98. Khác nhau về Windows nên đôi khi gây nên những vấn đề nghiêm trọng về kỹ thuật. Chẳng hạn, chữ nghiêng thành chữ đứng. Đôi khi chữ đậm thành chữ nhạt. Hoặc nhảy hàng. Hoặc dấu sai vị trí. Dấu chấm (.) biến thành dấu nặng v.v..

Một ví dụ là trường hợp bài Viết Chung của anh CVK số vừa rồi. Tiêu đề *Viết như niềm ái ngại ...* và câu thơ trích *mai sau dù có bao giờ..* lại giống nhau về font khiến người đọc cứ nghĩ lầm tiêu đề và câu thơ trích là một.. Xin được đi lại như sau và thành thật cáo lỗi cùng tác giả.

Viết như niềm ái ngại ...

Cao Vị Khanh

mai sau dù có bao giờ...

Ngoài ra, trong một bài viết chung của tập 18 chủ đề tưởng nhớ Y Uyên, có đề cập tờ Khởi Hành và trường hợp Y Uyên. Chúng tôi có nhận điện thư của nhà thơ Viên Linh cho biết tuần báo KH do anh làm thư ký toà soạn trước 1975 chỉ có mặt **sau** khi Y Uyên tử trận... Xin lỗi anh VL, hiện coi nom tuần báo KH ở hải ngoại và bạn đọc.

Riêng số tới, chúng tôi dự trù sẽ thực hiện chủ đề Võ Hồng. Ông đã trên 80 tuổi (có lẽ 84 ?) và yếu.

Khi gặp những bạn hữu của chúng tôi đến thăm ông, bao giờ ông cũng nhắc đến Thư Quán Bản Thảo ở Mỹ.

Chúng tôi mong quý bạn xa gần, trong và ngoài nước cùng nhau đóng góp bài vở, tư liệu, hình ảnh để chúng ta cùng làm món quà đặc biệt dành cho nhà văn tiền bối.

Những Trang Viết Từ Houston:

NHƯ CHUỐI CHÍN CÂY

Trần Bang Thạch

Bạn thân mến xa xôi,

Đâu chừng 20 năm trước, trong một lá thư viết tay, tôi có than với bạn là mấy năm sống ở đây tôi vẫn chưa quen với túi bụi những ngày lễ và những ngày gọi là kỷ niệm. Với mình ngày lễ mà sao giống như những ngày-không-lễ. Tâm trạng mình cứ ui ui như một ngày không mưa không nắng. Ngày Tết Nguyên Đán của mình mà

vẫn phải đi cày thì cả trăm ngày lễ khác còn có ý nghĩa gì nữa, phải không bạn? Independence Day, Labor Day, Flag Day, Memorial Day, Mother's Day, Father's Day, Patriot Day, Secretary Day, Veterans Day, vv...Sống lâu lên lão làng. Dần dà tôi cũng thấy một chút ý nghĩa nào đó của một ngày lễ nào đó. Chẳng hạn như ngày Lễ Tình Yêu, gọi là Valentine's Day. Trên đường đi làm về, thấy lễ đường này, gốc phố nọ chỉ một sớm một chiều mọc lên những lều vải bày bán bông hoa xanh vàng tím đỏ, bỗng sức nhớ rằng đã bao lâu rồi mình quên những cử chỉ gọi là âu yếm, có pha chút romantique với vợ nhà, bèn tấp xe vào một góc đường, kiên nhẫn đứng xếp hàng năm bảy phút trước sạp bán bông hoa, làm như người chồng văn minh, sành điệu, mua một bó hồng tươi bọc cẩn thận trong một tấm giấy kiếng có hình hai trái tim hồng nằm kề bên nhau. Về đến nhà, không chạy xe vào garage như thường ngày, mà đậu xe trước nhà, làm như người khách, một tay cầm bó hoa dấu sau lưng, một tay bấm chuông cửa, người tình của năm mươi năm trước lọc cọc mở cửa, nhượng nhượng đôi mục kính để thấy bó hoa chìa ra trước mặt, nàng sững sờ, nàng ngạc nhiên quá đổi, chưa nói được lời nào thì bị một cái hun choáng váng mặt mày, thiếu điều dựng tóc gáy. Sau đó coi bộ nàng cảm động lắm. Mà nhà đàn cảnh là mình tự đứng cũng cảm động nữa mới ngộ! Cảnh nó làm tình mình động, chắc vậy. Bó hoa không đáng mười đồng bạc vậy mà nàng chọn một cái bình thủy tinh đẹp nhất trong tủ kiếng, lau chùi sạch sẽ, cẩn thận rót nước lọc vào bình, nhẹ nhàng đặt hoa vào rồi tỉ mỉ sắp sọc từng ngày, nhìn ngắm, thay nước, rửa rửa, làm như thiếu hơi hướm của nàng thì hoa sẽ héo. Tôi nghĩ giá mà bó hoa ấy sống

được năm mươi năm thì nàng vẫn ân cần chăm sóc như nàng đã năm mươi năm chăm sóc, giữ gìn mối tình của nàng với người bạn học lớp đệ ngũ của ngôi trường tỉnh lẻ năm nào. Đó đích thị là *Tình Yêu*, chẳng *hình như hình nhĩc* gì ráo trọi, phải không bạn? Bạn thì, uổng thay, không vợ mà cũng không có người yêu, cho nên tôi không thể khuyên bạn nên làm thử một lần như tôi để thấy hương vị tình yêu nó ngọt lịm lịm, nó ngào ngạt, nó ngất ngây đến chừng nào, dù cho đó là tình yêu đã cũ, đã năm sáu mươi năm tuổi. Bạn chưa từng nghe nói rượu càng giữ lâu năm càng quý và càng ngon sao bạn?

Bạn thân mến xa xôi,

Sau vài tháng bất tin hồng nhận, tôi đang viết thư này cho bạn vào đúng ngày 8 tháng 5. Ở đây hôm nay người ta đang ăn mừng ngày lễ Mother's Day. Rồi hơn một tháng sau, ngày 19 tháng 6 là ngày Father's Day. Nói thật với bạn khi cha mẹ mất rồi tôi mới thấy hai ngày lễ này có ý nghĩa vô cùng. Hai ngày lễ này ở nước mình không có vì có lẽ mình cho rằng ngày nào mà chẳng là ngày đứa con phải hiếu kính cha mẹ, đâu phải đợi tới ngày Lễ Mẹ hay Lễ Cha. Nhớ hồi cha mẹ còn sống, hình như mình ít có dịp gần gũi cha mẹ. Những lời nói thương yêu với cha mẹ lại càng hiếm. Với cha, tôi biết chắc là mình chưa lần nào nói lời "*con thương ba*". Còn với má thì tôi không nhớ, nếu có thì chỉ có lúc tôi mới lên ba, lên bốn, trước khi tôi biết mắc cỡ. Tôi chỉ có năm, sáu năm đầu đời sống với cha khi cha mẹ tôi còn chung sống với nhau. Sau đó thì lang bạt với mẹ trong bưng biển, gần gũi người dưng hơn là gần mẹ. Đến hơn mười tuổi thì ra tỉnh trọ học. Từ đó mẹ thì cứ ở quê mẹ, còn con thì

hết tỉnh tới thành, hết quê người đến xứ người. Vương tuổi ngựa nên cứ ngựa phi, ngựa phi đường xa. Cha tôi mất năm năm trước, ở tuổi 94, mẹ mất năm rồi, thọ 86. Ông bà cộng tuổi thọ lại là 180. Vậy mà nếu cộng lại những ngày tôi thật sự sống bên cả cha lẫn mẹ thì dưới 18 năm, chưa tới mười phần trăm tổng số tuổi của ông bà. Bây giờ ước muốn được xoa tay, nắm chầm cha mẹ dù chỉ một lần nữa thôi, một phút nữa thôi, cũng không được. Nghĩ mà xót cái lòng. Ngày xưa học Nhị Thập Tứ Hiếu thấy 24 cái hiếu, cái nào cũng nghĩ rằng mình làm được, có khi còn làm hơn thế nữa. *Thầy Mẫn Tử rất đường hiếu nghĩa, xót nhà huyền quạnh quê đã lâu. Thờ cha sớm viếng khuya hầu.....* Rồi Thầy Tử Lộ đội gạo đường xa bán buôn nuôi mẹ. Có người hiếu tử khác cảm thấy buồn khi ngọn roi của cha mẹ không làm thầy đau như trước. Rồi người hiếu tử khác nữa, mùa đông tháng giá, nước đóng băng, khoét một lỗ, lặn xuống đáy sông bắt cá hồng cho cha mẹ ăn. Đặc biệt có chuyện ngài Lão Lai đã trên bảy chục mà vẫn thường vẽ mặt, cột tóc củ hành thành chú hề con làm trò vui cho cha mẹ giải khuây. Quả là không có cái hiếu nào giống nhau. Mạnh ai nấy giữ chữ hiếu của mình. Có nhiều người không có để mà giữ!

Đến đây thì tôi muốn thuật lại câu chuyện Lão Lai thời nay cho bạn hiền nghe cho vui.

Số là tháng trước chúng tôi 11 người từ Houston đi Dallas dự lễ Thượng Thọ của vị thầy cũ, cũng là thầy của bạn đó. Ông thầy này thì chắc chắn bạn còn nhớ nếu bạn không quên những ngày bạn mới biết yêu, và nếu bạn vẫn còn nhớ mái tóc dài cột thành cái đuôi ngựa của cô con gái thường ngồi phía sau chiếc Lambretta màu

trắng theo cha tới trường. Thấy bạn mỗi sáng đứng lấp ló cạnh gốc cây sao bên kia đường, chỗ đối diện cổng nhà thầy, đôi mắt của người con gái thì cúi xuống mà đôi mắt sau cặp kính cận của thầy thì tế nhị ngó bạn một cái thật hiền, đôi khi nháy nháy, như ngầm thương hại cây si thứ mấy chục. Thầy bây giờ đã tám mươi, còn người mộng năm xưa của bạn thì đã trên năm mươi rồi, vẫn là một phụ nữ đẹp, ăn nói duyên dáng hoạt bát như một MC chuyên nghiệp trên sân khấu. Hôm ấy đông vui lắm bạn ạ, như là một ngày họp mặt trường cũ. Các đồng nghiệp của thầy và hơn ba mươi môn sinh của thầy từ mấy mươi năm trước không hẹn mà gặp. Có vài người từ xa về. Nhiều đồng nghiệp và học trò cũ không về dự được đã có thư và có thơ xướng họa chúc thọ. Coi như ngày Thượng Thọ bắt đầu từ mấy tháng trước và kéo dài cả tháng sau. Cái dinh của ngày Bát Tuần Thượng Thọ dĩ nhiên là Thầy rồi. Nhưng tôi muốn nói với bạn những người khác. Nói về những Lão Lai tại xứ cao bồi Dallas của một buổi chiều thượng tuần tháng Tư vừa rồi.

Bạn biết không, Thầy Cô có tất cả 10 trai và gái sống rải rác nhiều nơi, ở Mỹ, ở Pháp, cộng với 10 dâu và rể và cháu và chất, vị chi hôm ấy có mặt gần năm mươi. Chỉ cái việc các con cháu về nhà đông đủ như vậy đã là niềm vui lớn, là hạnh phúc lớn cho cha mẹ rồi, đừng nói chi đến việc con cái đứng ra tổ chức một lễ Thượng Thọ thật đông vui và ấm cúng. Suốt buổi hôm ấy thầy vui lắm. Tôi không thấy một nếp nhăn nào trên mặt Thầy, hay tất cả đã biến mất trong nỗi vui đoàn tụ này? Trông Thầy thật xúc động khi nghe những lời chúc thọ từ các đồng nghiệp cũ, từ các học trò cũ và từ các con cháu. Có những học trò đã quá lục tuần tự biên rồi lên sân khấu tự

diễn nhạc tuyệt cho Thầy nghe. Ở cái xứ này, ở thời này mà có một sự tụ hội tình nghĩa như vậy là hiếm lắm, cho nên rất quý. Hơn bốn mươi năm biết bao vật đổi sao dời mà tình đồng nghiệp vẫn bền chặt, nghĩa sư môn vẫn đậm đà. Điều đặc biệt là những con, cháu và rể của Thầy là những Lão Lai hôm ấy. Mỗi người có một tài năng riêng. Đứa đàn, đứa hát, đứa ngâm thơ, đứa phổ nhạc những bài thơ của cha, đứa đánh đuống, đứa đánh trống...Khỏi nói thì chắc bạn cũng biết là tấm lòng người làm cha mẹ vui sướng đến cỡ nào khi trước mắt mình các con đã lớn, đã nên duyên phận, đã thành tài, thành danh tụ họp về đây, lần lượt đứng trên sân khấu chủ yếu là làm vui cha mẹ. Ngài Lão Lai mà có sống dậy thì cũng làm hay đến như thế là cùng!

Bạn thân mến xa xôi,

Thấy người rồi nghĩ đến ta. Sáu mươi năm cuộc đời của ta, ta chưa nghĩ tới một lần làm trò vui cho cha mẹ cười. Bây giờ muốn làm thì đã trễ rồi. Một chuỗi dài buồn thảm 86 năm của má tôi coi như đã hết rồi. Muốn xen vào đó vài niềm vui thì chuỗi đã khép. Như mộ huyệt đã kín bưng.

Tại phòng gia đình nhà tôi, Mỹ gọi là living room, tôi có bàn thờ với các khuôn ảnh ba má vợ và ba má tôi. Mỗi ngày tôi đốt hương hai lượt, sáng và tối. Các con tôi có đứa từ xa lâu lâu mới về, có đứa về thăm nhà mỗi cuối tuần, có đứa ghé qua nhà mỗi ngày, bước vào nhà là đốt hương xá ông bà; trước khi ra về cũng làm như vậy, không ai dạy bảo. Vợ tôi mỗi ngày thay hoa mới, châm trà mới trên bàn thờ, vài ngày thay đĩa trái cây mới, như một thói quen từ mấy năm nay.

Như vậy chắc là bạn đang thấy điều này: Khi cha mẹ chết rồi mình mới được gần gũi cha mẹ nhiều hơn. Mỗi lần đốt hương ngược nhìn cha mẹ, nghĩ về cha mẹ; đôi khi còn nói thầm mấy câu, chỉ nói cho mình nghe thôi, vong linh cha mẹ biết có nghe không những lời thân ái thương yêu muộn màng của mình nói với các Người? Còn nụ cười của cha mẹ làm sao mình có thể thấy được bây giờ? Họạ chẳng là chỉ thấy trên linh ảnh!

Và như vậy chắc bạn cũng đang nhớ câu hát dân gian này:

*Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng, con rày mồ côi !*

Gió đã lay vườn nhà tôi nên trái chín đã rụng rồi!
Hôm nay ngày Mother's Day đầu tiên tôi thiếu mẹ trên đời, nên cảm thấy buồn! Bạn là người cũng thiếu mẹ như tôi, hy vọng mình sẽ dễ dàng thông cảm với nhau qua lá thư này.

Houston, May 8, 2005

Finding Neverland

CAO VỊ KHANH

Có lần em hỏi tôi người ta có thể sống thực trong một thế giới ảo. Câu hỏi vuột ra khỏi đôi môi kẻ chỉ, bắt

khảo như ngón tay nhỏ rụt rè, gồ gề đâm lên cánh cửa đời đã đóng kín. Tôi không có câu trả lời. Em cũng không hỏi lại. Nhiều năm sau nữa, sự im lặng của tôi đã như một thú nhận về cái giới hạn đáng buồn của trí tưởng chúng ta khi phải đối đầu với thực tại.

Tháng tư năm nay, cùng với mùa xuân về sớm trên những đợt cây và những nóc chim thành phố, người ta đem chiếu ra mắt cuốn phim *Finding Neverland* của đạo diễn Marc Forster, kể lại giai thoại sáng tác của tác giả chuyện Peter Pan. Nói về một tác giả của những giấc mơ hoang đường là một cố gắng tưởng tượng thêm lần nữa về một sự tưởng tượng vốn đã phá vỡ hết mọi ranh giới của hiện thực. Peter Pan vốn là biểu tượng tuyệt vời của mọi giấc mơ thời chưa lớn. Và chính là nhân vật vẫn hay đi đi về về giữa cõi mơ và cõi thực trong mỗi chúng ta. Trong bóng tối kín bưng của rạp hát, tôi nhớ đến câu hỏi của em.

Làm sao một người, lúng túng giữa mọi thứ ràng buộc của đời sống, có thể thoát ra và... bay bổng?

Thử nghĩ đến một ngày của James Matthew Barrie, nhà viết kịch của Luân Đôn những năm đầu thế kỷ hai mươi. Bản kịch mới nhất không thành công, đời sống lứa đôi thì đang đến hồi nguội lạnh và nguồn cảm hứng sáng tạo lại tự nhiên tắc tị. Ông loay hoay một mình, bí lối. Mỗi tâm tình duy nhất còn lại là con chó Pothos mà ông vẫn thường dẫn đi dạo loanh quanh ở công viên Kensington. Vậy đó rồi ông gặp gia đình của người góa phụ trẻ với bốn đứa con trai cùng chạng tuổi. Họ kết bạn với nhau.

Và người viết kịch tự đứng như muốn sửa lại cái tuổi thơ buồn thảm và mất mát của mình (cái chết đột ngột của đứa anh trai thân thiết mới 14 tuổi và nhất là cái tình thương lọt lạt của bà mẹ không bao giờ hồi phục lại được sau cái tang đó) đã bày đầu cho những người bạn nhỏ của ông ta những trò chơi... con nít. Thứ trò chơi mà óc tưởng tượng là chất liệu đầu tiên. (Em có còn nhớ tới không những con búp bê bằng nhựa mà em đã tô son vẽ mắt, quần vải choàng khăn... rồi ẳm bồng đong đưa ru ngủ trong một góc phòng ngủ khi cha mẹ còn đang bận bịu giữa phố chợ đông người...)

Bằng sự đồng lõa tuyệt vời của bốn người bạn nhỏ, ông ta đã cùng họ, bỏ lại cái thực tại vây khốn (sự nghiệp thất bại và những mè nheo của thiên hạ, hạnh phúc đổ vỡ và những mai mỉa của người vợ lạnh lùng...) chấp cánh bay vào thế-giới-thực-mà-không-thực... khoảng trời xanh và mây trắng, lá nỏ và nhựa thơm, ong bướm phương phi và hoa cỏ óng ả, mọi lời nói đều phá thể, mọi hành động đều phá cách... ngay cả đến những tên cướp biển cũng không thiếu phần mã thượng... ông say mê sắp đặt bày biện trên đôi cánh vô cùng của một trí tưởng tượng vô biên... Ông dẫn dắt đám nhỏ (hay dẫn dắt chính ông) vào những cảnh sống phi thường mà đời thường đã chặn bít hết mọi lối thoát. Có phải không em, nói như lời một nhân vật trong chuyện, trong mỗi chúng ta đều có một nàng tiên đang tiềm ẩn ngủ chỉ chờ được gọi dậy để chấp cánh bay lên... bay lên khỏi những ràng buộc vụn vặt và muộn phiền của đời sống. Nhờ vậy bà mẹ góa và bốn đứa con túng thiếu đã tìm lại được nụ cười hồn nhiên và sáng khoải mặc kệ những bữa cơm đạm bạc, những bộ quần áo giắt gấu vá vai và hằng

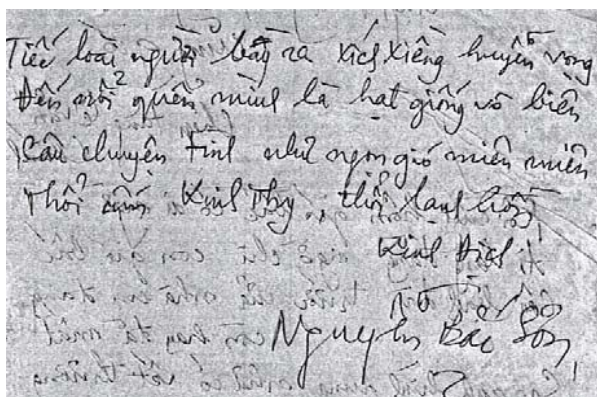
hà sa số nợ nần cứ giằng co đeo đuổi. Ông đã mơ lại cùng những đứa bé chưa biết nói dối những giấc mơ chân thật nhất của một đời người. Ông đã dẫn đường cho bầy trẻ tìm đến cái thế giới thần tiên. Con đường ngắn và thẳng băng : "Hãy nhắm hướng của ngôi sao thứ nhì bên phải và bay thẳng về phía rặng đông". Ở đó họ có tất cả. Hoàng tử và giặc biển. Công chúa và ngư nữ. Ở đó những con cá voi biết nói. Những trái bí thành xe song mã. Hoa biết cười. Chim chóc biết hát. Ở đó những kẻ sát nhân phải đền tội. Và những người hiền lương sẽ được hưởng phúc lâu dài. (vậy chớ đó không phải là giấc mơ thuần hậu nhất của con người hay sao?) Ông đã biến họ thành những giấc mơ của chính họ, sống đúng theo mẫu mực mà chính họ đã tự vẽ ra cho mình bằng cái chức năng kì diệu nhất của bộ óc con người, sức mạnh của sáng tạo. Trong thoáng chốc, đứa bé tí hon như ngón tay út cũng đủ biến thành tay giang hồ bạt mạng, một góc vườn nhỏ cũng có sức hoá thành rừng cây bạt ngàn, một vũng nước mưa bỗng mênh mông thành biển cả... Và nếu cần, một đôi cánh mỏng sẽ đưa người ta bay qua vạn dặm, núi đèo, sông nước, trường thành... sẽ không có gì cầm chân người ta lại được ở bên này cái cõi đời lạnh lẽo và buồn bã này. Ngay cả cái chết cũng không còn là tử biệt.

J.M. Barrie từ đó viết nên một tác phẩm để đời. Peter Pan. Y như cuộc phản kháng hiền lành nhất của những đứa trẻ bị ép làm người lớn. Peter Pan, người bạn đồng hành thân thiết nhất của không biết bao nhiêu thế hệ trẻ con bị bỏ quên trong những gian phòng kín cửa. Khi bên ngoài trời cao và đất rộng cứ lao xao bao nhiêu là tiếng gọi lên đường.

Cuối cùng, người mẹ trẻ bị bạo bệnh mất, bỏ lại bốn đứa con thơ. Để trả lời cho nỗi lo không còn nhìn thấy mẹ của đứa bé thông minh và nhạy cảm nhất, ông đã dặn dò nó một niềm tin về một cơn mộng. Và qua làn lệ mỏng, đứa bé đã tin... và nhìn thấy lại mẹ, ngay khi những lớp đất thô vừa lấp kín lòng huyết tối.

Phim kết thúc bằng cái hình ảnh tự nhòa đi của hai nhân vật chánh, người văn sĩ và cậu bé con vừa khám phá được cái thế giới ảo ở ngay chính trong cuộc đời thực. Mơ mộng có phải là cái vũ khí tự vệ cuối cùng của con người, kể cả những kẻ yếu đuối và cùng khốn nhất. Cái khả năng sáng tạo phi thường tiềm ẩn trong một góc bí nhiệm nào đó của bán cầu não trái đã và sẽ còn mở ra cho chúng ta những lối thoát không ngờ. Người ta có thể giam tù một thân xác nhưng không bao giờ, không bao giờ người ta khóa chặt được một tinh thần. Ở hai đầu một nỗi thương nhớ vẫn là sự chung đụng của hai tâm hồn. Và như vậy trí tưởng vẫn là con đường ngắn nhất để phá vỡ những sinh ly. Uống giọt nước đã chảy xuôi từ đầu sông về cuối sông có phải là cái biểu tượng hợp nhất của mộng và thực, của khả năng vượt thoát trong những hoàn cảnh bức bách, của cái chung trong cái riêng...

Và như vậy, tôi có trả lời được em chưa, câu hỏi đó ?



CHỦ ĐỀ NGUYỄN BẮC SƠN

NGUYỄN BẮC SƠN

- TỰ BẠCH
- THƠ

VIẾT VỀ NGUYỄN BẮC SƠN

- TỪ THẾ MỘNG
- LÊ MAI LĨNH
- NG~

NGUYỄN BẮC SƠN

TỰ BẠCH

....Đời kẻ làm thơ thường nhọc nhiều hơn vinh, buồn nhiều hơn vui, nhưng kẻ vừa làm thơ vừa hành tập Đông Phương Triết Đạo thì thường thường thanh thản, thường có những niềm vui nội mật, thường mỉm cười an thân lập mệnh. Khi qua đời, tôi xin được mỉm cười...

Như những người làm thơ bằng tiếng lòng và hành tập Triết Đạo Đông Phương, cuối đời thý sĩ, mùa thu tóc trắng, nhắm mắt lại thấy mây trắng bay đầy tâm tưởng, mây trắng bay về mây trắng bay!! Đời kẻ làm thơ thường nhọc nhiều hơn vinh, buồn nhiều hơn vui, nhưng kẻ vừa làm thơ vừa hành tập Đông Phương Triết Đạo thì thường thường thanh thản, thường có những niềm vui nội mật, thường mỉm cười an thân lập mệnh. Khi qua đời, tôi xin được mỉm cười.

“ Nhân sinh nhược đại mộng ”. Tỉnh mộng thường xảy ra vào thời gian thoát xác lìa đời, thời gian cận tử. Đã chết nhiều lần nên kẻ làm thơ tất nhiên phải có nhiều lần tỉnh mộng. Đức Phật thường thuyết “ tam thiên đại thiên thế giới ”, vậy thì cái trái đất bụi hồng này cũng nhỏ nhít vậy thay! Khổ đau và tủi nhục của một đời thы sĩ còn nhỏ nhít biết chừng nào!!

Tôi thường đọc Kinh Dịch, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Kim Cang Bát Nhã. Xin trích một đoạn, một bài kệ trong Kim Cang Bát Nhã để nói rõ ý mình:

Nhất thiết hữu vi pháp

Nhất mộng, huyễn, bào, ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán

(tạm dịch: tất cả những hiện tượng trên thế gian giống như mộng, như huyễn, như bọt nước, như ảo ảnh, như hạt sương và như chớp lóe. Vậy, người Phật tử chân chính hãy nhận thức thế gian này là như vậy .)

Đó là ý đạo. Còn lòng trần? Tôi vẫn còn, nói như thiền sư Nhất Hạnh trong “ Giác Mơ Việt Nam ”, tôi vẫn còn “ Giác Mơ Việt Nam ”. Đã biết “ nhân sinh nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh ” mà vẫn còn nồng nàn với “ Giác Mơ Việt Nam ”. Ấy là lòng kẻ làm thơ. Ai cũng vậy thôi. Xin các bạn tìm đọc bài “ Giác Mơ Việt Nam ” của thiền sư Nhất Hạnh.

Nguyễn Bắc Sơn

5 Chu Văn An

Phan Thiết- Bình Thuận.

Tel: 062. 896740

Ghi chú của TQBT: *Thường thường, chúng ta chỉ biết NBS qua thơ. Có lẽ, đây là lần đầu, chúng ta mới được đọc những suy nghĩ về văn chương của ông qua bài Tự Bạch. Và có lẽ chỉ có TQBT là tạp chí đầu tiên ở hải ngoại mới đi bài viết này. Điều này chứng tỏ chỗ đứng của TQBT. Ông đã ghi cả địa chỉ và điện thoại của ông dưới bài viết...Ông muốn vậy.*

TRANG THƠ NGUYỄN BẮC SƠN

....

Với chủ đề thơ của Nguyễn Bắc Sơn trên TQBT 20, chúng tôi đã liên lạc về trong nước và được anh gửi qua những bài thơ dưới đây dành riêng cho TQBT. Xin cảm ơn anh và các anh như TTM và ĐCM đã chuyển giúp những bài thơ của anh qua cho chúng tôi, cũng như bài “Tự Bạch” của anh....

TÂM HỒN TRẺ THƠ

Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc
Vô tình ngang một quán cà phê
Giang hồ hảo hán dăm thằng bạn
Mải mê tán dóc chẳng cho về

Về đâu đâu cũng là đâu đó
Đâu cũng đều hiu đất Hán Hồ
Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ
Ba ngàn thế giới cũng chưa to

Tháng giêng ngồi quán quán thu phong
Gió nhận môn quan thổi chạch lòng
Chuyện cũ nghe đau lòng tứ xứ
Thương Kiều Phong nhớ tiếc Kiều Phong

Bày ra một ván cờ thiên cổ
Thua trận nhà người cứ trả tiền
Mẹ nó, tiền ta đi hớt tóc
Gặp ngày xúi quẩy thua như điên !

Tháng giêng có kẻ đi tìm cúc
Nhưng cõi đời đâu có cúc hoa
Thấy đám phù bình trên mặt nước
Biết mình đi lộn nẻo bao la

Loạng quạng ra bờ sông ngó nước
trên trời dưới nước gặp ông câu
Ta câu con đú, người con đẽn
Chung một tâm hồn tất gặp nhau

Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc
Mời nhau một chén rượu trường sinh
Bát cơm tân khổ trong tù ngục
Câu chuyện năm năm khiến giật mình

Khi gã Yêu Ly đâm Khánh Kỵ
Là đâm trúng phải trái tim mình
Sông Mường Mán không dung hào kiệt
Muôn đời bóng núi đứng chênh vênh

Nằm ngủ dưới cây nghìn cánh hạc

Dường như mặt đất tiết mùi hương
Ngủ thẳng một lều chiều mới dậy
Dường như mình cũng mộng Hoàng Lương

Dường như đứa trẻ nghìn năm trước
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.

MÙA THU ĐI NGANG CÂY PHONG DU

Khi nhớ mình ta muốn ghé ta thăm
Ngôi nhà gần ngôi nhà xa vạn dặm
Con đường tình có cội nguồn sâu thẳm
Từ sinh cung của bà mẹ mệnh mong
Ai xui ngôi nhà em cất bên kia sông
Khiến đời anh cứ mãi qua cầu cứ trèo lên dốc
Bầu trời quá cao phải chăng lòng mình quá thấp
Chiều mù sương vì tình yêu mù sương
Ai xui ngôi nhà em cất giữa ngã tư đường
Khiến lòng anh cứ ngập ngừng ba ngã
Con phố thân quen bất ngờ con phố lạ
Nơi hàng cây rụng tiếng cắc kè kêu
Nơi lầu cao khung cửa sổ đều hiu
Soi thấp thoáng ngọn đèn hoa thiếu nữ
Những sợi tóc rụng trên chồng sách cũ
Vì thanh xuân theo nước lũ trường giang
Những chuyến xe đồ đêm đêm băng ngang
Rớt tiếng động khơi nỗi sầu viễn xứ
Bầy chim én đã bắt đầu tư lự

Ngủ âm thầm trên những đường dây cao
Đi ngang qua, đi ngang qua
Đi ngang qua
Đi ngang qua không dừng trong đời nhau
Hẹn gặp nhau ở nhất nguyên thế giới.

CÁI CHẾT VÀ LÒNG YÊU ĐỜI

Một mai anh chết tự nhiên
Mỉm cười thương tiếc cõi miền nhân gian
Suốt đời anh ly rượu tràn
Niềm vui sống cứ trải dần mệnh mông

Anh thương trái đất chạy vòng
Thương người khốn khổ một lòng thương yêu
Nhà thơ có ít cho nhiều
Hình như anh chết có điều bận tâm

Một mai nơi chỗ em nằm
Không anh em biết trăm năm là dài
Một mai ừ nhỉ một mai
Mỉm cười anh chết cười hoài thế gian.

CHIÊM BAO VỀ ĐÀ LẠT

Kỳ lạ nhỉ ! Giờ đây ta bỏ xứ
theo trái phong du, nín gió lên trời
xin bái biệt cổ thành với nhà ga không thiết bị
khói của chồi rơm, bãi cát trắng soi

Ủ Đà Lạt ngoài khung cửa kính
giàn su xanh thuở ấm má em hồng
và ta, kẻ mười năm không áo lạnh
biết đời mình đủ ấm hay không ?

Ủ Đà Lạt ta tha hồ cuốc đất
và tha hồ ẩn hiện giữa ngàn cây
sẽ đi tìm cây cần trúc nhỏ
ra hồ ngồi câu cá câu mây

Đà Lạt, lạc đà dẫm bầy đũa
còng lưng ra mà còng ba lô
những hào sĩ đứng bên bờ nhật nguyệt
vỗ tay cười thương lớp sóng lô nhô.

CƯỜI ĐUA CÙNG NÚI CAO BIỂN RỘNG

Sáng tinh mơ khi em còn chải tóc
anh vác mặt trời đi tắm biển thiên thanh
bà mẹ thiên nhiên yêu những người con lãng tử
yêu còn hơn tình em yêu anh

Nắng ba năm biển chẳng bỏ ta
mưa một ngày ta liền bỏ biển
anh tắm tẩy trần cho Chân Như hiển hiện
cho sạch lâu cát bụi trần gian

Nhiều năm qua anh là đứa con hoang
đi tìm kiếm người cha vĩnh cửu
phụ thân anh là chân không Diệu Hữu

bạn thân anh là những ngọn núi cao

Trời Xuân Thu thiên hạ sống lao xao
anh vận khí ngồi vẽ tranh thủy mặc
trên lưng trâu xanh đậu con chim Hoàng Hạc
trên triền núi cao đậu một mình anh

Núi công anh, anh công khúc trời xanh
anh nghĩ cách hào hùng công núi
dù núi nặng có làm anh chơi với
cũng không nặng bằng anh công khối tình em.

NGƯỜI BẠN GIÀ VÀ CÔ GÁI HUẾ

Vũ trụ chẳng qua chỉ là gian nhà mênh mông ấm cúng
Nên ta mời nhau chén rượu trường xuân
Các dân tộc giống như mấy mụ đàn bà hay cãi cò
Đồng phong, tín nguyệt biết bao lần

Trái đất bụi hồng, chiếc xe luân lạc
Chở muôn mùa bao viễn khách truân chuyên
Thi sĩ, người ngảy thơ ngó thấy
Cuối trời chiều, một bến đậu vô biên

Tôi đến rồi đi rồi lãng đãng
Anh nằm đau nặng chiếc giường con
“một chút mặt trời rơi vào ly nước lạnh”
Có gì đâu chuyện mất hay còn

Tôi ra quán cà phê, chuyện trò cùng cô gái Huế
Giọng nói Hương Giang, giọng nói ân tình

Ta mà cũng có người yêu mến nhỉ ?
Tóc mây trời bên mái tóc em xanh

Ta đã sống những ngày ngây ngất
Anh vẽ tranh còn tôi làm thơ
Chúng ta giống những hài nhi vô nhiễm
Chơi đùa trên sóng nước hư vô

Sáng nay anh đã qua đời rồi
Tôi vào quán nhạc ngó mưa rơi
Cô gái mỉm cười, tôi ứa lệ
Phải cuộc đời như một trò chơi ?

THƠ TÌNH THÁNG CHẠP

Cám ơn em đã viết cho anh những bức thơ tình
Tình thảo nguyên hoa quỳ vàng đắm đuối
Em không nói tiếng người, em nói tiếng chim, em nói
bằng tiếng suối
Tiếng nói em thơm ngát suốt hồn anh
Cám ơn em đã đi cùng anh trong khu vườn xanh
Vườn trĩu trái, trái hồng như trái ngực
Anh thương những loài cây suốt ngày bực tức
Vì giận mình sao chưa biết đi
Dù cho cây biết đi như mây bay
Vẫn còn thua bước chân người tình đầy dấu ấn
Khi loài chim bước tình cờ tha thẩn
Là lúc tâm hồn anh đầy những dấu chân
Cám ơn ngôi nhà em, ngôi nhà đã bao dung người thiếu
nữ
Vừa ngọt ngào vừa cay đắng như em

Những đêm mưa em có thấp ngọn đèn
Để chiếu sáng những góc lòng đen tối
Thôi câu chuyện tình nói cho nhiều cũng vậ
Trăm năm dài rồi sẽ đặng ngàn năm
Tất cả sẽ qua đi điều gì còn ở lại
Một đoá hoa Quỳnh trong cội trăm năm

THIỆU NỮ

Đứng trên núi đã thấy hàng đèn thị trấn
Là thấy mình lạnh buốt mấy ngàn năm
Vì đêm nay trời đất lạnh căm căm
Nên chợt nhớ chút lửa hồng bếp cũ

Nên chợt nhớ mắt môi người thiếu nữ
Đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa
Dù mai sau ngày nắng tiếp ngày mưa
Nhưng vĩnh cửu chút mơ màng thuở đó

CẢI PHẬT

Phật bảo đời người như bể khổ
Ta cười sương khổ bỏ sung nhau
Còn sống còn vui còn múa hát
Khổ đau như nước chảy qua cầu

GIẢI NHÂN VÀ SÁCH VỎ

Ta đọc ba ngàn quyển sách
Xong rồi chẳng nhớ điều chi

Ta chỉ nhìn em một cái
Sao mà nhớ đến mê si

VIẾT VỀ NGUYỄN BẮC SƠN

TỪ THẾ MỘNG

NGUYỄN BẮC SƠN,
NHÀ THƠ ĐÔNG PHƯƠNG

....Người này đọc, người kia đọc, chuyền tay nhau để mọi người cùng đọc, đến Chu Tử, một anh chàng nhà văn coi trời bằng vung, cũng vung tay, đưa thơ Sơn lên trang nhất, bên trái, nơi trang trọng nhất dành in quan điểm của tờ báo, mang tên “Sống” của mình. Rồi Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyên Sa...những đại thụ thơ văn ngày đó, cũng đồng loạt vỗ tay reo Sơn....

Tôi viết về Nguyễn Bắc Sơn là viết về một người bạn, tuổi trẻ hơn mà tài cao hơn.

Sơn sinh năm 1944, tại Phan Thiết, Bình Thuận. Tôi quen Sơn qua Tôn Thất Trâm (Đai Nguyên Vu), người bạn ở trọ trước mặt nhà, cùng tôi chơi với nhau rất thân, bởi cùng yêu cổ văn, mê Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tào Tuyết Cần, Vương Trữ Phủ, Tư Mã Thiên...Trâm thổi sáo, ngâm thơ, vẽ, ngón nào cũng tài hoa hơn người, nhất là làm thơ tình thì ... tuyệt. Tôi phục sát đất. Còn Sơn ư ? Sơn chỉ là một chú nhóc - nhỏ hơn Trâm 4 tuổi và tôi 7 tuổi - tôi đâu cần biết chú là ai.

Mãi tới năm 1972, khi tập thơ “ Chiến Tranh Việt Nam và Tôi ” ra đời, in tại Sài Gòn, chú bỗng vươn vai, cao vượt lên, khiến cho nhiều người phải ngước nhìn.

Thơ Sơn không phải bài nào cũng hay (xưa nay có người nào được vậy), nhưng phần nhiều đều toát lên một vẻ gì rất lạ, rất riêng. Thấm đẫm Phật, lão, Khổng. Sơn làm thơ như nói, như hát, rất nhanh nhẹn, phóng túng, không câu nệ bất cứ hình thức biểu lộ nào, cốt thoải mái, sướng khoái là được.

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cứt
Nhưng vì sao ta lại yêu em ?
(Trên đường tới nhà Xuân Hồng)*

*Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi sầu cùng gái diêm
Vung tiền mua vợ một ngày vui
(Mật khu Lê Hồng Phong)*

Mùa này gió núi mưa bưng

Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhất gan

(Một tiếng đồng hôa trước khi lên đường hành quân)

Đặc sệt Nguyễn Bắc Sơn, mà sao lạ ta cứ thấy có mình trong đó, một thằng con trai thời chiến không biết sống nay chết mai, đến chợ mắt còn “ nghe súng rừng xa nổ cắc cù ”.

Thì thôi chứ, ta còn giữ gìn ta mà làm gì, cứ tung hê lên, phá phách đời ta cho đến hết, rồi có ra sao thì ra.

Độc, cứ muốn hét to, cho hả !

Người này đọc, người kia đọc, chuyền tay nhau để mọi người cùng đọc, đến Chu Tử, một anh chàng nhà văn coi trời bằng vung, cũng vung tay, đưa thơ Sơn lên trang nhất, bên trái, nơi trang trọng nhất dành in quan điểm của tờ báo, mang tên “ Sống ” của mình. Rồi Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyên Sa...những đại thụ thơ văn ngày đó, cũng đồng loạt vỗ tay reo Sơn. Thì thôi chứ, cái hạt cát ngâm ngùi như ta, làm sao thốt nổi nên lời !

Tập thơ theo thời gian đã biến thành của lạ xưa nay hiếm. Nhiều người muốn được in lại, nhưng làm sao in ? Thời thế đã thay đổi. Phải sửa một đôi chữ, phai bỏ một đôi câu, nhiều bài phải cắt trợn đi một cách đáng tiếc. Nhưng được cái là thêm vào được một số bài thơ mới, rất Sơn. (Đã gởi kèm một ít cho Thư Quán Bản Thảo). Tập thơ xuất hiện dưới một tên mới, là tựa của một bài thơ cũ: “ Ở Đời Như Một Nhà Thơ Đông Phương ” (1995 Tp.HCM). Người làm cái công việc đáng yêu này, tên Nguyễn Thanh Trịnh, nhà văn, nhà biên kịch trẻ đầy triển vọng trước 1975.

Sách in ra, vèo là hết. tôi được tặng một tập, cũng không giữ nổi vì phải tặng lại cho người bạn thơ từ phương xa về.

Nguyễn Bắc Sơn có cái tính (tôi thích dùng chữ tật hơn) rất dễ thương mà tôi nghĩ hiếm có nhà thơ nào được vậy, là thơ mình ai muốn sửa, cứ sửa. Đừng nói một chữ, một câu, mà thậm chí đến cả một khổ thơ đảo lộn từng phèo hết trơn, cũng mặc kệ. Thành ra thơ Sơn có rất nhiều dị bản là vậy.

Tôi có một người bạn, cặp mắt to gần bằng nửa cái rổ của Kim Thánh Thán, một hôm tới chơi nhà, móc túi lấy một bài thơ do mình chép tay của Sơn, khen hay không chịu nổi. Tôi đọc, đúng là hay không chịu nổi thiệt. Vội chép lấy chép để, làm của riêng ngâm nga chơi. Từ đó đi đâu gặp chỗ nào có bạn bè đông vui, là tôi trợn mắt, hoa chân múa tay, đọc. Bạn nghe, vỗ tay miết.

Bạn biết đó là bài thơ nào không ? Một bài rất cũ - mà cái thằng tôi lạc hậu này, sao lại quên bống đi mới lạ chứ - chắc nhiều bạn còn nhớ hết. Tôi chép ra đây, bạn sẽ thấy kỳ kỳ, bởi nhiều chữ đã thay đổi, bài thơ đọc treó ngoe hết trơn.

MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ

*Đêm Phù Cát mặc dù bên ngoài trời rất lạnh
Nhưng trong căn nhà tranh của thiếu úy Hồ Bang
Có tình bạn nồng nàn như rượu chôn nhiều năm dưới đất*

Có câu chuyện tình thì vị mang mang

*Vì ta nghĩ đàn bà người nào cũng như người nấy
Nên ta nhủ mình thôi hãy quên em
Nhưng đàn bà đâu có phải người nào cũng như người nấy
Nên suốt đời ta nhớ nhớ quên quên*

*Vì ta nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Bởi đám đông quây bản nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi*

*Dù mỗi ngày ta có xé đi năm, mười tờ lịch
Nhưng thời gian đâu có chịu trôi nhanh
Dù đen bạc là nơi cố xứ
Nhưng đi biệt cũng không đành !*

Thật khác với nguyên bản trong Chiến Tranh Việt Nam
Và Tôi phải không bạn ? Vậy mà hôm Sơn cùng thầy
Vĩnh Giên lên thăm, bảo có người ở Pháp cần mà không
tìm đâu ra, nhờ tôi chép lại giùm. Đọc xong, Sơn có tỏ
vẻ gì khác đâu, ngoài đôi mắt sáng khác thường.

Nguyễn Bắc Sơn, cái anh chàng quen sống phóng túng,
ưa la cà với bạn bè, ai rủ cũng đi, không rủ cũng đi, đi
bất cứ đâu, ở bất cứ nơi nào có bạn, không cần biết trong
túi có gì. Bởi anh chàng có gì, đã móc túi ra ban phát cho
kỳ hết: cụ già, người tàn tật...mà chàng cho là những vị
Phật sống trên đời, ngửa tay ra xin, là chàng không bao
giờ từ. Chỉ tội cho người vợ xinh đẹp của chàng đi tìm tá
lả đến mấy ngày cũng không thấy. Phải tốt lên xe, đổ

mất đưa về.

Sau khi in tập CTVNVT được mọi người công kênh, Sơn nảy ra ý viết “ Tư Tưởng Nguyễn Bắc Sơn ”. Còn trẻ, ai cũng ấp ủ một giấc mộng lớn, được thôi. Có người nói Sơn dóc tổ, con nít mà đòi lên mặt làm triết gia. Cũng đúng, sống ở đời mỗi người một ý, hơi đâu, đường ta ta cứ đi. Lớn tuổi, mộng tan dần, đường ta đi khó.

Sơn ốm tong, má hóp nhưng mắt sáng kỳ lạ, người chắc nụi. Sơn tập võ thuật từ nhỏ, huyết đạo nào cũng rành. Lớn tuổi, những lúc rảnh rỗi, Sơn thường châm cứu, cứu người, nghe nói cũng khá. Mấy năm nay, Sơn bỏ ra ít nhiều công sức, biên soạn cuốn “ Tiểu Luận Về Thy Đạo ” dài 9 chương, đại ý dùng thơ chữa bệnh giúp đời. Sơn chép tặng tôi một chương, tôi đọc đến hoa cả mắt, vẫn không hiểu làm sao chỉ đọc thơ không mà chữa được bệnh. Thơ phần nhiều trích trong truyện Kiều của Nguyễn Du, và những Mưa nguồn, Lá hoa cồn...của Bùi Giáng. Mộng tưởng cao xa, lời lẽ gần như khùng khịu, xin lỗi, tôi giữ làm gì, bèn đem cho bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, đọc chơi. Nghe nói Sơn đã gửi tập tiểu luận này qua Canada, để phổ biến và để lãnh...giải thưởng lớn !

Chữa bệnh bằng thơ của Nguyễn Bắc Sơn thì tôi không tin, chớ đọc thơ Sơn để nhắm rượu thì thú tuyệt, tôi làm hoài. Bạn đến chơi nhà bất ngờ quá, đồ nhắm đâu có sẵn, bèn bày rượu, lấy thơ Sơn ra ngâm: “ Đàn bà dễ sợ quá ta / Thịt đang liền lại xé ra làm đôi ”. Mỗi cỡ đó, hỏi lòng nào không say !

Tôi tên thật là Nguyễn Đình Tư, vì trong lớp đệ thất trường Phan Bội Châu xưa năm 1952 ở Phan Thiết, có một Tư nữa là Trần Văn Tư. Bạn bè bèn đặt cho Tư nhỏ nhắn như con gái là Tư Nữ, còn tôi đảo ngược là Tư Đình. Chết tên từ đó. Nguyễn Bắc Sơn đùa: “ Tư Đồ, Tư Mã, Tư...Không / Ba Tư dồn lại thành ông Tư Đình !”. Dồn mấy cũng được (càng dồn càng sướng), bởi tôi vốn thường mê gái, thấy gái đẹp là mắt sáng rỡ. Nghe, nhập tên, nhớ hoài !

Sơn, với ai, cũng dễ thương, dễ gần. Gặp bạn, là vung tay làm thơ, tặng bạn . Chữ viết như bay trên mặt giấy. Thích quá, còn vẽ thêm hai con mắt to tổ chắt, chắc là để hào quang chiếu rọi lên thơ.

Vì vậy, Sơn làm thơ nhiều, nhưng giữ chẳng được bao nhiêu. Bạn bè giữ hết. Thương Sơn, xin góp nhặt lại giùm. Bài viết này cũng chính là một phần của sự góp nhặt đó, dù rất nhỏ.

Phan Thiết, 12.5.2005

LÊ MAI LĨNH

(phóng bút)

....Từ đó chúng tôi quen nhau. Nhưng mãi tới hai năm sau, khi tuần báo Khởi Hành của Hội văn nghệ Sĩ Quân Đội giới thiệu những bài thơ viết về chiến tranh “ quá đã, quá xuất sắc, quá xuất thần ” của Nguyễn Bắc Sơn, tình bạn và tình thơ giữa anh và tôi mới keo sơn gắn bó.

NGUYỄN BẮC SƠN, CHÚT TÌNH MANG XUỐNG MỘ CHÍ

1.

Điều không may cho Nguyễn Bắc Sơn, cũng là điều không may cho chúng tôi, những người bạn, những độc giả đang muốn viết về ông, là cho tới nay ông vẫn chưa về bên kia chín suối. Tại sao lại là điều không may cho ông, là tại vì Đời Là Một Bể Khổ, như Phật nói. Do vậy, chưa chết là chưa hết khổ. Mà, điều cũng là lạ, là đã rất nhiều lần ông muốn chết. Năm mới 15 tuổi, ông đã lên nghĩa địa, cắt gân tay, nằm chờ chết. Không may cho ông là có người vào thăm nghĩa địa, thấy ông nằm, máu me tùm lum tà la, người đó đã cứu ông, đã cản trở bước đi của ông “ phiêu diêu miền cực lạc ”. Sau đó, ít nhất ông cũng có ba lần nhảy lầu tự tử, nhưng cũng chỉ sứt trán, rụng vài sợi lông, trầy da, tróc vẩy chút chút. Không chết, trong khi đời là bể khổ. Điều này Phật nói, chắc chắc là đúng, chứ không phải lê Mai Linh tôi nói. Thế là ông tiếp tục Ngụp, Lặn, Bơi, Nhảy, Đánh Đu trong bể khổ.

Như thế ít ra là ông đã chơi cho tới “ bốn lần ” thách thức, đùa với ông Tử Thần, và thách đố, đánh đu với ông Định Mệnh. Thấy ông Nguyễn Bắc Sơn chịu chơi quá, ông Tử Thần, và ông Định Mệnh chào thua.

Còn như cái việc ông NBS chưa “ an giấc nghìn thu ” là một điều không may cho chúng tôi. Là tại làm răng rứa? Xin thưa là tại vì: nếu như ông “ thôi còn thở ” khi viết về ông, chúng tôi *hoàn toàn tự do, viết huu, viết vượn, viết cọp, viết beo, viết thần lùn, rắn rết, chúng tôi không*

sợ. Khi vui, chúng tôi cho ông lên tận chín tầng mây. Khi buồn, chúng tôi đạp ông xuống bùn đen. Khi thương, chúng tôi gọi ông là thi hào, thi bá. Khi buồn, chúng tôi gọi ông là nhà thơ tép rêu, cò con.

Thật tội nghiệp, khó khăn cho chúng tôi là ông còn thờ. Nên viết khen ông, thì sợ rằng, ông cho chúng tôi là một: lũ nịnh bợ, thấy ông là Thi Bá nên tìm cách tâng bốc để được đến gần ông. Nếu viết chê ông, thì sợ rằng, ông sẽ đánh cho chúng tôi sặc máu đầu có làm đơn năn nỉ xin ông tha, ông cũng không tha. Tôi phải viết hoa hai chữ Võ Sĩ. Thưa ông NBS, tôi biết sợ ông quá đi chứ. Tôi sợ nhất ở ông là ngón đòn “ Song Cước ” và nhiều ngón đòn khác nữa.... Tôi đã có những đêm trắng Phan Thiết, chứng kiến ông dạy võ cho những đệ tử choai choai của ông dưới những tàn lá cây dừa, trước sân nhà của một người bạn gần cổng chữ Y.

Từ những đêm hôm ấy, tôi bắt đầu “ kết-mô-đen ” với ông.

2.

Bấy giờ là tháng 9 năm 1968, sau khi tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi chọn về tiểu khu Bình Thuận (Phan Thiết). Sau khi trình diện phòng Tổng Quản Trị/ Ban I, viên Đại úy Trưởng Phòng cho tôi thêm một tuần nghỉ phép, để sau đó đến nhận Sự Vụ Lệnh ra đơn vị là một đại đội Địa Phương Quân đóng gần cổng chữ Y, đường lên quân Y viện Đoàn Mạnh Hoạch, cũng là đường lên sân bay.

Trong một tuần nghỉ phép này, không biết do ai giới thiệu, tôi quen anh Nguyễn Văn Hải, tên khai sinh của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn. Trong lần đầu gặp anh cùng với một số anh em văn nghệ địa phương trong một cuộc

rượu, anh em yêu cầu tôi đọc thơ. Lần đó tôi đọc thơ và tôi đã khóc giữa cuộc rượu. Tôi không biết và nhớ là tôi đã khóc. Mãi tới lần sau đó, anh em nói cho tôi biết.

Từ đó chúng tôi quen nhau. Nhưng mãi tới hai năm sau, khi tuần báo Khởi Hành của Hội văn nghệ Sĩ Quân Đội giới thiệu những bài thơ viết về chiến tranh “ quá đã, quá xuất sắc, quá xuất thần ” của Nguyễn Bắc Sơn, tình bạn và tình thơ giữa anh và tôi mới keo sơn gắn bó.

Tôi cũng được biết, người cha của anh cũng tham gia Kháng Chiến và tập kết như người cha của tôi. Và hẳn nhiên, người mẹ của anh cũng như người mẹ của tôi phải buôn bán tảo tần, đầu sông cuối chợ, mưa mai nắng trưa, nuôi con cho chồng “ đi làm cách mạng ”. Còn như các ông càng làm cách mạng chừng nào thì loài người càng thêm sặc máu, nói như thơ NBS, thì đó là chuyện về sau. Nhưng trước nhất, vào cái thời điểm Thực Dân Pháp xâm lăng, " Đúng là các ông đã đi làm cách mạng ”

Chúng tôi thành lập một nhóm văn nghệ tỉnh lẻ, gồm các anh: Tạ Chí Đại Trường, bấy giờ là trung úy phục vụ tại quân Y viện Đoàn Mạnh Hoạch, nhà thơ Từ Thế Mộng, nhà thơ Nguyễn Như mây, nhà văn Phạm Văn Nhân, nhà thơ Nguyễn Dương Quang, nhà thơ Nguyễn Quốc Hùng, nhà thơ Mai Việt, nhà báo Nguyễn Ngọc Hương, nhà thơ Phạm Cao Hoang, nhạc sĩ Phan Anh Dũng, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn và tôi...Sương Biên Thùy, một bút hiệu rất chiải Cẩ lương , Hồ quảng.

Chúng tôi chủ trương và phát hành tờ Nguyệt san Quê Hương, ra được 2 số. Đó là tờ tạp chí văn học, nghệ thuật đầu tiên trong lịch sử văn chương chữ nghĩa của tỉnh

Bình Thuận.

Tôi còn nhớ trong số 2, chủ đề viết về người nữ sinh Phan Thiết, có một bài phỏng vấn nhiều người, nhiều giới, xem họ nghĩ gì về người nữ sinh Phan Thiết. Bài phỏng vấn này do Nguyễn Bắc Sơn phụ trách.

Trong bài phỏng vấn đó, có một cô nữ sinh Phan Bội Châu trả lời rất vui, rất ngộ nghĩnh. Cô nói: " Cha mẹ chúng tôi sinh chúng tôi ra đâu phải để cho các ông nhìn."

Tôi biết, trước đoạn đường gần trường Phan Bội Châu có một quán cà phê vỉa hè. Thường thường, mỗi ngày, mỗi buổi sáng, trước khi tới nhiệm sở, anh em chúng tôi, đa số là sĩ quan, ghé vào quán uống một ly cà phê đầu ngày, nhưng chủ đích thật ra là ngồi để chiêm ngưỡng nhan sắc của các cô.

Có lẽ cô này phàn nàn, khiếu nại, ta thán, nguyên rủa chúng tôi về trường hợp các cô " bị nhìn " như thế.

Vào năm 1971, tôi không nhớ tháng nào, tôi nạp đơn ứng cử dân biểu, Hình như điều này không làm cho NBS vui, nên trong thời gian đó tôi chạy ngược chạy xuôi, lắm lần ngày đêm đi kiếm, đi xin phiếu, đi mót, đi ăn mày phiếu, Nguyễn Bắc Sơn đã không giúp tôi dù chỉ một tiếng nói. Tôn trọng tài năng của bạn, tôn trọng tự do của bạn, lẽ nào tôi ghét NBS về chuyện này.

Tôi là ứng cử viên đối lập, nên sau khi tôi thất cử, Đại tá Ngô Tấn Nghĩa (Tỉnh Trưởng Bình Thuận) đổi tôi lên Đà Lạt.

Đêm 1/4/75 Đà Lạt di tản. Đêm hôm sau, tôi định ngủ tại nhà Nguyễn Bắc Sơn chờ sáng mai tìm đường bênh. Đêm đó, lính tan hàng, vô kỷ luật, đã nhiều lần chĩa súng vào nhà NBS đòi mở cửa. Vợ chồng con cái NBS

nằm trên lầu, tôi nằm núp dưới bàn dưới lầu. Nhiều lần tình trạng như thế xảy ra, và tôi phải quyết định từ gia đình NBS từ đêm đó, trên chiếc Honda, tôi chạy về hướng Bình Tuy.

Sau ngày 30/4/1975, người cha của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn trở về, không biết gia đình của NBS đã nói như thế nào mối liên hệ tình cảm giữa vợ chồng tôi và vợ chồng NBS. Ông cụ, bấy giờ là Đại tá Quân đội Nhân dân, đã đến thăm và tặng quà cho vợ chồng tôi trong trại tù. Ông cụ cũng có hứa sẽ làm đơn “ bảo lãnh ” cho vợ tôi về sớm.

Một thời gian ngắn sau, ông cụ qua đời trong một tai nạn xe hơi.

Sau này về Phan Thiết, tôi được dư luận cho biết: là cụ chết do sự tranh chấp địa vị và quyền lợi giữa những người miền Nam tập kết và những người Hà Nội vào tiếp thu. Lại có dư luận khác, cái chết của cụ là do sự tranh chấp, thanh toán nhau giữa cánh theo Trung Quốc và cánh theo Liên Xô.

Những đoạn trích sau đây nằm trong một bài thơ Nguyễn Bắc Sơn làm sau khi cụ mất 5 năm, bài Chuyện Hai Bố Con Tôi. Bài thơ quá hay. Hình như bài thơ nào của NBS cũng quá hay.

....

*“ Bố tôi qua đời đúng năm năm
Tôi viết bài thơ này
Để tâm sự cùng một người khuất núi*

*Thuở sinh tiền
Ông rất thương tôi
Và tôi rất thương ông
Nhưng hai chúng tôi*

Đúng là hai người đàn ông có bề ngoài lãnh đạm

*Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân
Cùng bạn bè đi làm cách mạng
Ông càng làm cách mạng chừng nào
Thì loài người càng thêm sặc máu*

*Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người
Tôi càng ca tụng chừng nào
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy*

....

....

*Nếu mỗi chúng ta có làm điều gì tốt đẹp
Chẳng qua là để phát huy một tấm lòng son
Còn trái đất cứ ngày đêm sáng tối
Thịnh đã rồi suy
Suy rồi lại thịnh*

*Bố ơi bố đã ra về
Con ở lại làm thơ và chữa bệnh
Chúng ta đến nơi này để phát huy một tấm lòng son
Thành hay bại chỉ là chuyện vặt*

Rất nhiều bài thơ của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn, từ trong tập Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi, ra đời cách đây đã hơn 30 năm, đến những bài thơ làm mới nhất sau này, đều có cái size, cái kích thước, cái tầm cỡ rất chi là Nguyễn Bắc Sơn. Không thể lẫn lộn với người khác. Cái size, kích thước, tầm cỡ của một thi hào.

Do vậy, khi đọc thơ NBS, quý độc giả có nổi da gà, nhịp tim đập mạnh, hơi thở dồn dập, muốn cười to khóc thét, muốn la toáng lên là do chất thơ của NBS đang ngấm vào người quý vị. Nhưng điều này cam đoan không có hại cho sức khỏe. Hoàn toàn an toàn trên xa lộ. Xa lộ thơ.

Ngày 30.11.1983 tôi ra khỏi trại tù Z30A, Gia Rai/Long Khánh, trại phát cho tôi 50 đồng và hai bộ quần áo. Như các bạn tù khác, ra tới chợ Gia Rai tôi bán hai bộ áo quần tù, được bao nhiêu tiền tôi không còn nhớ. Tôi đã ăn một tô phở và uống hai ly nước mía.

Tất cả bao nhiêu và còn lại bao nhiêu, tôi không còn nhớ. Nhưng có một điều mà tôi đã nghe nói trước khi còn ở trong trại là tôi không bao giờ quên. Đó là, khi những người đi học tập cải tạo về tài xế xe đồ cho đi không lấy tiền, cũng có lúc hành khách cùng chuyến xe, họ tranh nhau trả tiền cho người tù.

Tôi ăn phở, tôi uống hai ly nước mía là quá ít. Khi đã có Quới Nhon giúp đỡ như thế, tại sao mình không ăn nhiều hơn, không uống nhiều hơn cho cái bao tử được...

Tôi đưa tất cả số tiền còn lại cho người tài xế để mua vé về Phan Rang. Người tài xế nói là với số tiền đó tôi chỉ đi tới Phan Thiết. Và tôi đã đi Phan Thiết.

Từ bến xe Phan Thiết, tôi đi bộ về nhà NBS. Cả nhà vui mừng khi thấy tôi trở về. Bà mẹ của Sơn cầm tay tôi và khóc. Khi đó, nhìn lên bàn thờ tôi đã thấy chân dung của người cha của NBS.

Sau một đêm ngủ đõ, sáng hôm sau mẹ của NBS cho tôi 100 đồng và NBS chở tôi lên bến xe bằng chiếc Honda Dame.

Ngày 20.4.2005 vừa qua. Khi gọi điện thoại về cho chị NBS xem chị đã nhận được tiền tôi gửi về tặng vợ chồng chị hay chưa. Chị cho biết ngay hôm sau ngày tôi gửi điện báo tin trước là tôi đã gửi tiền. Trong câu chuyện thăm hỏi, chị cho tôi biết, cái xe Honda Dame đó, vào thập niên 80, anh NBS đã cho ai rồi, trong nhà không biết. Công việc của NBS bây giờ là mỗi ngày, theo Thi sĩ Từ Thế Mộng cho biết qua điện thoại, là mỗi sáng, NBS ra đường rong chơi. Trước khi đi, vợ hay con cho vài chục ngàn dần trong túi. Nhưng khi ra đường, thấy ai nghèo khó, hành khất là anh cho tất, tặng tất. Hôm sau cũng thế, ngày mai cũng vậy.

Vậy nhân đây tôi xin đề nghị, là những ai ở Hải Ngoại có lòng Từ Bi, Bác Ái muốn giúp đỡ người nghèo tại Việt Nam, xin liên lạc với bạn tôi, Thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn, nhà số 5, đường Chu Văn An, Phan Thiết.

.....Cam đoan tiền đến đúng tay người nhận.

3.

Nhưng có thật bạn tôi, thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn làm thơ hay không?

Để trả lời câu hỏi này, tôi xin mạo muội để thưa rằng: Nguyễn Bắc Sơn không làm thơ.

Nguyễn Bắc Sơn chỉ là một gã thư ký riêng “ rất đặc biệt ” của nàng thơ “ đẹp, múp và mướt, trường túc, núi, đồi nhấp nhô. Quá đã ”.

Nguyễn Bắc Sơn chỉ là tên tà lọt làm cái công việc chỉ ghi chép cho ông Thần Thơ hay ông Thánh Thơ.

Hay nói một cách khác, thơ của Nguyễn Bắc Sơn viết

là” thơ Thần, thơ Thánh, thì một người tự nhận mình là một tên DU ĐĂNG như NBS, không thể làm được những bài thơ thần sầu quỷ khốc như thế:

“...Trên trái đất có rừng già, núi non cùng sông biển

Trong Nguyễn Bắc Sơn có một kẻ làm thơ

Kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đãng

Hoặc làm thơ theo khí hậu từng mùa

....

(chân dung Nguyễn Bắc Sơn, trong Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi)

Hẳn quý độc giả còn nhớ như tôi, là trong Quốc văn Giáo Khóa Thư (nếu tôi không lầm) có bài nói về Chấn Trâu, có câu:

“Ai bảo chấn trâu là khổ. Chấn trâu sướng lắm chứ ?”

Tôi nói lại theo cái ngu của tôi:

“ Ai bảo làm thơ là sướng, làm thơ khổ quá đi chứ ?”

Làm thơ khổ quá đi chứ?

Tôi nhớ cách đây 50 năm, khi tôi mới tập tễnh làm thơ để thực hiện “ giấc mơ làm thi sĩ ” mẹ tôi còn sống, nhưng tôi thử xem như mẹ tôi đã chết, để làm bài thơ “ khóc mẹ”. Tôi bắt đầu bài thơ Khóc Mẹ với câu:

“Than ôi mẹ đã đi rồi ”

Thì đúng rồi, *Mẹ đã đi rồi* , nhưng mà là: mẹ tôi đi chợ.

“ *Đi rồi*” trong ý nghĩ của tôi là chết. Nhưng mẹ tôi đang ngồi nấu ăn kia, mẹ tôi đã chết đâu. Nên câu thơ “ *Than ôi mẹ đã đi rồi*” vừa là câu đầu cũng là câu cuối.

Nhưng đến năm 1988, mẹ tôi chết thật, thì từ đó tới nay tôi chưa làm được bài thơ nào để Khóc Mẹ.

Đấy, quý vị thấy chưa Làm Thơ Khổ Quá Đi Chứ.

Một ví dụ khác để quý vị thấy làm thơ khổ quá đi chứ.

Năm nay tôi 70 tuổi, hai người đàn bà tôi đang yêu là cô Condoleezza Rice và bà Hillary Clinton. Thế mà tôi yêu từ năm tôi 68 tuổi nay là 70 tuổi, tức là đã hai năm yêu thầm yêu trộm, yêu như điên như cuồng, tôi vẫn chưa làm được một bài thơ tỏ tình cùng lúc với hai nàng.

Đấy, quý vị thấy chưa: làm thơ khổ quá đi chứ.

Nhưng lần nầy thì tôi biết tại mần rằng tôi làm thơ khó. Đó là, trong thâm ý của tôi là để tiện việc sổ sách. Tôi chỉ làm một bài thơ như để tỏ tình với cả hai nàng. Vì rằng, làm thơ khổ quá đi chứ, nên tôi ngu gì để làm hai bài cho hai nàng.

Cùng một lúc cho nhọc thân và mất thời gian. Thời gian là dollar kia mà. Nhưng cái dễ là giá như hai nàng là một cặp song sinh. Nhưng cái khó là hai nàng, người đầu sống kể cuối chợ. Nói rõ ra là, tính cách của hai nàng hoàn toàn khác nhau. Một nàng, thì nước da hồng quân, mà theo Cổ Nhân phán, xin lưu ý với quý vị là Cổ Nhân phán chứ không phải là tôi. Theo Cổ nhân” nước da hồng quân cởi quần không kịp”. Tôi không biết Cổ Nhân muốn nói gì.

Một nàng thì da trắng, mà nói như thơ Hồ Xuân Hương. Da trắng vỗ bành bạch. Tại sao vỗ, vỗ nơi mô thì Hồ Xuân Hương không nói rõ. Mà vỗ như thế có sướng gì không, thì Hồ Xuân Hương cũng không nói. Và Hồ Xuân Hương cũng không nói rõ, là khi vỗ như thế, là người vỗ sướng hay người được, hay bị vỗ sướng.

Đấy, quý vị thấy chưa, làm thơ khổ quá đi chứ.

.....

.....

Vậy thì, một tên tự nhận mình là du đảng như Nguyễn Bắc Sơn, thì mần rằng có thể cho ra đời những bài thơ

như Thần như Thánh như thế. Tôi nghi ngờ tài năng của NBS lắm. Tôi đã để ra nửa đời nghiên cứu, tra hỏi, thẩm định, cân nhắc, tìm tòi, đắn đo, suy tính.

Nay, tôi đi tới kết luận, là trong đầu của Nguyễn Bắc Sơn, có một nàng thơ xinh đẹp, múp mướt, trường túc....cũng có thể là trong đầu NBS có một ông Thần Thơ hay Thánh Thơ nằm vùng, đóng chốt, mai phục, trong đó. Có khi NBS nói: “ Làm Thơ Theo Khí Hậu Từng Mùa ” có nghĩa là NBS chờ cho tới khi Nàng Thơ, Thần Thơ, Thánh Thơ đọc và tên tà lọt Nguyễn Bắc Sơn cứ thế chỉ ghi ghi chép chép. Một người tự nhận mình là Du Đãng, là NBS, không thể làm được những bài thơ dễ dàng, hay ho, mê ly rùng rợn, vô tiền khoáng hậu như thế, nếu không có Nàng Thơ (....) Thần Thơ, Thánh Thơ thường trực, đóng chốt, mai phục, nằm vùng trong đầu Nguyễn Bắc Sơn để đọc, để gài, để làm được những bài thơ người chết cũng đội mồ dậy đòi xem, đòi đọc cho bằng được. Từ đó, tôi cũng suy ra rằng, những lúc Nguyễn Bắc Sơn “ lên cơn nổi khùng, quậy, phá, điên, nhẩy lều ” đó cũng là lúc ông Thần Thơ và ông Thánh Thơ đang gây chiến tranh, mà chiến trường là cái đầu của NBS, để tranh đoạt chiến lợi phẩm là Nàng thơ....

Nếu những ai đó, kia, nầy, nọ...cũng có những nghi ngờ như tôi, hãy cùng tôi góp tiền lại, áng chừng 1.000.000.000 đô la, bắt cóc NBS, có hay không Nàng Thơ, Thần Thơ, Thánh Thơ mai phục, nằm vùng, đóng chốt...

4.

Sau đây là những câu thơ của Thần Thơ, của Thánh Thơ

được chép chép ghi ghi bởi Thi sĩ du đãng Nguyễn Bắc Sơn.

....

Bên cạnh nhà tôi

Sống một kẻ lảng giềng

Y Thường phóng uế trước nhà

Khi con gà nòi của y đi lạc

Y nhìn vào nhà tôi

Và chửi thề như máy

Tôi định đến mùa hè này

Tôi sẽ đá Y một đá

(Viết Tặng Những Nhà Cách Mạng Giả Hình Trong Thời Đại Tôi- CTVNVT)

...

Khi em chết đi

Em sẽ thành sấm sét

Thành bụi vàng

Thành gió thành mây

Trong vũ trụ hoài hoài sinh diệt

Con sinh ra đời

Chắc gì đã là điều đáng vui

Bạn ta gục chết

Chắc gì đã là điều đáng tiếc.

(Con Trai Ta Ra Đời, Người Bạn Ta Nằm Xuống. CTVNVT)

...

Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ

Vì đám đông quây bản nước hồ đời

Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn

Để quàng vai ấm áp cuộc rong chơi

Dù mỗi ngày ta xé đi năm mười tờ lịch
Thì thời gian đâu có chịu trôi nhanh
Dẫu đen bạc là nơi cố xứ
Bỏ đi biệt cũng không đành
(Mai Sau Dù Có Bao Giờ- CTVNVT)

....

Ta vốn ghét đàn bà như cứt
Nhưng vì sao ta lại yêu em
Ôi mắt em nhìn như là bẫy chuột
Ta quàng xiên nên đã yêu em
(Trên Đường Tối Nhà Xuân Hồng- CTVNVT)

...

Kẻ thù ta ơi những đứa xâm mình
Ăn muối đá mà hăng say chiến đấu
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
Đi hành quân rệu đẽ vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Vì căn phần người xui khiến đó thôi
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau
Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu
Những cột khói giả làm rồng thiêng uốn khúc
Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tết
Và máu xương làm phân bón rừng hoang
(Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi)

Sau đây là hai bài thơ của Thần của Thánh, được ghi ghi chép chép bởi tên tà lọt, thi sĩ du đảng Nguyễn Bắc Sơn.

Bài Thơ Tình Viết Khi Nổi Sùng

*Thời mạt thế người ta yêu nhau bằng cái búa
Và tặng nhau hàng chục nhát dao găm
Anh, kẻ chập chờn giữa càn khôn lão đảo
Tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm*

*Thôi, thời đại chúng ta, thời của những thằng lặn dưng đá cá
Tâm hồn em ô nhiễm cũng là thường
Trời đất đã cho anh nụ cười bất sá
Sá gì cái chuyện tơ vương*

Gặp Mùa Gió, Lòng Mình Cũng Gió

(bài thơ này, chúng tôi đi sau bài phóng bút của anh Lê Mai Linh, kèm theo thủ bút của Nguyễn Bắc Sơn- TQBT)

6. và 6.

Trong chiến tranh Việt Nam vừa qua, hậu quả của nó đưa tới nhiều mất mát, nhiều tai ương, khổ đau cho nhân dân. Những mất mát, khổ đau đó, đã có nhiều người nói tới, viết ra, khắc ghi trong lòng.

Nhưng có một điều, chưa ai nói tới, là cũng từ cuộc chiến tranh đó, lịch sử đất nước ta, xét về lãnh vực văn học, đã sản sinh ra được hai nhà Thiên Tài. Đó là, về âm nhạc có Nhạc Sĩ Trịnh Công Sơn, về Văn Chương có Thi Sĩ Nguyễn Bắc Sơn.

Trịnh Công Sơn có những bản nhạc phản chiến, Nguyễn Bắc Sơn cũng có những bài thơ phản chiến.

Hẳn nhiên bên cạnh đó cũng có những khác biệt, như Trịnh Công Sơn phản chiến khi ông đứng ngoài cuộc chiến. Nguyễn Bắc Sơn phản chiến khi ông là MỘT NGƯỜI LÍNH TRONG CUỘC CHIẾN.

Một khác biệt nữa, sau 1975 Trịnh Công Sơn đã đầu hàng CS, trong khi Nguyễn Bắc Sơn vẫn cho mình sự ngang tàng của MỘT NGHỆ SĨ, KẺ SĨ.

Dù có những khác biệt đó, nhưng chúng ta phải công tâm và rộng lượng để xác nhận rằng: CẢ HAI ÔNG ĐỀU LÀ THIÊN TÀI CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM.

(Lê Mai Linh tôi xin trở lại vấn đề này trong một bài viết khác)

.....

Lời sau chót gửi người bạn xưa, Phan Thiết.

Thưa ông,

Biết ông là một võ sĩ, tôi đã tuyên bố, là: tôi sợ ông rồi. Nhưng điều tôi muốn thưa với ông, rằng thì là, đừng vì bài viết này mà ông cao hứng đùa thêm nữa với Tử Thần và Định Mệnh.

Đêm qua, tôi đã gặp Tử Thần và Định Mệnh, hai ông ấy có nhắn với tôi rằng: mày hãy nói cho thằng bạn mày, tên thi sĩ du dương Nguyễn Bắc Sơn, là đừng đùa dai với bọn ông. Những lần trước, ông tha. Những lần này mà đùa nữa, bọn ông bắt.

Tôi được Thi Sĩ Từ Thế Mộng cho biết, thứ tiêu khiển từ lâu nay của ông, là muốn làm một vị Bồ Tát, đem tiền bố thí cho chúng sanh. Ông yên tâm. tôi sẽ có tiền mang về cho ông chơi trò chơi Từ Bi, Bát Xi. Để ông chơi một mình không vui. Tôi sẽ chơi với ông, cùng với Nguyễn Như Mây, Nguyễn Ngọc Hương, Từ Thế Mộng. Chúng

mình sẽ lập một cái bang mệnh danh là Ngũ Hồ Bình Tài. Chúng mình sẽ mua năm chiếc xe đạp cho Ngũ Hồ. Mỗi sáng, sau châu cà phê chào bình minh đầu ngày, chúng mình sẽ lên đường vào tận hang cùng ngõ hẹp, tặng tiền cho người nghèo. Mà là tặng tiền Mỹ. Đô la xanh.ok.

Tôi đang gom tiền. Khi nào đủ một tỉ đô la. Sáng hôm sau đã có mặt tôi tại Phan thiết.

Sau chót, xin ông hãy xem bài viết này như một món quà tặng ông, chị Hồng và các cháu, cũng như tặng bạn bè của chúng ta ngày xưa ở Phan Thiết.

.....

Mỹ Quốc 5/5/05

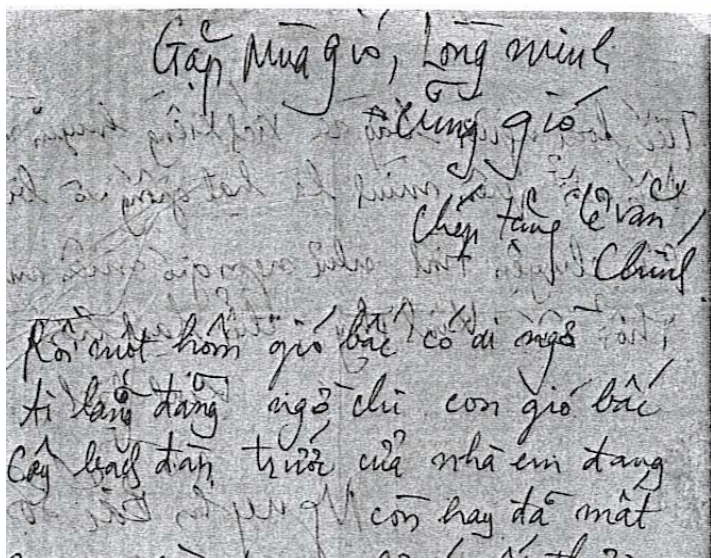
(bạn ông).

Gặp Mùa Gió Lòng Mình Cũng Gió

(Chép tặng Lê Văn Chính)

*Rồi một hôm gió bắc có ai ngờ
Ai lãng đãng ngờ chi con gió bắc
Cây bạch đàn trước cửa nhà em đang còn hay đã mất
Sao anh hình dung như có vết thương
Đang loang ra trong vũng máu vô thường
Truyền tín hiệu đến ngậm ngùi vô tận
Anh có nghe chuyện đời em lặn độn
Những chuyến đi buồn, những chuyến xe đò
Tiếng nói sau lưng lời chua chát nhỏ to
Giòng lệ em khô nhưng vẫn là giòng lệ mặn
Đã qua chưa ôi cái đời đắng đắng
Đứng bên kia sông cũng ngó thấy điều tàn
Băng giá chuyển mình băng giá mau tan
Tiếc câu thơ anh không thể làm cho đời em ấm cúng*

Tiệc loài người bày ra xích xiềng huyền vọng
 Đến nỗi quên mình là hạt giống vô biên
 Câu chuyện tình như ngọn gió miên miên
 Thời ấm Kinh Thy thổi lạnh hồn Kinh Dịch.



Thủ bút của Nguyễn Bắc Sơn. Bài thơ: Gặp Mùa Gió,
 Lòng Mình Cũng Gió

NG~

NGUYỄN BẮC SƠN VÀ TIẾNG THƠ BI HÀI

*“Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau”
(NBS)*

Khoảng cuối thập niên 60, đầu thập niên 70, giữa những người làm thơ tự do “làm dáng”, những người làm thơ tranh đấu theo kiểu “hiện thực nửa mùa, khẩu hiệu”, bỗng xuất hiện lẻ loi một khuôn mặt mới toanh có phong cách thơ ngang tàng, khẩu khí, khinh khoái đúng với chất hiện thực phơi bày nhan nhản trong cuộc sống khốn đốn thời bấy giờ, rất không giống ai. Đó là trường hợp Nguyễn Bắc Sơn.

Người thợ chân vào làng thơ như một kẻ “du côn chữ nghĩa”, một hành giả rong chơi dọc ngang trong trận đồ bát quái giữa thánh thiện và tội lỗi, giữa hạnh phúc và khổ đau, giữa đạo và phi đạo, giữa tốt và xấu; để cuối cùng nghe ngao một câu hát rong: *kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đãng / hoặc nhà thơ theo khí hậu từng mùa*. Sự thợ chân bất ngờ của Sơn cũng tỉ như bứt sợi lông gà ngoáy vào lỗ tai kẻ khác, gây cảm giác nhột nhật vừa khó chịu, vừa thích thú.

27 bài thơ phơi trải trong Chiến Tranh Việt Nam & Tôi đã được đón nhận (thời đó) bằng những thái độ khác

nhau: Các nhà làm chính trị và đạo đức giả cây gọi thơ Nguyễn Bắc Sơn là “con sâu bệnh hoạn”, là “phản chiến, khiếp nhược”, các em tiểu thư khuê các vừa nhắm mắt vừa đọc, vừa thề lưởi rứt đầu vừa rung bần bật những khoái cảm sững nước. Và chỉ có những kẻ bị xô đẩy vào chốn “du côn, du đãng” mới đồng cảm được tiếng thơ bi hài lồng lộng bão cát, chói chang lửa đỏ và dầm dề mưa lũ. Sự đồng cảm đồng điệu đồng tình của những con người cùng một thế hệ đang phơi lưng nướng trui trên lò than hồng rực đỏ, khét lẹt để tập làm *Thảo Khấu*:

Vì sao ta đến đây hò hét
Học trò bẻ bút tập mang gươm
Tập uống máu người thay uống nước
Múa may theo lịch sử điên cuồng.

Những tra khảo tâm óc dường như chưa hề có câu trả lời, không thể trả lời nổi, để cuối cùng phó mặc mọi sự đẩy đưa. Mặc kệ tất. Thằng nào giương cao ngọn cờ cứ giương, đứa nào hò hét cứ hò hét, cứ xông tới và trốn chạy, xông tới và ngã xuống, chiến thắng và bại trận. Tất cả đan chéo vào nhau như đường gươm ma thuật của phái Bạch Mi. Riêng ta bỏ tuốt cái phía trước và phía sau, bỏ cái quyền uy và khuất phục để làm một kẻ lảng tránh khói sương trong khói lửa mịt mù, kinh lợm:

Bốn chuyển di hành một ngày một ngất
Dừng quân đây nói chuyện tiểu lâm chơi
Hãy tựa gốc cây hãy ngắm mây trời
Hãy tưởng tượng mình đang đi picnic
Kẻ thù ơi các ngài du kích
Hãy tránh xa ra đừng chơi bắn nheo

Không lạ, không xa mà cũng chẳng nhọc nhằn lý giải theo phép biện chứng khi mà guồng máy xay thịt cứ nghiền nát từng cánh tay, bàn chân, thân thể con người. Những công dân, những đồng bào, họ không bao giờ muốn thân xác mình biến thành món thịt băm; họ đâu muốn bắn giết nhau. Chỉ có các ngài chính trị lợi dụng sự cả tin, phều ra chút nước bọt để tranh giành quyền lợi cá nhân theo mộng tranh bá đồ vương, nên *“lúc này đây ta không thêm đánh giặc”*. Ta *“không thêm đánh giặc”* bởi trong đầu óc ta luôn nghĩ :

Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Vì căn phần người xuôi khiến đó thôi
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi

Đến nỗi nhà văn Võ Phiến phải thốt lên: “Bên kia là: “những đứa điên say”; bên này là “ta” coi đánh giặc như trò chơi. Hoàn cảnh phải chăng đã xui có cái bất cần này để quân bình lại cái quá đáng kia. Ốc hài hước bên này để hiểu chính óc mộng tưởng bên kia? (Võ Phiến, Chúng Ta Qua Cách Viết, NXB Giao Điểm, SG 1972).

Từ một thái độ rạch ròi như vậy, nên trong cuộc hành quân, dưới con mắt nhà thơ “du côn” là chuyện vật, không phải của bản thân mình nên kêu các “ngài du kích” đứng xê ra, đừng có bắn nheo để ta *“đừng quân nơi đây nói chuyện tiểu lâm chơi”*.

Cũng vì chiến tranh là thứ *“tai trời ách nước”*, thân phận ta như cánh bèo dạt lên bãi bùn khô thì sống chết cũng là chuyện vật:

Mai ta đụng trận ta còn sống

*Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sót nổi sâu cùng gái điểm
Đốt tiền mua vội một ngày vui.*

Chất bi thảm trong Mật Khu Lê Hồng Phong một lần nữa lật tung ra bề trái thú vị hoắc của câu nói thời thượng từ cửa miệng các nhà đạo đức giả nhân “to be or not to be” trong hoàn cảnh này như cái tát của một cô gái điểm vào mặt những tên chính trị ma đầu, ma cô!

*Người sống sót nâng ly mời kẻ khuất
Lại gần đây trên bãi cỏ bờ sông
Soi mặt mình trong dòng nước xanh trong
Để nhìn thấy hình bản lai diện mục
Cởi áo trận và hoa mai ném tuốt
Xin già từ đời vũ khí, huy chương
Xin trở về như một kẻ hoàn lương
Xin vứt hết xin bắt đầu lại hết
(Tiệc tẩy trần của người sống sót)*

Nói theo cách nói của Cao Huy Khanh lúc chúng tôi nằm chung ĐĐ 31 trường Võ Bị Thủ Đức thì, cuộc chiến tranh này dưới con mắt của Nguyễn Bắc Sơn là “cuộc nhàn du vào con đường huyết tận, là sự ngẫu nhiên trên chiếc giá treo cổ hận thù”, mà Sơn thì như một con sóc trước bờ vực sống và chết, luôn cười ha hả, sướng điên một nỗi buồn tênh vô cùng thênh thang, ngan ngát những hương thơm của hoa cỏ, nắng ấm, suối trong ... và chung quanh là mã tấu, lưỡi lê, bom đạn!

Có lẽ vì thế mà phong thái kinh bạc cứ mỗi lúc mỗi đậm đà hương bưởi hương cau:

*Khi tao đi lấy khẩu phần
Mày đi mua rượu để Nùng cho tao
Chúng mình nhậu để trừ hao
Bảy ngày sắp đến nghêu ngao trong rừng
Mùa này gió núi mưa bưng
Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan
Mùa này gió bãi mưa ngàn
Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà
Những thằng lính trẻ hào hoa
Lưu đầy trong cũi rừng già núi xanh
Lao mình vào cuộc phân tranh
Tiếc thương xương máu sinh thành được ư
(Một tiếng đồng hồ trước khi lên đường hành quân)*

Suốt dọc Chiến Tranh Việt Nam & Tôi, tôi cố tìm chất anh hùng ca kiểu Homère với những Odysse, Iliat ... nhưng chỉ toàn những bi hài đan xen vào nhau bằng những tiếng cười vui cửa nát trái tim:

*Mày gửi một chân ngoài trận mạc
Mang về cho mẹ một bàn chân
Mẹ già khóc đến mù hai mắt
Đời tàn trong lứa tuổi thanh xuân
(Căn bệnh thời chiến)*

Cỗ máy băm thịt khổng lồ kia đã biến đổi nhân cách con người một cách tàn tệ nhất, để mọi người ai cũng có thể nhận ra, nhưng Nguyễn Bắc Sơn hơn mọi người là dám thốt thành lời, mà lại là lời thơ khôh hài như một lưỡi dao nhọn hoắt:

*Ngày trước mày hiền như cục đất
Giờ mở miệng ra là chửi tục*

*Hà hà ra thế con nhà binh
Ngôn ngữ thơm tho như mùi cứt
Ngày trước mày định đi tu tiên
Giờ lính tu bi-đông ừng ực
(...)*

*Giờ tối nằm mơ chỉ thấy tiền
Nhân nghĩa gì gì quên tuốt luốt
(Bài hát khổ nhục)*

Con người bước vào rồi may mắn bước ra khỏi guồng máy chiến tranh cuối cùng chỉ là “như rượu còn ly cạn”, là “kiếp ngựa què”.

Trong Chiến Tranh Việt Nam & Tôi, còn có một Nguyễn Bắc Sơn thứ hai ngoài chất du đảng phóng khoáng, ngoài chất du côn khinh bạc, ngoài chất du kê bi hài. Đó là một Nguyễn Bắc Sơn từng trải, bay bổng lên cao và chui sâu dưới tối, căng mắt, căng tai mở toạc trái tim và tâm hồn để đắm chìm trong dòng triết học phương Đông trầm mặc, như chính anh đã tự vẽ chân dung mình:

*Trên trái đất có rừng già núi non cùng biển sông
Trong Nguyễn Bắc Sơn có kẻ làm thơ
Kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đảng
Hoặc nhà thơ theo khí hậu từng mùa
(Chân dung Nguyễn Bắc Sơn)*

Anh đứng giữa hai thái cực cuộc đời, chiêm vọng nó, hít thở, hoà tan như thể một trưà hè tắm sông và khi bước lên bờ, anh chính là Nguyễn Bắc Sơn chứ không là con người nào khác, mới toanh, mát mẻ:

*Trong đáy giếng nhà tôi
Sống một con cá tràu (tràu?) già
Những đêm trăng*

*Dường như y không sao ngủ được
Y bì bõm
Chơi đùa cùng ánh trăng, khí hàn và nước
Tôi ngồi bên thành giếng
Im lìm chiêm ngưỡng y.*

Nói về Nguyễn Bắc Sơn và thơ Nguyễn Bắc Sơn thì còn muôn trùng điều để nói, để chọc xẻ và ngắm nhìn, để phanh thây và quàng vai. Công việc đó xin mượn lời các cụ nhà văn đã từng nói, viết về anh:

“Phong thái ngang tàng mà khinh khoái, chết thì thôi, còn sống thì còn vui. Chẳng những trước khi đụng trận một ngày, mà trước khi hành quân một giờ, Nguyễn Bắc Sơn cũng thản nhiên “khơi khơi chấp hết” (...) Chiến tranh đối với họ đã trở thành chuyện cơm bữa, không còn lý do gì để đại ngôn, lớn lối nữa”. (Võ Phiến, Bách Khoa số xuân Canh Tuất)

“... Đọc thơ Nguyễn Bắc Sơn tôi có liên tưởng đến tiếng thơ Quang Dũng trong bài “Tây Tiến”, chỉ khác thơ Quang Dũng là kết tinh của một hoàn cảnh bi hùng, còn thơ Nguyễn Bắc Sơn là kết tinh một hoàn cảnh bi hài”. (Doãn Quốc Sỹ, Văn số 185 ngày 1.9.1971)

“... Có cái ngang tàng đượm màu sắc Lão Trang, đánh giặc không cần lý tưởng mà vẫn đánh, coi cuộc chiến như trò chơi, thương xót kẻ thù như ruột thịt”. (Chu Tử, tuần báo Đời số 9 tháng 11.1969)

“Mấy bài viết về chiến tranh có cái hào sảng, bi đát của

tướng Trần Quang Dũng. Bài “chân dung Nguyễn Bắc Sơn” thật hay. Đọc được một bài thơ hay thấy sung sướng cả ngày”. (Viên Linh, thư riêng ngày 27.11.1969)

Các bạn độc giả không tin ư? Cứ bỏ tiền ra mua tập Chiến Tranh Việt Nam & Tôi (do hai bạn văn Phạm Văn Nhân và Trần Hoài Thư sắp xếp, tái bản) **. Nói như Viên Linh thì với 27 bài thơ của Sơn các bạn sẽ sướng cả tháng, cả năm. Nếu chưa tin, tôi chép lại nguyên văn mấy dòng trên đầu sách để giới thiệu tập thơ này (do Ngô Nguyên Nghiễm phóng bút) khi xuất bản lần đầu 1971: “Tập thơ hát lên tiếng hát lồng lộng bi tráng của một người tham dự chiến tranh Việt Nam, một thiền sư bụi đời, một gã du đãng trầm mặc.

Những bài thơ xa như tiền chiến, xưa như Đường thi, nhưng kỳ lạ thay, mới tinh và gần gũi như sáng hôm nay...”

Một đoạn phỏng vấn tưởng tượng
giữa Ng~. và nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn:

Ng~: Ông làm thơ từ hồi nào vậy?

NBS: Tôi không làm thơ. Tôi chỉ gồng gánh thơ đi chơi.

Ng~: Gánh thơ vào chiến trường, hậu cứ, nhà thổ...?

NBS: Chỗ nào tới được thì ta cứ đi.

Ng~: Ông gánh cả rượu đế Nùng và mấy chục chai bia theo khi hành quân.

NBS: Bốn chục chai đồ bỏ.

Ng~: Gan bầm vậy sao khi “Qua cầu sông Luỹ nhìn quanh quất / Nước đỏ cầu đen chợt nhớ nhà”?

NBS: Ổ cũng lạ thiệt. Đôi khi tôi cũng tự hỏi: “Sắt đá ồ

sao lại nhớ nhà”. Cái đó mới kỳ.

Ng~: Không kỳ sao được khi “Tướng giỏi cầm quân trăm trận thắng / Còn ngại hành quân động Thái An”? Động Thái An nay còn không?

NBS: Còn mất, mất còn; Có không, không có.

Ng~: Thật tội nghiệp cho các cô gái ở bốn quận miền Bắc, nơi “có nhiều nhà điểm và nhiều trại lính”

NBS: Bởi vậy nên tôi phải “Gửi tâm hồn vào những đám mây bay / Đi tranh luận cùng thánh hiền thiên cổ”

Ng~:Đó là chuyện hồi xưa, cũ mèm, trên ba mươi năm rồi. Còn giờ thì sao?

NBS: Giờ?

Ng~: Ủ, giờ?

NBS: Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc

Vô tình ngang một quán cà phê

Giang hồ hảo hán dăm thằng bạn

Mãi mê tán dóc chẳng cho về.

Ng~: Bấy nhiêu đó?

NBS:Ông móc trong đáy thùng thử coi.

Ng~: Tôi lượm quanh hồ Than Thở và hồ Xuân Hương, để tôi đọc cho ông nghe

Về đâu đâu cũng là đâu đó

Đâu cũng đều hiu đất Hán Hồ

Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ

Ba ngàn thế giới cũng chưa to

Tháng Giêng ngồi quán, quán thu phong

Gió nhận môn quan thổi chạnh lòng

Chuyện cũ nghe đau lòng tứ xứ

Thương Kiều Phong, nhớ tiếc Kiều Phong

Tháng Giêng có kẻ đi tìm cúc

*Nhưng cõi đời đâu có Cúc Hoa
Thấy đám phù bình trên mặt nước
Biết mình đi lộn nẻo bao la*

*Lạng quạng ra bờ sông ngó nước
Trên bờ dưới nước gặp ông câu
Ta câu con đú người con đẽn
Chung một tâm hồn tất gặp nhau*

*Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc
Mời nhau một chén rượu trường sinh
Bát cơm tâm khổ trong tù ngục
Câu chuyện năm năm khiến giật mình*

*Khi gã Yêu Ly đâm Khánh Kỳ
Là đâm trúng phải trái tim mình
Sông Mường Mán không dung hào kiệt
Muôn đời bóng núi đứng chông chênh*

*Nằm ngủ dưới cây nghìn cánh hạc
Đường như mặt đất tiết mùi hương
Ngủ thẳng một lèo chiều mới dậy
Đường như mình cũng mộng hoàn lương*

*Đường như đứa trẻ nghìn năm trước
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.*

NBS: Mẹ kiếp, thơ thằng nào mà thơm như cứt!?

Ng~: Hình như đó là thơ của Nguyễn Bắc Sơn.

NBS: Hấn là thằng nào vậy?

Ng~: Nghe nói hần là một tên bụi đời thượng hạng ngoại hạng.

NBS: Gã lão thật.

Ng~: Vâng, lão. Ông còn gì để nói với độc giả Thư Quán Bản Thảo không?

NBS: Ông nhấn dùm các cô gái nhà lành, những thằng làm chính trị, những thằng đạo đức giả chó có đọc loại thơ trong thúng mừng cảo nĩa trên đường bụi bặm.

Ng~: Cảm ơn ông.

NBS: Không cần!

(Xứ Bàn Chải, tháng 6 / 05)

**** Thư Ấn Quán chúng tôi in lại và phổ biến tập thơ CTVNVT của Nguyễn Bắc Sơn gửi tặng những độc giả và bạn bè còn yêu thích thơ của anh- Không bán-**



Tranh Thân Trọng Minh

THƠ

• TRẦN LAM GIANG • HẢI PHƯƠNG • ĐẶNG
TIẾN • PHẠM TRIỀU NGHI • PHẠM NGỌC LƯ •
NGUYỄN TÔN NHAN • NGUYỄN DƯƠNG
QUANG • CAO VI KHANH • NGUYỄN THÙY
SONG THANH •

桃花經東
經東洋地桃
時來心明若
春來目見花
情來苑見月
海芳翁興

Thảo bút: Trần Lam Giang
(Bài thảo hứng Đào Hoa Kinh Đông
của Hải Phương)

Hải Phương

ĐÀO HOA KINH ĐÔNG ⁽¹⁾

Kinh đông đặc địa đào
Thời lai tâm minh tiết
Xuân lai nguyệt kiến hoa
Tình lai hoa kiến nguyệt.

Hoa Thịnh Đốn, 04/09/2005

(1) Hải Phương thảo hứng “Kinh Đông Đào Hoa” thì đúng văn phạm, nhưng không thơ bằng “Đào Hoa Kinh Đông.” Chọn thơ không chọn văn phạm.

ĐÀO HOA THỊNH ĐỐN

Thở ngơi em đào kinh đông
Trái tim thời tiết ra bông rở ràng
Với xuân hoa ở cùng trắng
Với tình hoa lại mùa màng ra trắng.

San Jose 04/2005

ĐẶNG TIẾN dịch

ĐÀO HOA KINH ĐÔNG

Kinh đông đào phát tiết,
Mùa về lòng điểm tuyết,
Xuân về nguyệt lồng hoa,
Tình về hoa lộng nguyệt.

Paris 04/22/2005

NGHE ĐỒ BÌNH CHƠI NHẠC CỔ ĐIỂN

TẠI NHÀ VŨ TRIỀU NGHI Ở SAN JOSE

Tặng vợ chồng thanh thương hoàng, vợ chồng trương hồng sơn, vợ chồng hàn phong cao, trương thị thịnh, hà mai việt, phạm thị quận, nguyên thù và đồ bình.

Rõng tai điệu vực đàn thùng
Tiếng xưa ràng rụa hồ trùng điệp mơ
Thịt da rịn ứa mạch thơ
Tồn lưu biên biếc khép hờ vai em.

Môi hôn khuya tịch mịch đêm
Rướn mình qua núi trắng mềm đầu non
Vô thanh hồn cỏ chon von
Âm vang của đất (1) trời mơn mõi cao.

*San Jose
0502200*

“Âm vang của đất” tên bộ tranh 10 bức của Trịnh Cung triển lãm tại Hoa Kỳ năm 1997

NƠI LINH HỒN CỦA GIÒNG SÔNG NÚ GIỮ

Nơi linh hồn của giòng sông núa giữ chiếc võ trướng võ ra
máu thịt thảng tư hiến tế bản phúc âm gió vĩnh cửu mở
rộng cánh tay trước giờ phục sinh của đất.

Nơi linh hồn của giòng sông núa giữ bóng tối đậm chồi
chỗ pho tượng thời gian mọc những chiếc lá cong trong
giấc mộng nhang nháng màu tím lạnh điệu nhạc không
lời còn rớt lại niệm khúc lãng âm xưa sanh sánh vũng

nước không nói gì.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ trí tưởng tượng đầy ải ẩm lạnh hằng hực tái úa màu rêu quá khứ chạy rạt qua bờ tường âm thanh xám ngắt dội lại giật hoảng bước chân lừng lững thất lạc rỗng hoang ẩn khuất không còn chỗ trở về đẩy đưa thân phận.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ khi không còn chỗ nào là chốn cũ để trở về thì ta trở về ngồi chơi một mình với ta trong khu vườn đá ngụ ngôn ở chỗ vết chém hư vô ngọt lịm đứt lìa buổi chiều thịnh trị hôm qua pha trộn sắc màu hoàng hôn đầu thai bữa trước bức tranh khỏa thân của lá như thể chưa bắt đầu trốn chạy ta đã lạc đường không còn kịp thì giờ tái sinh từ đông tro tàn vội vàng hôn phối với lửa của vũ trụ em nhen nhúm.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ tiếng chim hót ngợi ca ngày nhiệt đới mặt trời vàng lung linh trên ngực em nắng lênh láng nhục thể nồng nàn hơi thở sa mạc khát.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ bày biện nguy nga bữa tiệc nhân sinh thực đơn trắng xanh với cỏ non trên cánh đồng hoang hóa môi em thơm tho mùi hoa trái ứa mật trong răng thứ rượu lưu niên cất ủ men cô độc trong thành sấu của loài người muôn kiếp.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ hai bên bờ gởi lại ngày tháng hư hao u hoài phai nhạt hàng cây nung nấu cành lá chín vàng nổi buồn hiu quạnh soi bóng.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ khi không còn chỗ nào là chốn cũ để trở về nhìn lại mái hiên nhà của nội có con chim én làm tổ ngậm cọng cỏ khô bỏ lại mùa xuân bay đi mãi mãi báo hiệu cả một bầu trời ấu thơ trông theo mỗi cánh thì ta trở về với biển.

Khi không còn chỗ nào là chốn cũ để trở về thì ta trở về với biển như ôm vòng tay khổ nạn rồi đá mỗi trăm năm rồi núi cao đỉnh núi rồi mây khói bay nổi nhớ rồi chiều mưa sương mỏng đôi mắt em nhìn với phía sau nơi linh hồn của giòng sông náu giữ hai bên bờ gọi lại nguồn cơn con sóng vỗ.

Nơi linh hồn của giòng sông náu giữ hai bên bờ phé tích ở trong em biển khuya hiển thân với vợ.

Tháng năm 2005

Ở San Jose

haiphuong68@hotmail.com

PHẠM TRIỀU NGHI (*)

TRÊN ĐÈO BÌNH ĐÊ

Tặng Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân

để nhớ những ngày trấn thủ Bình Đê cùng máu lửa và nước mắt của chiến trường bắc Bình Định.

1*

Đứng trên đèo Bình Đê
Ngó về Trường Sơn xanh rờn bất trắc
Trường Sơn im lìm bí mật
Rừng sâu hiểm hóc mưu toan
Âm u triền núi cây đe dọa
Thăm thẳm truông dài lá nguyệt trang
Khe suối quanh co nằm mai phục
Gò đồng lăm le nuốt đồng bằng
Trời huyền náo bóng mây quần tụ
Mùa mưa đang rục rịch mở đường
Đâu đây những bước chân rần rộ
Reo hò vang nổ gác xuyên sơn

Tháng Tư,
Lửa bùng lên đầu chợ
Lửa cháy quanh sông
Lửa vây Đệ Đứ
Lửa đốt Bồng Sơn
Người người tan xác giữa đồng
Người người ngã gục bên dòng Lại Giang
Người người bỏ thân trên đường chạy loạn
Đôi mắt trừng lên nổi kinh hoàng
Đôi mắt ngó về đâu chòng chọc
Bốn bề khói lửa mù giăng
Bốn bề binh đao cuồng nổ
Bốn bề rên siết gào than
Chạy mau... chạy mau người mẹ Hoài An
Quang gánh trên vai chất đầy thống hận
Máu bầm vương vãi bàn chân
Chạy đi... chạy đi người chị Hoài Nhơn
Sao cứ nằm ôm con thơ dùm trong tay nải

Máu khô đen khuôn mặt lạt thần
Pháo tràn lan xối xả
Lửa rần rật sau lưng
Chạy về đâu?
Biết về đâu những bước chân vô hồn?

2*

Đứng trên đèo Bình Đê
Ngó về Tam Quan tro than quẩn quại
Ngó lại Sa Huỳnh gỗ đá phơi thây
Lơ ngơ dăm ngọn cờ bay
Trên khung nhà cháy trên cây cụt đầu
Còn gì đâu?
Chẳng thấy gì đâu!
Bên này bên kia nín vai nhau xiêu ngã
Trông xuống trông lên đất trời man rợ
Núi vô tâm và biển lắm lì
Trông kia tai ương lớn vồn
Sau lớp lớp mây chì
Rợn người trông bóng quạ
Xao xác bay về kiếm tử thi
Thôi chẳng còn chi! Còn chi mà trông mà ngó
Quê em đâu rồi người em gái nhỏ Tam Quan?
Quê em nhà cháy hàng hàng
Rừng dừa cụt ngọn khóc oan hồn mình
Em thấy gì người em trai Sa Huỳnh lưu lạc?
Quê em bây giờ tan tác thê lương
Cờ treo ruộng muối chết ươn
Đua chen khẩu hiệu trên tường nhà xiêu!
Tôi đứng đây giữa chiều
Lặng nghe hơi gió

Kìa tiếng ai tử tế nước nở
Phải tiếng người thịt nát xương tan
Tiếng âm hồn gào thét kêu than
Đêm côi cút giữa đất trời hung bạo
Khuya rét mướt rừng già An Lão
Chiều sục sùi hang núi Ba Tơ
Nương thân gò mối cồn mồ
Về theo cát bụi bên bờ đìu hiu...
Tôi đứng đây giữa chiều
Ngó về đâu không rợn màu tang tóc
Ngó Nam ngó Bắc
Nuốt tiếng thở dài
Ai đến Tam Quan thương vay?
Ai về Sa Huỳnh khóc mướn?
Có nghe những oan hồn vất vưởng
Than van trên ngọn cờ bay
Kêu đòi thân thế hình hài
Trăm năm cát bụi ... miệt mài cơn đau.

(mùa Hè năm 1973)

(*) Phạm Triều Nghi là bút danh khác của một nhà thơ rất quen thuộc với độc giả miền Nam trước 1975, và trên TQBT hiện nay. Anh hiện còn trong nước. Những cảm xúc chân thật khi nhìn lại cảnh binh lửa lụi tàn ở Bồng Sơn, Tam Quan, Sa Huỳnh, Ba Tơ... trong những ngày mùa hè đỏ lửa (1972) là cảnh tan hoang của một chiến trường ném binh như vãi đậu của cả hai phía.

Đọc lại bài thơ của người bạn thơ cũ để nhớ lại những năm tôi, và anh Trần Hoài Thư miệt mài hết Tam Quan, An Lão, Hoài Ân. Dòng Lại Giang rợp mát bóng dừa, và cũng nơi ấy, đã in lại nhiều dấu ấn cho 2 người lính “rất trẻ” chúng tôi khi hành quân qua những địa danh “ngút ngàn khói lửa” năm xưa

ấy.

Đi qua đèo Bình Đê, ngó chiến trường nghi ngút khói xương,
anh đã bật lên thành tiếng thơ trầm thống, đến đau xé cổ
lòng... Hơn 30 năm, bài thơ mới được chính thức đi trên
TQBT. (TQBT)

PHẠM NGỌC LƯ

HUYỀN MỘNG

Xuân tình phì nộn tốt tươi
Một năm xuân sắc trên người bất kham
Liếc ta một khóe hồng nhan
Ranh ma chôn cáo điểm đàng mắt môi
Cầm con dao nhọn sẫm soi
Găm lên miếng vận miếng thời, ba hoa
Cuốn lên váy mị xiêm tà:
Miếng mê miếng hoặc nở hoa đỏ lòm:
Màu hoa anh túc nhiếp hồn
Màu môi rờn rợn tô son huyết người
Mỡ màng mặt tốt mảy tươi
Sương em ngả ngớn nói cười huênh hoang
Muốn nghe răng cắn hồng nhan
Giận thân lực khí tàn...ngồi cầm

3.2005

NHỚ TRẦM

Lòng ấp ủ một làn hương
Từng đêm âm ỉ lịm buồn lửa tro
Từng đêm le lói, cơ hồ...
Người về thấp mộng đốt lò chiêm bao

Cháy lòng từng ngọn khát khao
Từng canh hoài tưởng cồn cào tro than
Cứ nghi ngút khói mơ màng
Sao người tắc mộng khép làn hương đau !

Đắng lòng ngâm biển nuốt dâu
Treo chân địa võng gối đầu thiên la
Đất - trời - im - lặng trên ta
Mùi hương ấp ủ...chỉ là hương tâm !

4.2005

NGUYỄN TÔN NHAN

TAM TUYẾT

1.
Bụi mù máu và tuyết
Hồn lửa chia biệt
Quê xứ người ma tru

2.
Cõi xưa đi xa mù
Chùa cũ tiếng chim gù
Quên quên bóng lay du

3.

Con người với con ma
Hỗn độn vòng sinh diệt
Giữa trưa dội tiếng gà

4.

Vắng lặng bật tơ trúc
Cốc hoang cây cỏ mọc
Thoát xác khỏi xanh um

5.

Hàm oan hồn đau rên
Hỗn độn sương xuống lớp
Xa xa dội tiếng rên

6.

Chưa với chén rượu cũ
Người xa muôn dặm nghìn
Ngó ra chim lượn cú

7.

Và qua bay ào ạt
Quanh hoàng hôn sắp chôn
Cả một mùa chết ngạt

8.

Chờ chín mươi chín kiếp
Cầm tay khóc nhập nhòa
Xác nhập hồn tru ma

9.

Ngoài cõi thực bầy tướng
Rỗng rinh ý trống không
Tâm vật vờ lưỡng vưỡng

10.

Mửa máu sau trang kinh
Chín ngàn thơ và huyết
Không sinh không không diệt.

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

CHIỀU QUA TÀ DÔN NHỚ NGUYỄN BẮC SƠN

Chiều ngang qua Tà Dôn
gió hát se se buồn
lời xưa đau kẻ lá
điều hiu hửng rạ thơm

Qua rồi mùa chinh chiến
không là những cốt khô
tao với mây hóa trẻ
ru chút hồn ngu ngơ

Ngực Tà Dôn vẫn thở
thời gian tàn lụi mau
những trái tim bất lực
ngàn năm lẫn về đâu ?

Chiều ngang qua Tà Dôn
bóng mây theo cũng buồn
tao quên mình đang sống
làm sao quên mày? Sơn !

Quốc lộ 1. 1994

CAO VỊ KHANH

công án

tâm em lạnh như câu kinh phổ độ
tôi về yêu như đốn ngộ án thiền
trong thoáng chốc, tôi em và vũ trụ
bồng dòn lặn thành một khối tình nguyên

chân thân

đêm nay không nhớ trăng mười mấy
mà giữa lòng ta bồng sáng trưng
bồng ngát dậy lừng hương cỏ dại
khi em vừa khỏa tấm lưng thon

lệ bỏ tát

ta đã yêu nhau từ một bận
từ buổi hừng đông tịch mịch hồng
từ buổi cồn dâu thành biển động
từ trăm năm, có cũng là không

ta đã chờ nhau giữa mịt mùng
khi ngày mất tích đêm thất tung

khi năm khánh kiệt đời tuyết tận
em bồ tát khóc lệ bao dung

em chính là mây đã hoá thân
theo mưa phổ độ xuống hồng trần
rưới nhau riêng giọt cam lồ trắng
làm nở trong ta đóa dịu dàng

đáo bỉ ngạn

cám ơn em đã vì ta trau chuốt
đã vì ta điểm lệ thịt da ngà
đã vì ta rướm rướm cỏ hoa
đã vì ta mượn mà nhiệt đới

cám ơn em đã vì ta máy động
đã vì ta luống cuống những đường cong
đã vì ta mở hé cõi vô cùng
cho ta thấu mình lộn kiếp

cám ơn em đã vì ta nồng nả
đã vì ta ràn rụa giọt thâm ân
đã vì ta độ lượng ân cần
đã vì ta đáo ngạn

chánh quả

em chứng quả bồ tát
cho lòng anh quy y
nguyện hai thân nhập một
sá gì mớ xiêm y
trả lại đời, giả tướng
đốn ngộ giữa thân trì

NGUYỄN THÙY SONG THANH (*)

**ĐÊM TÌNH NHÂN
NGỒI NƠI GÓC SÂN TRƯỜNG**

Không ai – không có ai nơi này
Chỉ có vầng trăng trên ngọn cây
Ngồi một lát cho ấm ghế đá
Một lát thôi lệ ấm bàn tay

Trời chưa nguôi trút ào cơn gió
Thổi muôn xưa về gặp lá vàng
Thổi rạp lá xanh – từng từng cội
Thổi qua tóc rối chạm hồng nhan

Hồng nhan một nét, trời một cõi
Nghiệm đời mình sao ngó gốc cây
Giữa bao la gió còn ai gọi
Nhà ở đâu – ta ở nơi này

Mái trường, cơn-mê-đời trú ẩn
Tình ta – hồn cổ thụ chiêm bao
Thấy đời mình gan lì lạnh lẽ
Bền bỉ xù xì đứng lờn lao

Lệ hạt tặng cây buồn gửi gió
Người trăm năm – bỗng nhớ bản thân

Những bước xuân xanh ngoài kia phố

Có buộc sợi tình quanh ngón chân

HẠT BỤI

Hạt bụi chốn hồng trần
qua vô lượng thời gian
từ vô cơ sống dậy
bằng hoàng cuộc hoá thân

Chàng đi về vô tận
em theo đến vô cùng
xin đừng hỏi đừng hỏi
cần khôn tự hữu chẳng

Trong trái tim núi đá
trong tiếng thở rùng già
trong chồi non tư tưởng
khải thị khúc tình ca

Mỗi ta một vũ trụ
u uẩn trong hồn mình
nhìn nhau hoài chẳng thấy
những nỗi đời lặng thinh.

(*) Trước 1975 là giáo sư dạy học tại Trường Văn Hóa Quân Đội, nay bà đã về hưu. Bà là vợ của nhà thơ Khoa Hữu. Cảm ơn bà đã gửi thơ đến TQBT chúng tôi. Và lần lượt chúng tôi đi những bài thơ của bà trên những số kế tiếp. (TQBT)



Tranh của Thân trọng Minh

TRUYỆN NGẮN

• TRẦN HOÀI THƯ • TRẦN HUYỀN ÂN • PHẠM
VĂN NHÀN • TRẦN BANG THẠCH •

TRẦN HOÀI THƯ

LỮ MÈO HOANG

Khu nhà ông ở đám mèo hoang xem như chỗ không người. Con màu xám tro, con màu nâu nhạt, màu vàng, đen mực hay tam thể. Có con bồm xù, mặt như sư tử. Chúng chạy băng qua đường. Chúng rảo từ nhà này sang nhà khác. Chúng gào kêu trong đêm. Chúng đuổi nhau trên máng xối. Chúng động tình rên rỉ kêu gào như ma hồ ly. Có khi hai ba con đực đuổi theo một con cái, chạy hết từ nhà này sang nhà khác bất kể loài người. Sau đó, chúng đẻ con trong một lùm bụi nào đó. Dân số loại bốn chân lại tiếp tục gia tăng bành trướng để tạo thành một lực lượng đông đảo xâm nhập vào xã hội loài người.

Chúng không cần nhà cần cửa. Chúng sống ung dung không cần trật tự đẳng cấp hay luật lệ thường tình mà bất cứ xã hội nào trên quả địa cầu này cần phải có. Chúng chẳng cần để ý hay thắc mắc về cuộc đời, về thao thức suy tư động não. Chúng vui đùa tấp nập, nằm ngửa chống bốn chân lên trời. Hay lim dim đôi mắt như triết gia hay rình mò trong bụi rậm tìm cách vỗ chụp con ếch, con chuột ngay cả con sóc, con chim...

Đôi khi một con nằm chết ngay sau vườn, mùi thúi bốc lên nồng nặc lợm mữa. Có khi một con băng qua đường bị xe cán chết ngay trước nhà ông. Con sống đã làm ông bức mình mà con chết vẫn chưa chịu buông tha ông. Nó bắt tâm trí ông phải khổ sở. Không phải dễ dàng bỏ xác vào bao rồi để trong thùng rác trước nhà chờ xe tới mang đi. Lỡ người ta khám phá ra thì nhiều chuyện phiền phức

sẽ xảy ra không biết chừng. Ở xứ này mèo chó có lẽ là công dân thượng hạng mà. Chúng có nghĩa trang riêng. Đồ ăn dành cho chúng có khi còn mắc tiền hơn đồ ăn dành cho con người nữa. Ngoài ra, chúng còn có Hội Bảo vệ thú vật hay Sở cảnh sát thú vật luôn luôn che chở bảo vệ. Và cái tội giết thú vật được xem là tội ác, để vào nằm ấp như chơi.

Bởi vậy ông chỉ còn cách là mang xác đi tìm một bìa rừng nào mà vất đại. Càng phần nộ hơn nữa khi một hôm ông nhận ra ả mèo hoang kia đang ngoạm nguyên con hummingbird **Ruby-throated** mà ông rất yêu mến...Loại chim này rất hiếm quý. Chỉ có mặt ở vùng này từ tháng 4 và trở lại vùng Nam Mỹ vào tháng 9 để trốn rét. Chiếc mỏ dài, thân hình màu đỏ huyết dụ, với đôi cánh mỏng mà đập nhanh khi chim ta hút mật ở các nhụy hoa. Ngoài loại hummingbird còn có vài con bluejay, màu xanh nhạt, ngực thon trắng nõn hót rất du dương. Trời ơi, ông đã tốn bao nhiêu công để chiêu dụ đám chim xa đến ngụ vườn nhà. Phải treo dưới cành cây lon đưng thức ăn đặc biệt dành cho chim chóc mua ở tiệm. Phải đổ nước thường xuyên vào chậu để chúng giải khát. Ngoài ra ông còn làm một cái bệ nước để chúng còn có nơi tắm mát. Để đổi lại, ông có thể nghe được tiếng chim hót ca, líu lo, nô đùa trên những nhánh cây, hay bệ nước sau nhà. Chúng mang lại niềm vui mà trời đất dâng tặng. Chúng ngợi ca thiên nhiên. Chúng truyền rao tình yêu như con chim trống cố gắng hót líu lo để quyến dụ chim mái. Có khi cả buổi trưa, vườn ông đầy tiếng chim hót. Nơi nào chỗ nào cũng ríu rít líu lo. Nhìn lên là cả một bầy chim lạ, Có lẽ chúng nghe lời

nhau, tìm đến để hoà vào bữa yến tiệc mà ông đã chuẩn bị dọn cho chúng mỗi ngày.

Ấy vậy, một hôm bỗng nhiên xuất hiện một con mèo lông mướp, rồi hai con lông mướp... Chúng công khai chiếm cứ khu vườn. Chúng làm cho những con sóc cong đuôi không còn dám bén mảng. Càng tốt. Ít ra vườn rau vườn cà không còn bị đám sóc phá hoại nữa. Nhưng chúng lại là những hung thần cho loài chim xa mà ông đã tốn bao nhiêu công sức chiêu dụ về. Chúng chẳng nề vì gia chủ. Chúng hờm sẵn trong lùm bụi. Có khi rình chờ cả tiếng đồng hồ, rồi lưng bẹp xuống đất, hai tai vểnh thẳng lên trời, đôi mắt như thôi miên con mồi. Cứ thế, chúng chọn vườn sau của nhà ông làm bãi chiến. Con sóc nằm phơi thây. Những chùm lông con chim chết còn rụng trên cỏ. Trong khi đó, chúng lại nằm trên nền gạch tắm nắng. Có khi lại nằm lim dim trên thềm tam cấp trước nhà. Chúng lừ đừ đôi mắt nhìn ông chẳng cần biết ông giận đến điên cuồng.

"Được ông cho lũ bây biết tay ông".

Ông rửa. Ông trử sẵn trong nhà mấy hòn đá, hễ thấy bóng chàng hoặc nàng xuất hiện là ông ném ào ra. Có khi ông tức tối rượt đuổi. Nhưng bao giờ chúng cũng nhanh hơn ông. Hễ vừa thấy bóng ông là chúng đã cong đuôi phóng qua hàng rào nhà bên cạnh. Sau đó chúng quay lại phóng đôi mắt sắc bén như thể thách thức hay chọc đùa nhạo báng ông. "Đồ đều cán". Ông giận dữ. Qua lỗ rào, nó nhìn ông, chẳng tỏ vẻ gì sợ hãi. Có lẽ nó ngạc nhiên không ít. Bởi nó thuộc một giống loài được ưu đãi, cưng chiều tại đất nước này. Đến đâu nó cũng được thiên hạ nhìn với đôi mắt trù mến. Lại cho ăn.

Cho uống. Chỉ có cái nhà của lão da vàng mũi tẹt này mới xô đuổi nó. Kia kia. Ông ta chẳng khác một hung thần. Mặc. Nó quay lại liếm bộ lông hay chiếc đuôi, rồi lại chậm rãi đi tìm chỗ khác, như chẳng cần bận tâm gì đến đằng sau, bên kia rào.

"Đồ súc vật". Ông Nguyễn lại rửa. "Có ngày mi sẽ phải đền tội".

Ông lái xe ra siêu thị mua một hộp thức ăn dành cho chó mèo - loại thượng hảo hạn - mà ông thấy quảng cáo trên TV. Ông xẻ miếng thịt thơm ngào ngạt, nhét vào lát ớt - loại ớt cay nhất của Nam Mỹ. Vừa làm ông vừa khoái trá. Để cho chúng biết thế nào là trí óc ưu việt của loài người. Để cho chúng sau khi ăn xong, phải hít hà, phải cay xè đôi mắt, phải chảy nước mắt sống, và phải hãi sợ để không bao giờ dám bén mảng đến cái khu vực của lão già này nữa.

Rồi ông chờ đợi.

Kìa, nó xuất hiện. Con mèo lông mướp bất trị kia đã xuất hiện. Thông thả, chậm rãi, nó tìm đến cái khoảng đất quen thuộc mà nó vẫn từng dùng để phơi nắng. Nhìn chiếc bụng, thấy lớn ra, ông biết con vật đã có mang. Nó dừng lại nhìn ông như thể ngạc nhiên vì tự nhiên hôm nay lão già này rất mực dễ thương vậy cả. Ông cầm đĩa thức ăn kêu meo meo, lại đây, ta có tặng phẩm cho mi. Ta biết mi đói. Đừng sợ ta nữa. Ta không liệng đá, liệng gạch hù dọa mi nữa đâu. Meo. Meo. Ta là bạn mi mà. Sau đó ông đặt đĩa xuống trước mặt nó. Mèo ta vẫn ngần ngại, dù lưỡi đã liếm miệng vài cái thêm thưởng, dù hai

tai đã dựng đứng, chiếc đuôi đã vẩy, dù đôi mắt đã nhìn chăm chú vào đĩa thức ăn. Ông bèn bỏ vào nhà. Ở ta biết mi sợ, để ta đi chỗ khác để mi được thoải mái với mâm cỗ nhé. Ông vào trong, hé cửa lén nhìn ra. Ông hồi hộp theo dõi nó lúc này từ từ tiến về cái đĩa thức ăn. Nó hình như không còn lo lắng nữa. Đầu cúi xuống. Kìa, nó bắt đầu thè lưỡi. Nhưng không. Nó đang đánh hơi. Có lẽ cái bộ râu là khí giới đặc biệt mà Thượng đế chế riêng dành cho con thú yếu đuối này. Nó ngửi một lúc, rồi bỏ đi. Thì ra nó đã khám phá cái bí ẩn dưới những lát thịt lát mỡ ngon lành mời gọi. Nó đã thắng ông.

Bây giờ ông giận. Ông giận thật sự. Cơn giận bắt ông mở tung cánh cửa, ào ra sân, và chụp nhanh hòn đá. Tổ cha mày. Ông chửi. Nhưng rõ ràng mèo ta đã nhanh như chớp, phóng lẹ qua bên kia hàng rào nhà hàng xóm, rồi quay lại nhìn ông như nhạo báng về cái trò chơi quá rẻ tiền của lũ người độc ác.

oOo

Năm nay, mùa đông với những cơn bão tuyết vẫn vũ loạn cuồng, để rồi sau đó, là những vùng tuyết trắng mông mênh. Đôi khi, luồng khí lạnh từ Nam Cực thổi vào thêm lục địa, để lại những cơn lạnh thấu xương tủy, kèm theo những ngọn gió căm căm đến cả 50 độ C dưới zero. Lúc này ông cũng chẳng còn bận tâm đến đám mèo hoang nữa. Không biết chúng rúc đi đâu để tránh cơn bão tuyết và cái giá rét ghê hồn này.

Thỉnh thoảng ông tìm ra một vài xác mèo nằm vất vưởng

đâu đó sau vườn, hay trên đường. Chắc là chúng không thể qua khỏi mùa đông tàn bạo này. Chỗ của chúng là mái nhà, bên cạnh loài người. Chúng là giống được sinh ra để được chiều chuộng, vuốt ve bởi con người.. Trời sinh ra chúng, cho chúng bộ lông mềm mại, là thế. Bây giờ chúng đi trái với luật thiên nhiên, thì trước sau cũng bị đào thải. Không thể với bộ lông mỏng manh như thế lại có thể che chở chúng khi một hơi thở mới vừa thoát ra đã đông ngay thành đá. Chim thì có miền Nam nắng ấm để bay đi trốn lạnh. Cáo chồn thì có hang. Sóc thì có những bông cây ẩn trốn. Còn chúng, không có gì hết. Hay chúng muốn chứng tỏ về một lời giải cho luật môi trường mà từ cổ tới kim vẫn còn tranh luận: Sinh vật làm biến đổi môi trường hay môi trường làm biến đổi sinh vật ?

Chỉ có bà Mỹ hàng xóm thì lo lắng thấy rõ. Thỉnh thoảng bà ta hỏi thăm ông có thấy lũ mèo không. " Thời tiết kiểu này làm sao chúng sống sót được. Tội nghiệp chúng quá". Làm sao bà biết lòng dạ của người hàng xóm cạnh nhà bà.

oOo

Thế rồi mùa đông hết. Mùa xuân lại đến. Con mèo mướp lông xám tro lại xuất hiện. Lần này bụng quá lớn và bộ lông xem dày hơn trước. Buổi chiều từ hăng trở về, ông thấy nó nằm ngay trên thềm tam cấp trước cửa chính. Làm như nhà này là của nó. Thấy bóng ông, nó lại phóng vào lỗ rào qua nhà cạnh. Bà hàng xóm đang trồng hoa bên kia nhà, thấy nó, vội la lên vui mừng:

"Con mèo yêu dấu của tôi đã trở lại, ông thấy không ?"
Rồi bà nói thêm: " Với thời tiết quá khắc nghiệt như năm này, nó còn sống sót được, thì kể là phép lạ".

Chỉ có ông là chẳng vui. Có người bạn sau khi nghe ông nói nhớ tiếng gà gáy ban mai, muốn tặng ông cặp gà chánh hiệu Việt Nam. Chắc ông sẽ từ chối. Không có cách gì để qua mặt được lũ mèo hoang này. Không trước thì sau, gà ta cũng phải chết vì bệnh "đau tim" hay " trụi lông " mất.

oOo

Hình như cả tuần nay, ông không thấy con mèo mướp ấy. Chắc nó đã đập bầu rồi. Bỗng vào buổi chiều khi ông dọn cỏ, ông nghe tiếng mèo con kêu. Ông tìm đến lùm cây um tùm, rẽ lá nhìn xuống. Một đám mèo con đang nằm chen chúc nhau. Không thấy con mèo mẹ. Một là nó bỏ con đi tìm ăn. Hai là có một chuyện gì xảy ra cho nó. Còn giả thuyết nó bỏ đàn con mà trốn đi, chắc chắn là chuyện không thể xảy ra. (Ít ra nó cũng hơn con người. Chồng mới ở tù đã bỗng con giao lại cho nội). Nhìn đám mèo con không có mẹ bên cạnh, đang kêu la. Những chiếc miệng còn đỏ nỏn, với những chiếc râu ngắn, có con màu trắng xám, có con màu lông hơi nâu đang chen lấn trên khoảng đất dơ bẩn đầy trùn, kiến, trong cái bóng âm u đầy đe dọa của loài cáo chồn. Bỗng nhiên ông động lòng. Cho dù ông hiểu rồi một ngày nào đó chúng sẽ tiếp tục bắt ông ăn không ngon ngủ không yên. Chúng sẽ trở thành những hung thần của loài chim loài sóc, sẽ nửa đêm rượt đuổi nhau trên mái nhà, sẽ khát tình kêu gào trong đêm rồi sẽ chết, để ông phải tìm cách mang xác đi vất ở xó rừng... Nhưng ông không thể

làm cái chuyện trả thù. Những con vật vô tội, đang cần mẹ chúng. Liệu đêm nay trời mưa, lấy gì che cho chúng khỏi ướt lạnh, hay giữa bờ bụi hoang vu ẩm thấp này, làm sao chúng tránh được của con cáo con chồn ? Ông không thể để vậy. Chúng chẳng tội tình gì hết. Chẳng qua chúng thực hiện cái luật của trời đất đã dành cho chúng, thế thôi.

Và cũng vì động lòng trắc ẩn, ông vào nhà tìm chiếc thùng giấy lót thêm rơm cỏ, thêm cả thức ăn, và bắt lũ mèo con để vào trong. Ông lại cẩn thận che phía trên tấm bìa để che mưa. Ông nghĩ mình đã làm xong một điều tốt. Ít ra, điều này làm ông thấy dễ chịu vô cùng.

Ngày hôm sau, ông ra thăm mái nhà mà ông tạo dựng. Ông không còn thấy chúng nữa. Chỉ còn cái thùng trống trải thêm đĩa thức ăn còn nguyên vẹn. Mèo mẹ đã tha đám con nó đi tản về chỗ khác. Nó đã khước từ lòng tốt của ông. Hay là nó hiểu ra triết lý : "Càng nhận thì càng phải mang nợ" hay "không có gì quý hơn ...trời đất thiên thang".

Có phải vậy không ?

NJ tháng 6 năm 2005

TRẦN HUIỀN ÂN

TIẾNG GÀ CƠM CÁT

Nắng vàng lóa mắt. Con đường cát trắng hoa lên ánh vàng. Trảng tranh, trảng đế hoa lên ánh vàng. Nhìn vào không trung thấy có những giọt nắng tựa như giọt nước kết lại rồi vỡ ra, khi thì chạy tán loạn, khi thì chạy thành hình chữ chi, đường dzich-dzắc, chạy theo kiểu các động tác trong phim hoạt họa.

Rừng núi oi bức, nặng nề. Những tiếng chim rừng vang lên khô rát, khắc khoải:

Chát cha chát, chát cha cha...

Chát cha chát, chát cha cha...

Tiếng gáy của những con đa đa. Có nơi gọi là gà gô.

Bà Huyện Thanh Quan tặng cho chúng cái tên theo lối tá âm để đối thật chỉnh, từ ý đến lời :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Một cô thân nhà Lê viết bằng cái tên bác học hơn, cũng xa lạ hơn:” giá cô “.

Giá cô khiếu gia gia.

Đỗ quyền mình quốc quốc

Vì cầm do hữu quốc gia thanh...

Dù đã nghe, đã đọc nhiều tên của giống chim này, tôi vẫn thích gọi chúng bằng cái tên nôm na nhất, giản dị nhất: con” gà cơm cát”.

Trong câu thơ Thanh Quan, hai tiếng đặc ý là hai tiếng “mỏi miệng” . Mỗi lần qua trảng tranh, trảng đế, dưới ánh

nắng đậm hồng ban sáng hay trong ngọn gió nồm mát buổi chiều, nhất là vào những giấc trưa lặng gió, cây cối im lìm, nóng bỏng, nghe tiếng gà cơm cát gáy, tôi vẫn có cảm tưởng đó là tiếng kêu đầy giận hờn, oán trách, trong miệng con chim còn ngậm đầy những cát, giọng lạc, cổ khan, rướm máu:

*Xúc cơm cát trả cho cha,,,
Xúc cơm cát trả cho cha*

Tôi đang trên đường về lại làng quê Vân Hòa. Ở đây có chợ Đồn là chợ duy nhất của tổng. Ngày phiên thu hút nhiều người mua, người bán từ Tuy An, Tuy Hòa lên, từ các chợ ven biển: chợ Đèo, chợ Giã, chợ Yển, chợ Thứ, chợ Bàu Súng, chợ Dinh... Những chàng trai khắp tổng và các tổng lân cận : tổng Sơn Bình, tổng An Sơn, An Hải cùng về tìm vợ chợ đông.

Vân Hòa là điểm gặp của các con đường từ Tuy Hòa, Tuy An, đi qua để lên Củng Sơn, lên Trà Kê . Đây là chặng dừng chân cho cả người và ngựa nghỉ ngơi . Lúc tôi đã biết, nhà tôi còn là trạm dịch của nhiều toán như vậy. Cụ giáo Trương về Huế vô, từ Tuy Hòa lên Trung Hòa, ông Cử Trần từ An Thổ lên Phú Thuận, ông Học Đào từ Phú Lâm lên Xuân Sơn... đều nghỉ tại nhà tôi. Nghe tiếng nhạc ngựa rộn ràng từ chòi mòng đưa lại, anh em tôi nhìn ra, chẳng mấy chốc đã thấy chiếc nón quai điệu chớp bạc của khách dừng trước cổng rào chia vôi lấp lánh ánh nắng. Mẹ tôi vội vã làm bữa cơm trưa với món thịt heo nấu nước mắm, món xào bắp sú, cái bắp sú thường xuyên treo lủng lẳng phía trên cũi thức ăn. Vị

khách nào cũng đòi thêm đĩa mắm thơm. Bữa cơm chiều phải là món đặc sản. Anh em tôi lo vật lông mays con chim gấm ghi, chim xanh Sau này tôi được hiểu: Những năm trước đó, các người này, lúc ấy chưa thành kẻ có vai vế ở các làng bên, khi đi qua Vân Hòa chỉ có một mình hoặc với vài ba bạn trai. Họ lập nên nhà cửa, ruộng vườn rồi, một chuyến đi nào đó, có một người con gái Vân Hòa hứa sẽ theo làm nội tướng. Những chuyến đi của dưỡng Ba từ Định Trung lên Hòa Xuân cũng như thế.

Lúc gặp mẹ tôi, cha tôi là ông thầy dạy chữ nho. Ở Lục tỉnh về lại Vân Hòa, cha tôi là người đi truyền bá quốc ngữ. Cha tôi cất một ngôi trường và mời thầy về dạy miễn phí cho lũ trẻ trong làng. Về mặt danh nghĩa, ngôi trường là của cha tôi, nhưng về mặt thực tế, các chi phí cho trường, từ lương thầy giáo, tiền giấy bút sách vở cho thầy đến phần thưởng cho học trò đều do mẹ tôi trích từ lợi tức trong gánh hàng xén của người . Ở trường, thầy cộng điểm và công bố vị thứ hàng tuần chứ không đợi đến cuối tháng . Mỗi chiều thứ bảy, học sinh khá được phát thưởng bằng giấy manh, ngòi bút lá tre, mực viên. Nếu dùng từ ngữ của những năm 70 mà nói thì đây là một nghĩa thực. Cả anh em tôi đều được vỡ lòng, tập nét chữ đầu tiên từ ngôi nghĩa thực nhỏ bé của mẹ tôi.

Đã biết đọc, biết viết, anh em tôi rất thích thú khi đón nhận những lá thư từ các nơi gửi đến cho cha tôi. Con tem Đông Dương hầu hết in hình người Pháp. Thư ở Nha Trang gửi cho cha tôi bao giờ cũng đề Mr. Trần Huyền Đoan dit Năm Cúp, vì một thời cha tôi làm thợ hớt tóc nơi bây giờ là hiệu Sanh Bá Hạp trên đường Thống Nhất. Cái chữ *dit* này đã khiến tôi lúc ấy rất buồn phiền

Lớp tuổi chúng tôi ở Vân Hòa, đã được cha mẹ đặt cho những tên đẹp theo chữ nho. Có những Đinh Nguyên Tư, Đặng Hạo Nhiên, Thái thị Kiều Trang, Nguyễn thị Minh Vân ... Bên cạnh đó , với các bà, các mẹ , chúng tôi còn có những tên nôm na xấu xí nữa. Anh em tôi là thằng Mọi Anh, Mọi Em. Và ngoài tên chính, tên tục, cha tôi còn đặt cho một tiểu tự. Sáng mồng một Tết dậy sớm, rửa mặt chải tóc, mặc quần áo mới, viết dòng khai bút trên giấy hồng đơn, phía dưới ghi tên kèm tiểu tự , dán lên cột.

Tôi đã viết: Trần Sĩ Huệ dit Huyền Ân

Ông cậu bảo như thế là không đúng. Chữ dit không dùng cho tiểu tự mà để giải thích tục danh. Phải viết Trần Sĩ Huệ dit Mọi Em. Cậu lấy các bì thư người ta viết cho cha tôi làm dẫn chứng. Người ta viết : Trần Huyền Đoan dit Năm Cúp, chứ không phải Trần Huyền Đoan dit Chương Phủ. Tôi không dám cãi lại , chỉ cho là cậu có lòng ác muốn bêu xấu tôi. Tôi ghét cái tên Mọi Em. Khi mẹ tôi đã mất, khi lớn lên đọc một nhà văn Tây phương :”Mất mẹ, không phải chỉ mất một người mẹ , mà cả tuổi thơ ấu của ta cũng mất đi một nửa. Vì cái thời ta là một đứa con bé bỏng , vừa là của ta vừa là của mẹ ta. Chỉ có mẹ ta mới biết được như ta , những câu chuyện xa xăm , không có nghĩa lý gì mà vô cùng thân thiết ...”, tôi trở lại yêu cái tên Mọi Em của mình . Lúc này tôi thấm thía rằng những tên gọi là “ tên tục “ ấy không hàm ý xấu xa mà ở đó là cả tình thương của người mẹ . Đứa con của mình, cho dầu xấu xí đến mấy đi nữa người mẹ vẫn thương bằng cái tình thương lớn lao nhất, sâu thẳm nhất. Mỗi dịp Tết, mẹ tôi gói cho những đòn bánh tét nhỏ xíu để chơi , mẹ tôi bỏ công ra chà cái bong bóng heo đến

thật mỏng, nài nỉ cha tôi bịt cho chiếc trống rung con. Chiếc trống rung thật nhỏ, cầm trên hai ngón tay, xoe đều, xoe nhẹ, hòn sấp đánh xào mặt trống căng thẳng, tiếng kêu bum bum vừa vui tai vừa hân hoan

Trong bữa ăn, tôi gọi bộ phận trong bụng con cá trụng là cái “ống diều”, tôi nói “KonTum” (vừa biết trong bài học Địa dư) thì mẹ tôi gắp cho con tôm ... Tôi chỉ nhớ được ở mẹ tôi những chuyện vặt vãnh như thế .Ồi ! Những chuyện không nghĩa lý gì mà vô cùng thân thiết.

Mẹ tôi sắm nhiều loại bát đĩa, xếp thành từng bộ. Bộ hoa thơm, bộ ông tiên, bộ con rồng, bộ phụng tím, bộ phụng xanh ... Nếu chỉ độ bốn, năm người khách, lưu lại vài ba hôm thì khách sẽ được dùng mỗi bữa ăn một bộ bát đĩa khác nhau, mỗi ngày hai bộ tách trà khác nhau, cho buổi sáng và cho buổi tối. Một mình thì cha tôi uống bằng cái tách nhỏ, hơi cao, đặt trong cái đĩa tương đối rộng, vẽ ông già câu cá bằng nét nguệch ngoạc, thô cứng. cha tôi bảo đó là nét vẽ cách. Lúc ấy, tôi cho rằng lòng đĩa rộng quá, không cân xứng. Còn bây giờ, tách trà không có trước mặt, tưởng tượng ra tôi mới nghiệm thấy cái ý nghĩa trong lời giảng của cha tôi. Từ trên cao nhìn xuống, lòng đĩa như mặt hồ dần trải, sợi dây câu của Thái Công rơi đúng vào lòng tách,, loang loáng dưới đáy là trời, là mây yên tĩnh. Chờ đợi và chờ đợi. Thời gian cứ trôi qua theo từng tách nước đầy với những phao không bao giờ động dậy, không bao giờ có con cá đớp mồi. Uống trà để tìm sự yên tĩnh cho tâm hồn. Tôi nghiệm trà từ những phút ngồi bên cha tôi như thế, được cho nếm thử vị trà. Cha tôi uống loại trà chữ mực, hiệu con nai đen, gọi mua tận Quy Nhơn, đựng trong thùng thiếc, đặt trên mặt tủ con. Tôi thường mở nắp, cúi mặt vào thùng,

hít từng hơi dài, buông phổi thơm ngát hương trà. Một lần vừa ngẩng lên thấy mẹ tôi đứng nhìn, ánh mắt vừa giễu cợt, vừa thương hại, nụ cười vừa bao dung, vừa bằng lòng. Tôi chạy đến ôm chầm mẹ tôi, ngây ngất thấy người mẹ cũng ngạt ngào hương trà .

Hình như là một buổi chiều sắp hết mùa đông, đã có nắng vàng ấm nhẹ. Mẹ tôi đem những thùng dầu dừa đông đặc ra phơi. Khi thấy dầu đã tan chảy hết, tôi khệ nệ bưng cái thùng hạ vào. Mẹ tôi ngồi trên thềm, âu yếm nhìn tôi và nói lời khen tặng. Thùng không còn nhiều dầu, nhẹ hẫng, song thềm nhà cao, khi bước lên bậc đá tôi vấp ngã, mũi va vào cạnh thùng, máu tuôn ra. Mẹ tôi hốt hoảng, chạy đến đỡ tôi dậy, lau vết máu, đưa vào nhà nằm nghỉ. Cái thùng hạ lặn xuống, nhờ đẩy nắp kỹ, dầu không đổ. Cả cuộc đời tôi chỉ giúp cho mẹ tôi chừng ấy mà không làm xong việc .

Khi dạy học ở Hòa Đa, nhà trọ dành cho tôi một gian phòng gần đường. Trưa nào cũng vậy, từ bên kia đường vang lại tiếng đứa con gái nhỏ ru em. Đứa con gái giọng còn ngọt ngào. Nó gào lên chứ không phải ru. Có lẽ vì không cảm nhận được thứ âm thanh thiếu ngọt ngào êm ái ấy nên em bé cứ khóc, không chịu ngủ. Nó càng gào to hơn. Hẳn là về vốn liếng về câu hát quá ít nên sau khi chuyển sang mấy đoạn mở đầu của vài ba bài hát mới, nó lại quay về điệu ơ hời, với câu:

Một mai con cá hóa rồng

Đền ơn cha mẹ kẻ công sanh thành...

Nghe đứa con gái gào mãi, quen đi tôi lại thấy nó hát thế là hay. Sau bữa cơm trưa hình như tôi có ý đợi chờ cái giọng ngọt ngào khô cứng ấy cất lên.

Để báo hiếu, lời hát đưa ra một điều kiện thật khó khăn: cá hóa rồng. Cá hóa rồng hoàn toàn chỉ là một hình tượng và là một hình tượng không dễ gì thực hiện nên mãi mãi còn trong niềm mơ ước: một mai... là thứ thời gian cứ tưởng gần kề mà chẳng bao giờ chịu đến.

Những buổi trưa như thế, tôi nằm tự xét mình đã lập được công gì để đền ơn mẹ và không có được lời giải đáp .

Dì Ba tôi không có con. Đó là nỗi buồn phiền lớn lao của dì. Dì không chịu nổi khi đặt câu hỏi: Mình thiếu âm đức chỗ nào mà không có con ? Bàn luận mãi, cuối cùng cả dì và mẹ tôi đành tin theo những chuyện huyền hoặc của xứ sở để giải thích sự hiếm muộn của những người sống trong thung lũng Lỗ Chảo. Dì muốn quay về Định Trung hay Vân Hòa, nhưng không dễ dàng thuyết phục được Ba bỏ cái cơ nghiệp từng tốn biết bao nhiêu công sức khai khẩn. Để dì bớt buồn, mùa hè mẹ tôi cho anh em tôi vào chơi với dì. Người lính trạm thường đưa thư tới cho cha tôi, được tiếp đón ân cần đã thành chỗ thân tình. Ông từ huyện ra, qua Vân Hòa rồi lên các làng trên Sở. Chẳng quay về cha tôi gọi chúng tôi theo ông vào Hòa Xuân. Ông nhường con ngựa cho anh em tôi ngồi, còn ông đi bộ phía trước.

Người lính trạm bày anh em tôi những ngôn ngữ điều khiển ngựa. Muốn nó dừng lại thì kêu “họ”. Bảo nó cẩn thận, lựa lối thì kêu “bước”. “Xanh” là phải đi thật chính đường , trái lại ,”lách” là chú ý tránh những chướng ngại vật hai bên. Anh em tôi tranh nhau hò hét, nào bước, nào xanh, nào lách, ầm ĩ. Ông còn vui miệng giảng về nghệ thuật đi ngựa : cầm cương thế nào để lên yên cho đẹp,

cách đập vào chân đứng để dễ dàng thúc ngựa và khi lỡ ngã không bị vướng , thế nào là gồ cương, sỏi cương, khi xuống ngựa quăng cương thế nào để đủ sức lên chạc cây giữ ngựa ...Rồi cách thắng kiềng, cách khớp ngựa nữa ... Giài con ngựa cỡi hai bên miệng là hai cái róc rách hình trái tim cho xứng với kiềng da. Giài con ngựa chỏ thì cần cặp róng cho dễ khớp.

Xuống khỏi dốc Đá trong, bắt đầu nhìn thấy những đỉnh núi . Núi tiếp núi nhấp nhô xa gần. Ở Vân Hòa, ở Lương Sơn, Phước Hòa, ngay trên đỉnh cao nguyên, chúng tôi chỉ nhìn thấy núi từ xa, một mảng xanh mờ chạy theo chân trời. Trước mặt chúng tôi, giờ này, núi loang lổ hai màu, màu xanh đậm của cây cối, màu xám nhạt của tranh đế . Cây đa đôi trên đầu dốc Đá Mài che mát một vùng rộng bằng mấy sân nhà.. Cây đa vệ đường này là nơi dừng nghỉ của bộ hành, không nhuộm vẽ thêm u như cây đa chiến ở Trại Cháy hay thần bí như cây đa chân dốc Trạm, lối rẽ vào chùa Linh Phước. Đá ở dốc Đá Mài xếp lớn, dùng mài dao rất tốt, nhờ bọt nhiều và bọt nhỏ.

Sáng hôm sau, chúng tôi theo dưỡng Ba đi săn gà cơm cát. Chúng tôi ra khỏi nhà khi mặt trời mọc. Thật ra, so với nơi khác thì không sớm lắm, vì chung quanh Lỗ Chảo núi quây vòng tròn. Mặt trời mọc tức là mặt trời đã lên khỏi đỉnh núi. Tranh đế ở sát ngay bờ đất cày. Con gà cơm cát đâu đó gáy lên lanh lảnh:

Chát cha chát, chát cha cha...

Chát cha chát, chát cha cha...

Mặt dưỡng Ba sáng rực lên, dưỡng ra hiệu cho chúng tôi im lặng rồi chỉ chỉ nơi phát ra tiếng gáy. Dưỡng đảo mắt xem xét, đặt lồng gà mỗi xuống đất. Lồng được che kín

bằng những cành chim chim dày lá . Cầm cây rựa nhỏ, dựng Ba chặt nhanh ít ngọn cây rập thành bờ rào. Vòng rào hơi giống hình thoi. Phía đỉnh nơi phát ra tiếng gà gáy còn mở rộng, phía ba đỉnh kia đóng ba tay lưới dây. Mỗi tay lưới lớn hơn chiếc khăn lông lau mặt, mắc sẵn trong thanh tre vót nhọn hai đầu. Thanh tre cắm xuống đất thành vòng cung. Tay lưới bọc theo vòng cung ấy. Dựng Ba chỉ chỗ cho anh em chúng tôi nấp kín mà có thể nhìn thấy đường chạy của con gà ngoài. Dựng cũng nấp kín, hai tay bê giỏ gà mỗi, dùng que nhỏ chọc rồi thổi, kích thích. Con gà mỗi kêu lên :

Tục tục tục tục...Tục tục tục tục ...

Giọng nó trầm, đục, không lớn, nhưng vang xa. Con gà ngoài, phóc khỏ khóm đế , dừng lại, cong cổ trả lời:

Cóc cò rò...Cóc cò rò...

Gà mỗi vẫn khiêu khích : Tục tục tục tục ...

Con gà ngoài xòe cánh, xù lông cổ, hơi cúi đầu xuống trong tư thế sẵn sàng giáp chiến, xông tới. Nửa chạng đường, nó dừng lại để gáy :

Cóc cò rò... cóc cò rò

Rồi với tư thế cũ, lao vụt như tên bắn vào nơi tưởng là khoảng trống. Tiếng kêu oác oác thất thanh. Con gà cớm cát đã mắc lưới.

Thật ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi. Chỉ chừng mười phút sau khi nghe tiếng gáy con gà sống giữa rừng núi mênh mông đã nằm gọn trong tay tôi. Lông nó mượt mà, xếp thành những vảy đen, trong gốc trắng muốt. Bỏ vào lồng, nó vùng vẫy cố thoát, chui đầu qua lỗ nan, nhưng vô ích. Chúng tôi nhổ lưới, tiếp tục đi.

Lần sau, con gà ngoài chạy tới, gặp cón mồi chặn đường, nó dừng lại đổi hướng. Dượng Ba phải vận dụng mưu trí để nhử nó. Dượng luôn theo các bụi thấp, có khi bò sát đất, tay vẫn giữ giỏ gà mồi. Tôi tưởng tượng dượng Ba hóa thành con gà. Trên gương mặt dượng, vẽ hồi hộp, nghe ngóng, xét đoán... hội đủ. Mắt dượng liếc nhanh chỗ này, chỗ khác, khi thoáng cau lại, khi mở tròn hết độ. Mồi dượng khi hơi mím, khi nhếch cười.

Con gà mồi: Tục tục tục tục ... Tục tục tục tục ...

Con gà ngoài ngẩng đầu lên. Nó nghe đối thủ ở hướng khác: Cóc cò rò... Cóc cò rò...

Nó xòe cánh, xù lông lên cổ cúi đầu chạy tới. Dượng Ba lui lại, con gà mồi tục tục để dẫn con gà ngoài đối diện với trổ lưới. Con gà mồi càng tục mạnh càng khiêu khích dữ. Con gà ngoài như điên tiết lên :

Cóc cò rò... Cóc cò rò ...

Tiếng gáy của nó gay gắt , rần đanh hơn, nó nhào đại vào khoảng trống. Oác oác...oác oác ... Miệng lưới đã thất lại. Nó kêu thất thanh, vùng vẫy. Đầu còn cái vẻ oai phong của một võ sĩ sắp thượng đài .

Giây phút căng thẳng qua rồi, dượng Ba mới hả hê cười nói. Dượng Ba nhắc lại những nhận định về đường chạy của con gà lúc nãy. Dượng đã nhử nó làm theo ý dượng muốn. Dượng ngồi chồm hổm, cúi đầu xuống, cung hai tay như đôi cánh, nhại điệu bộ con gà. Cổ dượng cũng hơi cong cong khi dượng gáy lên: Cóc cò rò ...Cóc cò rò...Nổi vui làm cho nét mặt dượng Ba trẻ lại. Những lúc này, tôi thấy gần gũi dượng hơn lúc nào hết. Dượng

đặt chúng tôi ngang hàng với dượng khi nói về nghệ thuật săn gà cơm cát. Chúng tôi thấy đó không phải là ông dượng Ba nghiêm nghị ngồi xếp bằng trên phản gỗ, hộp từng ngụm trà nói năng chậm rãi Cũng không phải là ông dượng Ba thờ ơ, lơ đãng, quan co khi có người tới hỏi thăm về lưới, về giò, về rập. Dượng Ba tay xách lồng đi trước. Anh em tôi mỗi đứa ôm ba bốn tay lưới theo sau. Dượng cũng nhảy nhót như chúng tôi. Dượng đá lên ngọn cỏ, phóng qua bụi chòi mồi sể. Gặp một chùm mồi dễ chín dượng hái chia cho anh em tôi, dượng cũng ăn một trái, khen thơm, khen ngọt .

Chát cha chát chát cha cha...

Chát cha chát chát cha cha ...

Dượng Ba chợt nghiêm lại, lắng nghe và chuẩn bị để bắt thêm con gà cơm cát nữa.

Buổi chiều, khi ngồi nhở lông gà đi Ba kể cho chúng tôi nghe sự tích của nó. Rằng, ngày xưa có đứa con trai mồ côi mẹ. Cha nó tục huyền, gặp người đàn bà khắc nghiệt, bắt đứa con chồng làm việc vất vả, lại trộn cát và chén cơm cho nó ăn. Đứa bé không ăn được rồi đói quá, phải ráng mà nuốt . Cát trong bụng không tiêu hóa, bụng đứa bé ngày càng đầy mà thân thể ngày càng vàng vọt, chỉ còn da bọc xương. Mỗi bữa, đứa bé vừa khóc vừa ăn, nước mắt chan vào chén cơm đầm đìa như chan canh. Lượng cát cứ tăng thêm, cơm thì dần dần rút bớt, đến một hôm ráng đến nghẹn cổ, tắc họng, ngã ra chết . Đứa bé hóa ra con gà cơm cát, kêu lên những tiếng xé lòng :

Xúc cơm cát trả cho cha...

Xúc cơm cát trả cho cha....

Phải rồi! Phải rồi! Tôi đã nghe trong tiếng con gà cơm cát có cái gì khô rát, uất hận, nghẹn ngào, như rướm

máu. Tôi ứa nước mắt, thương cho số phận người con trai mồ côi thưở trước .

Mùa thu, dì Ba đột ngột qua đời sau một cơn bệnh ngắn. Mọi người đều thương tiếc . Đau buồn hơn hết là mẹ tôi. Lớn lên, nhớ lại nụ cười trong mắt dì Ba, tôi hiểu nỗi buồn to tát của mẹ tôi. Mẹ tôi đã mất một người chị, một người bạn, mất luôn cả tuổi nhỏ thơ ngây, cả những kỷ niệm vụng về của thời con gái. Tôi nhớ căn nhà ngoại, vườn rộng, sân rộng, bóng che mát rợp, hàng trắc ba điệp chia lá hình cánh quạt. Từ đó, tôi tưởng tượng ra biết bao nhiêu ngày tháng êm đềm của hai chị em : dì Ba và mẹ tôi.

Dượng Ba tục huyền với một người ở Hòa Xuân, vào tuổi lỡ thì. Dưỡng Ba có đưa bà này ra thăm gia đình cha mẹ tôi để giữ mối thân tình. Anh em tôi gọi bà là dì Ba sau.

Gia đình tôi vẫn là trạm dừng chân của dưỡng Ba mỗi khi đi, về, Hòa Xuân - Định Trung. Trong các buổi quây quần bà con hai bên, như mọi lần, địa vị dưỡng Ba vẫn không thay đổi. Tôi lại có dịp vào Hòa Xuân theo dưỡng Ba đi săn gà cơm cát bằng lưới dây và gài bằng trái gạc nai. Dì Ba sau kể lại cho chúng tôi nghe sự tích con gà cơm cát, cũng như dì Ba tôi đã kể, có khác là trong tiếng kêu rất bỗng ấy lại có thêm một câu nữa, thành ra :

Xúc cơm cát trả cho cha .

Đánh dì ghẻ bẻ óc ra...

Tôi hơi lạ lùng. Rồi quên đi.

Nhiều năm tháng trôi qua, dì Ba sau cũng không có con.

Rồi mẹ tôi mất. Không bao giờ còn những bữa ăn vui vẻ, đông đủ bà con hai bên, mỗi bữa ăn dùng một bộ

bát đĩa, mọi người đều nói về mẹ tôi một cách tự hào, cảm mến và kính phục . Gia đình tôi rời khỏi Vân Hòa khi đất nước bắt đầu bước vào cuộc chiến tranh đang đằng ba mươi năm .

Qua trảng dài tranh để Sơn Nguyên, qua cánh đồng Lỗ Chảo, qua Đá Bàn. Tiếng gà cơm cát, chỗ này, chỗ kia, vang lên lanh lảnh:

Chát cha chát chát cha cha...

Xúc cơm cát trả cho cha...

Quả thật âm thanh ghen ngào như cát đầy trong miệng

Lên đầu dốc Đá trong không nghe tiếng gà ấy nữa. Gà cơm cát không có trên vùng đất trần. Suốt từ Lương Sơn qua Vân Hòa, Phong Cao, Trung Trinh, lên Phước Hòa, Trung Hòa không hề vắng vắng một tiếng gà cơm cát .

Tôi nhớ lại sự tích đứa bé mồ côi do dì Ba kể và dì Ba sau bổ sung. Sự tích này không nghe trên vùng đất trần. Nếu có mẹ tôi đã kể rồi. Tất cả các cổ tích tôi biết trước khi đọc được trong sách vở đều do mẹ tôi truyền miệng. Từ những chuyện xa xôi các nơi đến những chuyện gần gũi trong thôn xóm: Chuyện cha con ông Chăm Mừng giết con Thuồng luồng ở Tống Đạt, chuyện vị Thành Hoàng bốn xứ anh dũng chống trả bọn cướp, trước khi ngã xuống còn trừng trừng nhìn chúng đến rách cả khoe mắt, máu chảy đỏ ngầu, chuyện các ông tiên đánh cờ trên mặt vũng Vụ... Không có chuyện đứa bé hóa ra gà cơm cát. Vậy dì Ba đã nghe sự tích ấy ở Lỗ Chảo, nơi dì đã sống, hoặc ở Đá Bàn, Ngân Điền, nơi dì thường đến,

tức là trên vùng đất cát, quê hương của giống chim rừng này .

Xúc cơm cát trả cho cha...

Xúc cơm cát trả cho cha...

Qua hàng nghìn năm, tiếng kêu uất nghẹn, chùng ầy đã đủ thảm thiết, đau đớn ! Cần gì thêm vào lời hăm dọa hằn học nặng nề đằng sa. Có lẽ khi nghe chuyện dì Ba vẫn nghe đủ như dì Ba sau , nhưng khi kể lại cho anh em tôi thì đã cắt bỏ câu cuối. Chính vì lòng nhân hậu dì đã làm như vậy. Dì không muốn gieo vào đầu óc thơ ngây trong trắng của chúng tôi sự căm thù thô bạo. Đó cũng là cái cao quý, nhân hậu của lòng mẹ, cho dầu như dì Ba tôi, tha thiết biết bao mà chưa một lần được mang nặng đẻ đa, chưa được làm Mẹ .

Những năm sống xa quê, gặp những người có đi qua, có biết đến xứ sở mình, tôi thường giấu lai lịch đi để nghe họ nói. Những điều ấy tôi đã biết , biết từ nhỏ . Có người thêu dệt thêm vài chi tiết. Có người bỏ sót một số chi tiết. Tôi lắng nghe, chờ đợi, hồi hộp và sung sướng như mới nghe lần đầu, mới phát hiện được điều mới lạ .

Nấm mộ mẹ tôi ngày trước, qua khỏi Ruộng Cầu theo một lối rẽ. Lối rẽ ấy song song với đường cái, tạo cho chúng tôi cái ảo giác nơi mẹ nằm khá xa đường. Chung quanh là rừng chổi, hoa trâm đại mùi thơm gắt. Hoa màu trắng ẩn hồng ẩn tím, cành gai, lá nhám. Xa chút về phía tây, mấy cây thị thân thẳng vươn cao. Đó là lối vào đình Ông, miếu thờ vị Thành Hoàng bốn xứ. Không khí linh thiêng lan tận mấy ngọn cây này.

Ngày nay, lối mòn song song và rừng chổi bị xóa mất. Nơi mẹ nằm chỉ cách đường có mấy thước. Trưa tháng

năm, trời xanh cao vút. Không còn chòm trâm đại, nên không còn bầy chào mào riu rít, bầy bồ chao ra rả ồn ào. Không còn mấy ngọn thị vương vấn khí thiêng. Nhìn vào phía đó, nông trường đang mở, những luống cà phê mới lớn nối tiếp nhau chạy dài mãi mãi đến chân trời. Tiếng xe ủi, máy cày rì rì nổ đều từ xa, thỉnh thoảng rú mạnh.

Vết tích chiến tranh còn để lại một dấu đạn giữa lòng bia mộ mẹ tôi. Thoi cốt sắt lộ ra, mòn nhỏ, rỉ sét. Mặt xi măng rơi vỡ khá rộng. Chỉ còn đọc được hai hàng chữ hai bên, những chữ trên và dưới cùng. Tôi cắm bó hương vừa cháy bén lên bệ bia bằng đá ong, ngồi nhìn làn khói mỏng tan bay, nghĩ đến mẹ tôi, dì Ba, đến lớp sinh thành đã sống bằng tấm lòng tràn đầy nhân hậu.

(1985)

PHẠM VĂN NHÀN

CÔI ĐỜI BAO DUNG

*Vẫn côi đất trời vô lượng bao dung
Vẫn bờ cỏ mềm hơn thêm nhung lụa
Nắng hôn nhẹ trên những tàn cây nhỏ
Lá cũng thì thầm bài hát yêu em...
THT*

Ánh sáng của ngọn lửa bếp cháy bùng lên khi ông Chấn khơi cao ngọn lửa bằng những thanh củi. Và những

“ con chó lửa” nổ vang tung toé trong bếp, nghe vui tai, như những ngọn pháo bông cầm trên tay của thời còn bé đùa chơi trước sân nhà, mỗi lần xuân về, tết đến.

Mà sao không vui được nhỉ? Mấy mươi năm rồi, tuổi già của lão lại run lên trong từng thớ thịt, mà chỉ có mình lão biết. Chỉ có mình lão cảm nhận được những thớ thịt run trong người lão vì vui khi gặp lại người đồng đội cũ “ ông thầy về đó sao”. Khi mà lão thấy Chấn đi sau đàn bò, lùa về bên kia đường.

Rừng ở phía bên kia đường vẫn hun hút vào chân núi, như ngày nào vẫn xanh. Vẫn màu xanh của lá. Và của bóng núi. Vẫn cái oi nồng của lòng chảo. Chẳng có bóng một ngọn gió nào thổi thổi giữa cái lòng chảo này. Dù có oi nồng như ngày nào cũng mặc; hôm nay lão thấy vui.

Những con chó lửa trong bếp reo vui. Rồi ấm nước sôi cũng reo vui. Lão nhìn cái gì trong ngôi nhà ván gỗ của Chấn, lão cũng thấy vui.... Không như những ngày lão sống nơi xứ người. Tiện nghi... nhưng cứng nhắc. Từ cái bếp ga đến những thứ khác. Cứ bật công tắc là có ngay...nước, lửa.

Còn trong ngôi nhà của Chấn, muốn mỗi lửa phải có cây “ngo” để làm mỗi thì lửa mới dễ cháy. Lão nhìn mà nhớ lại những ngày xưa khi còn là một đứa trẻ chỉ ham chơi ở quê Những lần lão thấy mẹ lão nhóm lửa nấu cơm, nước mắt nước mũi chảy xuống trên gương mặt khắc khổ của bà. Khổ nhất là những thanh củi bị ngấm nước mưa đêm qua. Tội nghiệp, bà cứ thế mà thổi với những bó rơm lấy từ ruộng vào để lo một bữa cơm cho chồng cho con được thơm tất. Bây giờ, Chấn cũng làm như thế trong

cuộc sống hôm nay. Không có gì thay đổi dưới con mắt của lão.

Lão ngồi nhìn Chấn làm, khom người cúi xuống , thổi lửa. Lão kéo cái đòn tới ngồi bên cạnh. Cầm thanh củi đút vào lò, những con chó lửa lại bắn lên, loé sáng. Chấn nói:

- Kìa thầy. Để tui làm cho. Thầy ngồi trên bàn kia đi.

- Để tôi làm cho vui mà. Tôi thích làm lắm mà.

Chấn đâu có biết lòng dạ của lão hôm nay với những lời nói thật chân tình. Như khi chiều, lão ngồi ở dưới dốc cầu đồ để chờ Chấn lừa đàn bò về, nhìn về hướng núi xa nơi có dáng núi hình mẹ bồng con cao vợi vợi, mà ngày xưa khi lão còn trẻ đã lên hướng núi đó. Rừng rậm cây cao, thế mà lão vẫn leo trèo được cùng với anh em. Lão không sợ. Vẫn đánh đu với mạng sống trong rừng già, qua hết khóa học viễn thám. Nay, bao nhiêu năm qua, ngồi nhìn lại cái khoảng thời gian xưa và dáng núi mây phủ đá bia kia mà vừa rợn người...Trong nỗi rờn rợn ấy, hôm nay ngồi nhìn dáng núi xa. Chẳng biết thằng nào còn sống hay không. Hay đã chết rồi. Mà thằng nào còn sống gặp lại chắc là phải vui lắm. Chấn ơi, ông làm sao hiểu được lòng tôi vui như thế nào? Hãy cho tôi ngồi đây đi mà, bên bếp lửa. Lão nói nhỏ, và Chấn cũng cười nói theo với người thầy cũ của mình: tôi sợ làm lắm áo quần ông thầy. Chấn vừa nói vừa xít ra nhường chỗ cho lão ngồi.

“ Ông thầy” cũng là tiếng xưa cũ để cho lão nhớ . Sao bao nhiêu năm rồi, cái tiếng ấy vẫn còn gìn giữ tự nhiên trên môi của những đồng đội lão. Nó vẫn còn tồn tại tự nhiên như ăn, như uống, như thở không khí hằng ngày,

không mất mỗi khi gặp lại những đồng đội xưa. Lại, chiến tranh đã lùi xa lắm rồi mà, ba mươi năm hơn sao nó vẫn còn trên môi trên miệng của anh em như ngày nào. Bỏ đi, Chấn ơi, gọi chỉ hai tiếng ấy nữa. Nhưng, anh em cứ gặp nhau là gọi như vậy. Không phải ai cũng muốn quay về cái dĩ vãng đó làm gì. Nhưng, cũng chẳng ai muốn quên nó trong suốt thời gian cực khổ có nhau. “ông thầy” nó vừa đầm thắm, vừa một cái gì đó biết “tôn sư trọng đạo” ở đời. Có ai biểu các anh em ấy gọi đâu. Ông thầy, gặp nhau, biết nhau là gọi như thế. Quen miệng. Cái tiếng gọi xưa vẫn gìn giữ. Cái lễ thói xưa vẫn gìn giữ. Cái nếp sống xưa vẫn gìn giữ. Lão có phải là người “cổ xưa” không? Như những đứa cháu gọi lão bằng cậu, cứ lâu lâu lão về thăm, tụi nó vẫn nói: cậu, xưa như trái đất ấy. Thời buổi này mà cậu còn nghĩ thổi lửa nấu cơm như thời bà ngoại hay sao? Chúng nó vừa nói vừa cười khúc khích: trời đất, đi làm về, quần quật 8 tiếng đồng hồ ở hăng, về còn phình má phình miệng rồi lại chổng mông lên mà thổi lửa vo vo trong cái ống tre, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng, chắc tụi con chết quá cậu ơi !

Ông nghe lũ cháu nói như vậy, ông tức ông chửi khang: mẹ tụi bây. Thời buổi này tụi mày nói vậy. Chứ ngày xưa không có nước mắt nước mũi ấy của bà ngoại tụi mày làm sao mẹ tụi mày lớn nổi. Bầy cháu biết cậu đang nổi cơn điên về một quá khứ của thời ấu thơ bị xúc phạm, chúng nó cùng nhau cười ruồi với cậu. Lão thấy vậy cũng cười theo. Lâu lâu về thăm lũ cháu, lại đi nổi giận coi sao được. Thấy lão cười, tụi nó hỏi: Chứ ở bên đó mỗi lần mợ đi làm về có thổi cơm như thời bà ngoại của tụi con không cậu? Chắc lúc đó có ai vào nhìn mợ

thấy tức cười lắm nhỉ? Lão vô tình, nói: làm gì có, cái gì cũng ga cũng điện. Cứng ngắt. Nấu bằng kiểu như ở quê nhà ngày xưa, hàng xóm nó gọi cảnh sát tới thì nguy. Tưởng nhà cháy. Lại khổ. Mà tiếng anh tiếng u nào có biết đâu mà giải thích cho bọn cảnh sát bên đó hiểu. Mà lạ, sao cậu thêm ăn một miếng cơm cháy trong nồi đất như ngày xưa bà ngoại tụi mấy nấu.

Tụi cháu lại cười: Cậu lại hoài cổ nữa rồi. Ừ, mà răng cậu đâu còn mà đòi ăn cơm cháy. Lão lại cười với lũ cháu đã lớn tòng ngồng hôm nay.

Vâng! Thêm một miếng cơm cháy vàng ngậy như thời còn ở quê mà mẹ lão nấu trong cái nồi bằng đất nung. Làm gì có nồi đồng mà nấu. Nồi đồng chỉ dành cho những nhà có tiền có bạc. Như hôm nay lão ngồi bên bếp lửa nhà Chấn bỏ từng thanh củi khô vào lò. Lão hỏi:
- Chấn này, sao tôi không thấy những người làm cùng một thời với mình ở đây nữa hả Chấn?

- Đi hết rồi ông thầy. Chỉ còn hai thằng, nhưng ở hơi xa .

- Đứa nào vậy. Ở đâu?

- Bên kia núi Đeo. Thằng Vui, thằng Thế đó. Thầy nhớ tụi nó ?

- Sao không nhớ. Thằng Thế chuyên đánh bạc mỗi lần lính lãnh lương. Tối tối tôi hay rình bắt hoài. Mà lạ, cái thằng nó chạy nhanh như sóc. Còn Vui là văn phòng trưởng của tôi mà. Sao không nhớ được. Chắc bây giờ anh em đó già lắm phải không Chấn ?

- Dạ. Như tôi với thầy đây, có ai còn trẻ nữa đâu nào. Luật trời mà. Lão cười. Chấn cũng cười:

- Thằng Vui đầu nó bạc như ông tiên ấy. Trắng phao. Thế mà bây giờ nó khoẻ lắm. Con cái lớn khôn đỗ đạt

thành tài hết rồi. Nó bây giờ chỉ chơi hoa, ngắm cảnh trước nhà.

- Thế mà sương đấy. Còn thằng Thế?

- Nó mở cái quán bánh cuốn nóng ăn với mắm nêm bên cạnh trường Trung học quận. Ông thầy khi sáng đi ngang qua đó mà không biết đó thôi. Cái quán mang tên của nó: Trần Thế. Nó bán loại thức ăn rẽ tiền vào buổi sáng, nhưng đắt khách lắm. Bình dân mà.

- Còn Chấn, sao không làm một cái gì khác mà chỉ lừa bò vào rừng sống cả ngày trong đó?

- Cái thú của tôi là vậy mà. Nhưng già rồi, sợ không vào rừng nổi nữa thôi. Định sang năm bán những con bò này đi, mua loại bò sữa. Kinh tế hơn là loại bò thịt này. Nhưng lại kén cỏ cho chúng nó ăn quá.

- Nếu nuôi bò sữa, thì ông có phải vào rừng nữa không?

- Bò sữa nuôi trong chuồng. Cắt cỏ cho nó ăn thôi. Nhưng lạ, tôi thêm cái yên tĩnh trong rừng chi lạ. Nếu không vào rừng chắc tôi ngã bệnh quá. Mai, ông thầy còn ở đây chơi, tôi dẫn vào trong đó chơi với tôi một ngày, dưới chân núi Bạch Mã. Tôi có làm cái chòi để ở. Trồng đủ thứ. Thích lắm. Chim chóc cũng bay đến, cả những con mang, con thỏ cứ nhón nhơ bên chòi.

- Nó không sợ mình sao?

- Không bắn, không làm bẫy giết chúng thì chúng là bạn của mình. Vả lại thời này không còn có tiếng súng nữa nên chúng nó gần mình hơn. Thích lắm.

- Cái xóm thượng còn ở đó không?

- Còn chứ. Bây giờ cũng phát triển lắm. Không có điều tàn như ngày xưa đâu. Ngày nào, trai gái trong làng cũng tập hát tập nhảy theo điệu công điền nơi nhà rong. Lúc đầu tôi nghe sao nó buồn và mang rợ quá. Nhưng thét rồi

cũng thành ghiền. Mai thầy đi với tôi.

- Ủ, thì đi. Những chỗ nào nơi đấy tôi cũng nhớ cả. Khó quên lắm.

Nghĩ cũng lạ, Chấn nhỉ? Sau cái ngày ấy, bọn mình phải tự tìm một lối sống riêng để còn tiếp tục sinh tồn. Như Chấn thì thích vào sống với núi rừng. Như Vui thì thích chơi cảnh ngắm hoa...Đến khi chân mỗi gối chùn rồi...thôi. Phó mặc. Lão nhỏ lại, hình như giọng nói của lão bị chùng xuống. Một tiếng rơi rớt tự nhiên trong khoảng đời về chiều. Khi nhìn thấy những hình ảnh thân quen mà lão chắc là không bao giờ nhìn thấy nơi xứ sở lão đang sống.

2.

Khoảng sân sau nhà của Chấn nhìn ra con suối nhỏ. Bên kia là cánh rừng chạy mút tận vào chân núi. Buổi chiều trời quang đãng. Có thể nhìn thấy đỉnh núi có dáng mẹ bồng con xa xa. Có những tiếng còi thổi tập hợp bên kia cây cầu đỏ. Có những tiếng chân người chạy vội vàng. Có những tiếng cười, tiếng la vui của những người trẻ trong bộ áo quần đồng màu. Những tiếng động ấy vang vang đến tận sân sau nhà Chấn mà lão với Chấn đang ngồi dưới giàn mướp. Hoa mướp màu vàng tươi xen với lá xanh phủ kín. Đơn giản quá trong cuộc sống của một người đồng đội cũ mà lão đã vượt đoạn đường dài, quá dài hơn cả ngày và đêm trên chuyến bay vượt trùng dương để lão đi tìm lại những kỷ niệm mà, ít ra, trong đời xế chiều của lão khó mà tìm lại được. Lão nghĩ, chắc là không gặp ai, dù trong đầu óc lão đã vẽ ra nhiều gương mặt của anh em bè bạn một thời với lão. Nhưng

đến khi, chiếc xe lam ngừng nơi thị trấn, lão thấy lạc lõng. Bạn bè đã đi hết rồi sao ? Đi hết rồi sao những ân tình cũ nơi cái thị trấn nhỏ bé này. Nào Nam, cô giáo dạy trường mẫu giáo. Nào H. con của bà chủ bán thuốc Tây với chiếc vélo solex đen mà mỗi buổi chiều hay vào thăm lão trong sân trại binh. Nào những người bạn đương thời với lão đã từng ngồi buồn trong văn phòng với lão khi nghe thấy có một trái nổ ngoài hàng rào phòng thủ. Lúc ấy có bao nhiêu con người gục xuống khi tuổi còn thanh xuân...Đi hết rồi sao những ân tình dù rất nhỏ bé, nhưng rất dễ thương đã dành cho lão trong những năm sống ở thị trấn này, mà lão không bao giờ quên được? Như vậy, những hình vẽ trong đầu óc lão khi ngồi trên chuyến phi cơ mà lão vẽ ra đủ thứ hình ảnh...đã bỏ lão đi hết rồi sao?

Phải chi còn có Nam nơi đây. Phải chi còn có H. nơi đây. Những cô gái cho dù hôm nay có già đi mà với lão lúc nào cũng cho là còn trẻ. Nhưng Nam cũng bỏ đi. Và, H. cũng bỏ đi. Không phải bỏ lão mà bỏ cái thị trấn nhỏ bé có quá nhiều ân tình khi lão mới đến.

Núi rừng vẫn y nguyên. Cái dáng núi mẹ bằng con vẫn y nguyên . Con đường trải đá dăm xanh vẫn còn y nguyên. Và, những gánh hàng cà phê, thuốc lá, bún bò, bánh canh vẫn còn y nguyên bên kia cây cầu đỏ...với tiếng còi thổi tập hợp như hôm nào ba mươi năm trước lão vẫn phải ra đây hàng ngày. Chỉ có Nam, cô giáo dạy mẫu giáo. Chỉ có H. với chiếc vélo solex đen đã cho lão biết bao ân tình... nay lão về, tìm lại , thì đã bỏ đi hết rồi.

Nhưng dù sao những hình ảnh lão vẽ ra ấy vẫn còn đẹp trong lòng lão; vì thế mà những thớ thịt của lão run lên

rắn rết trong người khi nhìn thấy Chấn. Chấn ơi, anh cho cháu đi gọi ông Vui, ông Thế tới ngay nhé. Và hình ảnh của Vui, của Thế lão lại vẽ ra...

Cũng như khi lão vừa về đến quê, lão tìm đến thăm nhà người bạn cũ học một lớp với lão trên bến sông. Lão nghĩ, lão sẽ chờ con nước lớn mới có đò đưa lão qua được. Nào ngờ, cầu đã được xây dựng, thuận tiện cho việc qua lại của cư dân trên cồn. Nhà người bạn sống giữa cái cồn rộng. Một xã lớn trên sông. Gió mát từ sông thổi lên quanh năm. Nhà mở cửa suốt ngày đêm chẳng sợ ai ăn cắp, ăn trộm. Gió mát làm cho con người dễ chịu. Người bạn đãi lão bữa cơm đạm bạc. Cá trạch kho với lá gừng ăn với dưa cà. Lạ, chưa lần nào lão thấy ăn ngon cơm ngon miệng như hôm nay. Lão thích thú quá. Chén rượu ân tình bạn bè uống mãi chẳng say trong ngôi nhà người bạn cũ. Ngôi trên chiếc chiếu hoa trải giữa nhà, người bạn già bảo: mày về đây ở đi. Người già ở bên đó buồn hẩm hiu lắm. Tao nghe tụi bạn nó nói tuổi già như tụi mình sống bên đó sẽ làm trở ngại cho con cái trong công việc làm ăn. Có ngày nào đó chúng nó bỏ vào nursing home, hẩm hiu với bốn vách tường. Lão nghe bạn nói, lão biết, nhưng im lặng bưng ly rượu ân tình hớp một hớp nhẹ. Chất rượu đi tới đâu, lão nghe rắn đến đấy. Như lời nói của người bạn già. Lão biết, nhưng đừng ai nhắc đến, máu trong thịt của lão lại chạy rắn rắn những khổ đau.

Lão nhìn ra dòng sông, con nước đầy nhưng lòng lão như nghe vơi xuống. Nước ơi, hãy tràn bờ cho lòng ta tràn bờ những kỷ niệm xưa...Về ư! Ừ, rồi tao sẽ về. Lão nâng cốc rượu lên nói với người bạn thuở nhỏ. Người bạn khi

xưa vui trên nét mặt khi nghe lão nói một cách quả quyết. Ủ! về đây, ra cồn cát nhà ở bên tao. Và, ngọn gió dưới sông thổi lên mát rượi lòng của hai người bạn già.

Thị trấn nhỏ mà ngày xưa lão ở chỉ còn lại ba người. Hôm nay ngồi dưới giàn mướp nhà Chấn, nhìn qua bên kia con suối, mùa này nước lớn chảy mạnh dưới chân cầu đỏ. Vui cũng mời lão về nhà ngắm cảnh hoa kiểng. Và, Thế cũng mời lão ra cái quán ăn bình dân. Bánh cuốn nóng ăn với mắm nêm cay xé miệng thuở còn trẻ của lão ưa thích. Nhưng, lão sẽ đến nhà từng người sau khi vào rừng với Chấn. Núi Bạch Mã, và những cánh rừng nguyên sinh bên kia núi vẫn còn, theo như Chấn nói. Thị trấn, những người bạn gái ngày nào, hôm nay có ra đi. Nhưng, rừng với núi vẫn còn như ngày nào lão thường đi qua, như Chấn nói: tôi mà không vào rừng một ngày chắc tôi bệnh quá ông thầy.

Rừng với tiếng súng lùì xa, những con thú lại trở về gần gũi với con người. Những con đường mòn ba mươi năm mới trở lại. Sáng hôm nay lão thấy trẻ lại bên cạnh người lính già của lão trong khu rừng vẫn còn y nguyên bóng dáng núi Bạch Mã từng sống năm nào.

Thảm cỏ non xanh hôm nay, dù không là nhung là lụa. Nhưng sao lão nghe thấy như có tiếng ai hát bên bờ suối năm xưa. Hình như tiếng hát của cô giáo Nam tập cho các em mẫu giáo hát bài đồng ca. Và có cả tiếng cười khúc khích của H. nữa.

TRẦN BANG THẠCH

MẸ TỪ TRÊN MÂY

“Thành quả mà chúng tôi có ngày hôm nay đều là do mẹ tôi hết. Từ trên mây, mẹ tôi luôn nhìn xuống anh em chúng tôi và hướng dẫn chúng tôi từng bước làm theo mẹ”.

Mở đầu cho bài phỏng vấn đăng trên tờ báo địa phương The NorthWest Star hôm nay là câu nói trên của người con trai nhỏ nhất của gia đình Hays, cậu Stanley, tháng này vừa tròn 22 tuổi, một tân khoa của Đại học Texas tại Austin. Bài báo có kèm bức ảnh màu chụp bốn cha con nhà Hays đứng sau mộ bia bà Carol tại khu nghĩa trang nằm trên đường Montgomery, vùng Tây Bắc Houston. Cả bốn người đàn ông đều có nụ cười rạng rỡ. Và tôi chắc chắn nơi tuổi vàng, hay theo cách nói của Stanley, nơi mây từng mây bạc trên cao, bà Carol cũng đang có cái cười thật tươi khi nhìn xuống thấp. Hôm nay đây là lần đầu tiên sau 14 năm cả bốn cha con mới có dịp cùng nhau mang niềm vui của mỗi người đến nghĩa trang tặng cho người vợ, người mẹ thân yêu đã chết 14 năm trước. Thời gian 14 năm để ước vọng thành hình chắc là không quá dài; nhưng 14 năm để phần hồn một người chết còn nặng nợ trần ai, cứ quẩn quanh nơi cõi thế này thì thật là dài. Dù sao thì đem thành quả đạt được trong học tập để dâng lên mẹ cũng là một hành động báo hiếu thật nhiều ý nghĩa và quý giá hơn bao nhiêu điều khác. Tôi nhớ tháng này cũng vào mùa Vu Lan, mùa báo hiếu. Chắc bốn người đàn ông trong ảnh không biết gì về ý nghĩa mùa Vu Lan của văn hóa ta đâu, nhưng chuyện hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ thì ai cũng có và có thể thể hiện bất kỳ lúc nào. Sự trùng hợp này cũng là một điều

thú vị.

Hôm đó tôi trách người làm bản tin đã không có bức ảnh nào của bà Carol Hays in trên trang báo để đọc giả miễn mộ nhìn được dung nhan của bà. Sau này nghĩ lại tôi thấy người ký giả ấy nếu không tể nhị thì cũng cao tay ấn lăm: Ông muốn nói với những đọc giả có ý nghĩ hời hợt như tôi rằng: lúc còn sống bà Carol đã quên mình mà lo cho chồng con thì khi đã chết rồi còn sá gì cái nhân diện của tấm thân ngũ uẩn. Phương chi nói tới thành quả của chồng con bà hôm nay chính là nhắc nhở một đời vượt khó của bà, một đời tận tụy với chồng con, một đời đem niềm ước mơ của mình gieo vào tâm trí mấy đứa nhỏ. Đó, trên gương mặt vui tươi của người chồng có hình ảnh người vợ đã một đời đắng cay, khổ cực mà không một tiếng than. Đó, nơi khoe mắt sáng ngời của ba đứa con là tấm lòng bao la như trời như biển của người mẹ. Và trong niềm vui hôm nay của mọi người trong ảnh ta thấy lúc ẩn lúc hiện đâu đó trên mấy tầng mây bạc một dáng hình như thần như thánh với nụ cười làm sáng rực một vùng không gian. Cho nên hình ảnh bà Carol Hays mênh mông, vĩ đại quá, làm sao có trang báo nào thể hiện được hết. Chắc chắn người vui nhất hôm nay phải là bà Carol Hays, người đàn bà da màu nghèo khó, phải đợi cho đến 14 năm sau khi chết mới thấy được ước mong của mình đã hoàn thành. Thật sự nếu ta biết được tình cảnh gia đình Hays lúc bà Carol còn sinh tiền thì ta mới thấy được hôm nay niềm vui của người chết to lớn tới cỡ nào.

Từ thời còn nhỏ, cô Carol La Salle đã sớm thấy cảnh đời

đen tối của mình. Thuở đó chưa có những gì gọi là phong trào đòi nhân quyền rầm rộ, người da màu bị kỳ thị ở nhiều nơi. Đến đầu thập niên sáu mươi mới có những vận động tích cực của những người như Mục sư tiến sĩ Martin Luther King. Gia đình La Salle từ Morocco di dân sang Hoa Kỳ từ sau thế giới đại chiến lần thứ nhì, cô con gái đầu lòng Carol lúc đó chỉ hơn một tuổi. Những năm tiếp theo bà La Salle sinh thêm 2 trai nữa. Cha là một cựu quân nhân thuộc quân đội Anh, trở thành một phế nhân với ống chân mặt đã bị miễn đạn cửa đứt, thị giác chỉ còn hoạt động một nửa, đó là những thương tích để lại sau trận Nuremberg hồi giữa tháng Tư 1945, trận đánh quyết định chiến trường Âu Châu. Mẹ là người đàn bà quê mùa sống ở miền quê hẻo lánh vùng cực bắc của Morocco, không chữ nghĩa, chẳng có một nghề trong tay và chẳng biết một tiếng Anh nào. Sang Mỹ, ông bà như bị đẩy vào một thế giới lạ lẫm, không bạn bè, không người thân. Mỹ quốc là một nước giàu, nhưng gia đình La Salle là những người nghèo nàn nhất trong số những người nghèo. Sau khi sanh người con trai út cuối năm 51 thì ông La Salle từ trần; mấy năm sau thì bà La Salle cũng theo ông mà ra đi, lúc đó cô con gái Carol chưa quá 10 tuổi. Chị em cô được một gia đình không con nhận nuôi. Tình trạng chị em Carol đã không khá mà còn tệ hơn nữa. Cha mẹ nuôi cũng là người da màu, không có nghề nghiệp nhất định; cả hai đều nghiện rượu rất nặng, họ sống thiếu thốn trong căn chung cư nghèo nàn vùng Fifth Ward. Bao nhiêu tiền trợ cấp của chánh phủ bị đổ vào bia rượu. Ba chị em Carol thường xuyên bị đói lạnh và bị đánh chửi. Trời sanh trời dưỡng, ba chị em cô ít cút rồi cũng theo thời gian mà lớn lên như cây như cỏ; nhưng

việc học hành thì bị gián đoạn thường xuyên vì gia đình cha mẹ nuôi cứ di chuyển hết khu nghèo nàn này đến khu u tối khác. Nhiều đêm Carol mơ thấy mình mặc một chiếc áo đầm mới, mang một đôi giày mới; mơ thấy mình cùng các em ngồi trong lớp đàn hoàng, không lo lắng, sợ sệt; mơ một ngày cả ba chị em cùng ra trường, mũ áo chỉnh tề, nét mặt rạng rỡ, hân hoan như hàng trăm ngàn các học sinh khác trên toàn nước Mỹ. Đời thì có bao giờ giống như giấc mơ. Không học hành được bao nhiêu thì khi vừa đúng 16 tuổi Carol phải bỏ học để đi làm cho một công ty quét dọn nhà cửa. Đến năm 17 tuổi thì Carol lấy chồng. Cũng năm đó hai thằng em trai bỏ nhà đi mất. Sau này biết được một thằng bị băng đảng thanh toán ngay trên đường phố giữa ban ngày; còn một thằng thì ngồi tù chung thân vì tội giết người. Những khốn khó như cánh tay hộ pháp nối dài theo ngày tháng tiếp theo cứ đim Carol người đàn bà da màu bé nhỏ xuống hết vũng lầy này đến những hố thẳm khác, đim thật sâu, không cho nàng một lúc nào nguôi ngoai để ngược nhìn một chút mặt trời le lói trên thân phận mình. Gặp phải một người chồng vũ phu, nghiện ngập, hút sách, bà Carol như một cánh lá sắp rụng xuống vực sâu nếu không có mấy đứa con làm lẽ sống. Là người đã mất cha mẹ từ nhỏ, bà Carol đã hiểu thế nào tình cảnh cút côi, nên nhiều lần bà gạt bỏ ý nghĩ ly dị. Bà cắn răng chịu đựng để các con còn sống dưới một mái nhà với cha. Là người hiểu rất rõ thế nào là cảnh sống của người thất học trong một xã hội văn minh, kỹ thuật, càng ngày càng trọng chữ nghĩa, nơi nào cũng đòi hỏi nghề nghiệp chuyên môn và xem trọng bằng cấp, nên bà Carol đã tận tâm, tận lực tạo điều kiện để các con thành những học

sinh bình thường như những học sinh khác. Sự việc cậu con cả Andy bị đuổi học giữa năm lớp 11, rồi phải đi làm lao động cho một hãng thầu xây cất là một thất bại và là một nỗi đau quá lớn cho bà Carol, bà buồn khổ thật nhiều, bà đã khóc thật nhiều, nhưng bà không nản lòng. Bà biết sự cố gắng của bà chưa đủ, sự dạy dỗ của bà đối với các con vẫn còn thiếu sót. Bà biết bà cần phải cố gắng hơn nữa. Bà bỏ thêm nhiều thời giờ với các con hơn nữa. Bà tìm cơ hội đến nói chuyện với các thầy cô giáo của các con, bà tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh, bà cùng các con, nhiều khi có cả ông chồng, tham dự các thánh lễ mỗi Chủ Nhật. Là người ít học, nhưng bà Carol biết rõ một điều : cuộc sống là một sự vươn lên, vươn lên không ngừng, mỗi ngày mình thêm mới, thêm tốt đẹp thì tương lai sáng sủa càng đến gần. Cha mẹ bà và chính bà đã không có cơ hội nào để vươn lên nên tương lai tốt đẹp không hề đến với họ. Rất may cho bà, cậu con kế Antoine và cậu con út Stanley rất thương yêu mẹ và có vẻ rất nghe lời dạy bảo của mẹ. Bà Carol mừng rỡ tới một ngày chồng bà rời bỏ con đường nghiện ngập để trở lại làm người cha tốt; cậu con cả trở lại lớp để ít nhất cũng có bằng tốt nghiệp trung học và có được một nghề chuyên môn; hai cậu con kế thì phải hoàn tất bậc đại học. Càng nghĩ nhiều tới viễn ảnh tốt đẹp ấy, bà Carol ngoài công việc nặng nhọc nơi chỗ làm, ở nhà bà kiên nhẫn, nhin nhục săn sóc chồng, tận tâm dạy dỗ con cái. Bà như đã quên mình từ lâu. Có thể cái tên của bà bà cũng không còn nhớ!

Cho đến một ngày bà Carol không còn có mặt trên đời này để nghĩ đến mình hay tự tay săn sóc chồng con nữa. Có chăng là từ một cõi khác, bà Carol đã phù trợ cho

những người thân yêu còn lại.

“ Năm đó tôi chỉ mới 8 tuổi thôi, nhưng tôi không bao giờ quên được đêm mùa đông lạnh lẽo, khắc nghiệt ấy. Đêm đó một cơn bão dữ dội đi ngang qua thành phố từ vịnh Mễ Tây Cơ. Tin tức thời tiết đã có dự báo về cơn bão này nhưng không ngờ nó mạnh bạo đến như vậy. Nhà cửa, cây cối sập ngã nhiều nơi. Trên TV đã chiếu nhiều đám cháy. Đã có người chết. Mưa như trút nước từ một đại dương trên cao. Gió xoáy cuộn như những cơn vụ khổng lồ. Ba thì chắc đang say sưa ở một quán rượu nào đó. Còn mẹ thì có một lần điện thoại về, mẹ nói mẹ cố hoàn tất công việc quét dọn tại một ngôi biệt thự khu cực bắc ngoại ô thành phố. Anh Andy thì đang kẹt đầu đó nơi chỗ làm. Trong nhà chỉ có anh Antoine và tôi. Anh Antoine năm đó 12 tuổi. Không còn điện, nhà cửa tối om. Căn chung cư bằng cây gỗ có số tuổi gần trăm năm không biết còn đứng vững được bao lâu trong cơn lốc xoáy đêm nay. Hai anh em chỉ biết nhìn cơn mưa đục trắng cả bầu trời mà mong những người thân trở về. Trong cơn giận dữ của trời đất với mưa to, gió lớn, sấm nổ rền trời, giữa cái lóe sáng của một loạt tia chớp, từ khung cửa sổ căn chung cư tầng thứ tư, anh em chúng tôi thấy mẹ như một cái bóng trắng mong manh len lách giữa hàng cây to ven đường, có lúc mẹ là chiếc lá nhỏ nhoi dong đưa trong trùng trùng gió bão. Sau này tôi nghĩ ông Trời đã nhiệm mầu làm nên những tia chớp đúng lúc chúng tôi nhìn về hướng ấy để thấy thật rõ ràng giây phút mẹ tôi đang lao đảo rồi từ từ khụy xuống mặt đường. Khi hai anh em chúng tôi xuống tới nơi thì mẹ đã ngất xỉu. Chung cư nghèo nàn không có thang máy, anh

Antoine ráng sức cồng mẹ chạy lên cả trăm bậc thang gỗ. Không có điện, chúng tôi thắp lên một ngọn nến nhỏ. Không còn đường dây điện thoại để gọi cấp cứu, anh em chúng tôi dùng phương pháp hô hấp nhân tạo và xoa nắn, ủ ấm, hy vọng mẹ tỉnh lại. Tôi chạy khắp các hành lang, gõ cửa từng nhà. Đâu có ai nghe được tôi trong tiếng thét gào của mưa gió và tiếng sấm rền. Thỉnh thoảng vài tia chớp ngoài cửa sổ để chúng tôi thấy tay chân mẹ có nhiều vết trầy xước rịn máu đỏ; còn mặt mẹ thì như tờ giấy trắng nhàu nát. Ngay lúc đó, dù còn bé, tôi cũng đã hiểu rằng mẹ đã một thân một mình chống chọi với cơn giận dữ của thiên nhiên để về với con cái. Mẹ đã quên mẹ hoàn toàn, mà trước mắt mẹ chỉ có mấy đứa con nhỏ dại trong cơn phong ba bão táp. Mẹ biết giờ phút ấy hai đứa con nhỏ của mẹ đang lo lắng, sợ sệt trong cái chung cư ọp ẹp, cũ kỹ, có thể sụp đổ hay phát hỏa bất cứ lúc nào. Như một tia chớp ngoài trời, mẹ bỗng ưỡn người tỉnh lại. Trong bóng đêm nhập nhòa, tôi thấy đôi mắt mẹ bỗng sáng rực và đôi môi mẹ nhếch cười. Mẹ tìm bàn tay của anh em tôi, nắm thật chặt, cố gắng nâng hai cánh tay chúng tôi đưa lên cao. Mẹ không làm được, chúng tôi phải cầm tay mẹ nâng lên, mẹ lộ vẻ hài lòng. Với bốn cánh tay vươn cao, mẹ thì thào: *"Vươn lên...lúc nào cũng phải vươn lên...tiếp tục vươn lên làm con người tốt, có học và có đức. Phải có mục đích để nhắm tới. Đạt được một mục đích chưa phải là xong...Còn nhiều mục đích kế tiếp...Mẹ xin lỗi phải ra đi quá sớm, nhưng mẹ sẽ tiếp tục cầu nguyện, dẫn dắt và phù trợ các con, cả cha các con nữa. Hãy tha thứ cho mẹ..."*. Mẹ tôi còn nói nhiều nữa nhưng người chỉ thì thào trong cổ họng. Rồi như ngọn bạch lạp lóe sáng lên lần cuối, mẹ bóp chặt tay anh em chúng tôi, nở một nụ cười thật rạng rỡ, rồi từ từ xuôi tay,

nhắm mắt. Anh em chúng tôi chỉ còn biết kêu lên thảng thốt: “*Mẹ, mẹ, mẹ...*”. Anh Antoine chạy đi đập cửa khắp nơi. Đồi ba người đến, làm vài động tác sờ nắn, nói vài lời gì đó rồi buồn bã bỏ đi khi biết họ không thể làm gì được cho người đàn bà nghèo khó, xấu số, trong đêm mưa bão này. Chúng tôi cứ bấm số cái điện thoại vô hồn đã mất liên lạc với tổng đài từ lâu. Chúng tôi khan cổ gào khóc, cuối cùng tôi chỉ biết ngồi ôm xác mẹ suốt đêm; còn anh Antoine thì cũng suốt đêm quì ngoài hành lang giữa mưa to gió lớn cầu nguyện, hy vọng đấng quyền năng đã có mãnh lực làm nên mưa bão thì cũng có thể đưa mẹ trở về với chúng tôi. Tờ mờ sáng hôm sau thì anh Andy về nhà; mới hay mẹ đã chết từ đêm qua; anh thấy cái xe của mẹ đậu cách chung cư một con đường, nước ngập gần tới tay lái; còn ba thì về nhà sau khi thì thể mẹ đã được chở đi giải nghiệm tại quận hạt Harris.

Từ đó tôi đã cảm nhận được thân phận lẻ loi của mình. Tôi biết cái bóng mát dịu dàng đã xa anh em chúng tôi. Tôi biết tôi không còn nghe tiếng khóc rấm rức nào nuốt giữa khuya của mẹ. Và có lẽ cũng từ cái đêm bão bùng đau đớn đó, anh em chúng tôi đã thấu hiểu sâu xa ước vọng của mẹ và những lời trăng trối của người.

Mười bốn năm đã qua rồi mà tôi còn nhớ như mọi việc chỉ mới xảy ra hôm qua. Bốn cánh tay chấp chới đưa lên cao và những lời thì thào trong mưa bão: *Vươn lên...vươn lên...*Mười bốn năm, như một thói quen từ nhỏ không bỏ được, ngày nào tôi cũng nhìn mẹ tôi trên mấy tầng mây bạc, lắng nghe từng lời âu yếm của người. Không biết từ khi nào tôi có ý nghĩ rằng cũng từ trên cao đó mẹ tôi ân cần dẫn dắt những người thân yêu của mẹ vượt ngàn

thương khó. Bao nhiêu sạn đạo chúng tôi đã đi qua chắc hẳn có mẹ tôi đồng hành. Tấm lòng của mẹ muôn đời vẫn là biển cả mênh mông, ngàn đời vẫn là rừng sâu núi dựng. Cây cảnh chúng tôi mỗi ngày một vươn cao, xanh tốt chắc hẳn là cũng từ phân bón mẹ. Tôi biết mẹ tôi vui vô cùng khi tôi 14 tuổi đã đoạt giải Khoa Học Quốc Gia dành cho những nhà khoa học tương lai và suốt những năm học sau đó tôi được xếp vào hàng ngũ học sinh xuất sắc nhất của toàn nước Mỹ. Mẹ tôi đã dạy: Vươn lên nếu không muốn bị nhận chìm xuống đáy. Hai tháng trước tôi đã nhận bằng cử nhân toán với hạng tối ưu. Tôi dự trù thêm 4 năm nữa để hoàn tất chương trình tiến sĩ giáo dục, hy vọng được làm một giáo viên tiểu học tại một học khu nghèo nàn. Anh Antoine của tôi, với bằng cao học vật lý, đang là một giáo viên dạy lớp Ba tại khu Fifth Ward, nơi mẹ tôi cư ngụ thời con gái; anh cũng đang chuẩn bị trình luận án tiến sĩ 2 năm tới. Còn anh cả Andy của tôi thì đã trở lại lớp vào ban đêm để học xong chương trình trung học, tuy có chậm nhưng cũng đã hoàn thành năm trước. Anh vừa lấy chứng chỉ điện tại trường đại học cộng đồng tuần rồi. Hiện tại anh là một thợ điện của công ty điện lực lớn nhất thành phố. Từ trên cao nhìn xuống những thành quả của ba đứa con sớm côi cút của mình, tôi biết mẹ tôi vui lắm. Nhưng có lẽ một sự kiện khác cũng làm mẹ tôi vui thêm: đó là việc hoàn thiện của ba tôi. Từ nhiều năm qua chắc hẳn mẹ tôi nghe được những lần cha con chúng tôi nói chuyện, nhiều lúc thật gay go, như hai bên là hai kẻ thù sắp tận diệt nhau. Trong cơn say và nghiện thuốc thì ba tôi còn có khả năng phân biệt trái phải gì nữa. Nhưng những khi tỉnh, nghe chúng tôi nhắc tới mẹ, nhắc tới ước

vọng của mẹ muốn mọi người thương yêu còn lại trên đời của mẹ trở thành người tốt, nghe gọi lại hình ảnh đau thương của mẹ vào một ngày bão nổi với đôi tay khẳng khiu, run rẩy, kiệt lực, bê bết máu mà cố đưa lên cao, ba tôi đã chạnh lòng. Biết đâu có nhiều lúc nào đó mẹ tôi đã tử tế với ba tôi những ân tình còn nặng giữa hai người. Năm này tháng nọ, dù có lâu nhưng cuối cùng ba tôi cũng đã trở lại làm người lành mạnh như bao nhiêu người bình thường khác. Còn hình ảnh nào đẹp hơn hình ảnh một ông già trên sáu mươi, trong một đêm trăng sáng đã ăn mặc trịnh trọng, mày râu nhẵn nhụi, quì trước sân nhà mình, hai tay chắp trước ngực, mắt hướng lên vùng trời đầy sao, nói thì thầm với người vợ đã khuất.

Mười bốn năm nay, chúng tôi vẫn viếng mộ mẹ, có khi thì một trong anh em chúng tôi, có khi thì cả ba anh em, có khi thì chỉ một mình ba tôi. Cùng đi chung như thế này thì chưa bao giờ, từ 14 năm nay. Cha con chúng tôi đã có ước hẹn là một khi mỗi cá nhân chúng tôi đã làm được những gì mẹ mong muốn chừng đó mới xứng đáng cùng nhau đến thăm mộ mẹ, coi như đó là một món quà cho mẹ. Chúng tôi biết niềm vui của mẹ chỉ hoàn toàn khi cả bốn người chúng tôi làm xong phần mình. Thật sự chúng tôi chỉ xong một phần; nhưng lo gì, chúng tôi biết vươn lên, chúng tôi thương mẹ, chúng tôi có tình thương đời đời của mẹ. Phải vậy không?

Mà này ông ký giả, tui nói cho ông biết, thà mất lòng trước mà đừng lòng sau, tấm hình ông chụp mà thiếu nụ cười của mỗi chàng đẹp trai con nhà nghèo học giỏi chúng tôi thì không đáng đâu nhen. Hừ bộp hừ đường hết đó. Còn bài viết mà thiếu tiếng cười của mẹ tui từ trên mây cao rơi xuống thì cũng hỏng hết. Nói chơi cho

vui vậy thôi, chớ ông muốn viết gì thì viết, chúng tôi có mất mát gì đâu. Bốn người chúng tôi vẫn là những người đang trên đường đi tới. Người đàn bà yêu quý tuyệt vời của chúng tôi vẫn muôn đời ngự trên mây từng mây đó. Và luôn luôn cười.”



THƠ

•NGUYỄN ĐỨC NHƠN • NGÔ NGUYỄN
NGHIỄM • ĐOÀN CHÍNH NAM • PHẠM CAO
HOÀNG • HOÀNG XUÂN SƠN • ĐOÀN NGỌC
KIỀU NGA • TRẦN MẶC HOA HUYỀN •

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

TRẮNG LÒNG

1.

em ngồi, tôi đứng nhìn nhau
buồn vui lẫn lộn lẫn tao ngộ này
em ngồi, tôi đứng nhìn mây
tóc em xỏa, tóc tôi bay ngược trời
gió mùa khói lộng mù khơi
nhấp nhô bờ mộng chiều rơi giọt buồn
bên bờ liễu phủ mờ sương
bóng em khuất, bóng tà dương nhạt màu

2.

ngồi nhìn con nước trôi mau
trái tim rỉ máu còn đau trong mình
mấy mùa sương khói qua nhanh
cuộc từ ly ắt sẽ thành thiên thu!
tóc mây đen, trắng hai màu
tôi ôm mộng thuở ban đầu mà vui
chiều nay tháng Chín mùa vơi

se se ngọn gió à ơi giọng hò...
dòng sông, bến nước, con đò
tiếng ai còn vọng bên bờ liễu buồn
ráng trời nhuộm tím chiều hôm
trắng hoa bờ giậu cánh chuồn chuồn bay
tôi ngồi giữa đám vôi vôi
trắng hoa trắng cả lòng tôi giữa trời.

Arlington, 11-2004

CÁM ƠN

1.
bỗng dừng chớp bể mưa nguồn
xua con nước lớn xoáy mòn bờ lau
cám ơn bãi thấp cồn cao
cho tôi biết được chỗ nào cạn sâu
2.
cám ơn đời đã cho tôi
cuộc chơi chữ nghĩa niềm vui bạn bè
cám ơn tôi biết đam mê
cám ơn tôi biết hả hê khóc cười
3.
cám ơn những cánh tay ghì
cho tôi với bớt những gì tôi đau
cuộc chơi nào cũng vậy thôi !

Arlington, 5-2005

TÂM SỰ NGƯỜI LÍNH GIÀ

mười năm ôm ấp mộng thanh bình

trả súng đạn về bên mái tranh
gọi đàn gà nhỏ về mở hội
dưới bóng me tàn ươm lá xanh

mười năm rồi lại mười năm nữa
súng đạn vẫn rền vang núi sông
tôi vẫn mơ màng bên gối súng
hết rồi xuân hạ lại thu đông

trời trở lạnh đôi tay quờ quạng
núi mặt trời sưởi ấm càn khôn
một chút nắng ấm lòng chiến sĩ
ấm lòng ta giữa buổi chiều hôm

chiều xuống dốc, dốc sâu thăm thẳm
vói tay vin vào cỏi hư vô
chân bám chặt vào nơi cỏi chết
vẫn mơ về một góc phố xưa

dừng quân gối súng nằm thao thức
lơ đễnh nhìn tàn rơi hỏa châu
bên nay sông và bên kia núi
ta-bạn-thù nằm sát bên nhau

ngày lại ngày qua tôi vẫn mơ
một chiều nắng đẹp, đẹp như thơ
tôi dắt em về thăm quê mẹ
mẹ mừng vui ngồi đứng ngẩn ngơ

giấc mơ người lính thật nhỏ nhoi
như giấc chiêm bao giữa cỏi đời

như con nước chiều trôi lặng lẽ
như nụ cười nở giữa vành môi

mười năm rồi lại mười năm nữa
mái tóc phai dần theo tháng năm
trả súng đạn về nương xóm cũ
người lính già buồn nhớ xa xăm

Arlington, 5-2005

nhonducnguyen@aol.com

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

THƠ ĐỀ TRÊN QUÁN VẮNG TẶNG NGƯỜI TÌNH XƯA GIỜ LÀ KỸ NỮ

Lặng im quán vắng thừa lời
Chuyền tay khói thuốc mời người năm xưa
Đầu xanh, nhuộm bạc, ai ngờ
Màu thời gian chảy lặng lẽ quanh ta
Nắng hun đồng đỏ màu da
Bạn là gió bụi, ta là sương bay
Một ly bạn lại chau mày
Hai ly ta đón ngàn mây phong trần
Trường đời ngựa chạy chồn chân
Ta như con chốt xoay vòng quanh ta
Lần này gặp gỡ tình cờ
Như xe lặn bánh ngoài bờ tử sinh
Bạn ngồi câm lặng một mình
Bóng trắng nhan sắc lặn dần đâu đây...

Bốn phương gió lại nổi đầy

Kéo theo hạt bụi làm cay lòng người
Rượu nè, hãy nhấp cạn môi
Thuốc nè, hãy rít cạn mùi cần khôn
Hồn ta đắm bầy lối mòn
Xót xa đâu giữ được hoàng hôn rơi !
Biển rằng biển cạn non bồi
Bức tranh sơn thủy ngậm ngùi trăm năm
Quán trưa nắng dạt người cầm
Bạn quanh khói thuốc, ta cầm hơi men
Chuyền tay nhau chút tình thân
Người như viễn xứ, người gần quan sơn

Uống đi cho cạn phong trần
Hồn hoang mọc nhánh một lần có sao !
Trái tim ta chảy máu đào
Thì pha vào cốc rượu sâu tình người
Tiếng chim nào hót ngậm ngùi
Nghe không, thoang thoảng có lời thiên thu ?

Lạnh người quán vắng nắng thưa
Bạn, Ta, hoá đá cho vừa thời gian
Đồng tay rượu rót đầy tràn
Bạn nhìn bọt nổi, ta lẫn phím đời
Trưa nay ngồi giữa đất trời
Mặc cho gió bụi cuốn đời ta bay
Ly này, ly nữa... em hai...
Tràng giang thì cũng cuộc say nhân tình

Cạnh ta, tường mọc rêu xanh
Như hồn hoàng hạc bay quanh nắng vàng
Cũng xoè bộ cánh ngũ âm

Bạn không ngôn ngữ, ta không bạc lòng
Thì đây uống hết rượu nồng
Đường đời ngựa chạy biết dừng bến ai
Thuốc nê, cứ rít tàn môi
Trăm năm khói quyện càn mùi càn khôn...

Trưa 15.4.1993

(Chúng tôi nhận được tập thơ Hoàng Hạc Lâu của Ngô Nguyễn Nghiễm do Văn Nghệ Châu Đốc xuất bản, từ trong nước gửi tặng. Đồng thời, anh còn gửi đến chúng tôi một floppy disk toàn bộ tập thơ Hoàng Hạc lâu để tiện sử dụng. TQBT trích bài: Thơ Đề Trên Quán Vắng Tặng Người Tình Xưa Giờ Là Kỹ Nữ trong tập Hoàng Hạc Lâu để giới thiệu với độc giả của TQBT)

ĐOÀN CHINH NAM

MỘT NGÀY TRONG ĐỜI

Sáng : ra đồng...bứt cỏ
Ngắm mặt trời lên đỏ
Hạnh phúc đầu ngày đây
Ngắm đời chưa quá khổ

Trưa : mì độn với cơm
Ba bát *chuẩn** không hơn
Bốn đĩa cùng nhai, nuốt
Nhìn nhau chẳng thiết buồn

Chiều : mang thân đến lớp
Dạy : "*ghét xấu, yêu tốt*" (!?)

Đệ tử cười lưng thầy
Quen rồi mà vẫn nhột

Tối : bày trò lãng mạn
Cầm – kỳ – thi – hoạ: loạn!
Triết lý vụn : vong thân
Chửi (tùy ý *) khốn nạn!
1978

* “*tiêu chuẩn*” 3 bát, nếu ăn nhiều hơn cuối tháng sẽ...đói

* *độc giả tùy ý thay vào hai tiếng cho thích hợp.*

KỂ Ở

(Tặng Hoàng Minh Trí)

Mày đi qua một trùng dương
Tao còn quanh quẩn với với đường phố xưa
Xứ Phan mùa nắng, mùa mưa
Nhớ trắng hải đảo gió lùa mái xiêu
“...*nằm trong căn gác đầu hiu*”
Bao lần tính kế gan liều viễn du
Đời riêng đâu thể đợi chờ
Chung chia thuở ấy bây giờ cắt chia
Mộng đời một mảnh đem đi
Thì đô, pao* nhớ gửi về thêm nghe
Hai con, một vợ đây – *hề*
Xưa *hề* bi tráng, nay *hề* bi...thương
Mày đi qua một trùng dương
Tao còn quanh quẩn với...đường sữa đen*
1985

* *dollar, pound*

* *chợ đen*

LIÊN KHÚC BA MƯƠI NĂM

Áo cơm - chủ nghĩa, buồn thay
Ta mơ một cuộc tháng ngày rong chơi
Hồn xưa bướm trắng bên trời
Mai sau nhếch nửa miệng cười : chứng nhân
(1975)

Tài thì chưa đủ nên danh
Mộng mơ đã đủ trở thành ngu ngơ
Sinh tồn thật khó hơn thơ
“Kiểm, phê” chẳng giống chọn từ, chuốt câu
Xẹp bao tử - phá thành sầu
Tốn tiền chi nữa mưu cầu tửu binh
Con đau, vợ đẻ, hợp hành
Nỗi đời cay cực hiện hình...
(1985)

Xưa nay
Ta làm thơ chẳng ai hay
Để trên óc tủ, chuột nhay mấy lần
Vợ ghen, xé mất một phần
Xé thì...chép lại, thêm lần thôi xao
Ngỡ rằng đáy tử vùi sâu...
Ngờ đâu duyên nợ với Mâu Thời Gian*...
Ngàn trùng thơ cất cánh sang
xứ người hợp mặt văn đàn tao nhân...
Xưa từng đã... *Văn kỳ thanh*
Nay xa...*bất kiến kỳ hình*..tiếc sao!

Ba mươi năm cuộc bể dâu
Cùng ai góp chút ngày sau chứng từ

(2005)

* Anh Phạm Văn Nhân - tác giả Mầu Thời Gian - qua anh nên biết TQBT

PHẠM CAO HOÀNG

THÂM NHỚ BIỂN

Mùa gió tới anh thâm nhớ biển
anh đang nghe biển gọi anh về
ngựa có khi còn mồi vó giang hồ
anh có lúc cũng thềm đứng lại

Một ngày mưa thêm một ngày nắng quái
những ngày thu rồi lại những ngày đông
đời vẫn trôi đi buồn bã một dòng
anh vẫn sống giữa muôn ngàn ly biệt

Anh vẫn sống và thâm tưởng tiếc
biển của chiều xanh thắm mắt em xanh
biển của ngày bão cát thổi ngang anh
Biển rộn rã những đêm chờ đợi

Mùa gió tới đang mùa gió tới
bên đồi tây anh ngóng biển đông
chim nhạn bay trong cõi vô cùng
anh ngơ ngẩn trông trời ngó đất

Anh thơ thần như vừa đánh mất
biển của thời anh bỏ biển mà đi
anh lại nghe biển giục giã anh về
hôn lên cát và thở cùng nhịp sóng

Biển thân yêu, biển đang mùa lửa bỏng
anh đang mùa lếch thếch lang thang
anh vẫn còn rong ruổi kiếp đi hoang
khi ngó lại, ba năm rồi biển ả.

HOÀNG XUÂN SƠN

LAO CA

khi khổng khi không
xuống
hàng()*
đồng đánh một vệt hở hang
phù trầm
lạ trời
con nước âm âm
ngây ngây lộn khói
miệng đầm thu sơ
vô ý
mẹ đẻ bất ngờ
hơ hổi kéo tuột dây mơ rễ mòng
cây đu
sộ bến tân tòng
đưa người qui phục

dạ lòng nát tan
khi khổng khi không lằm than
con mắt điều qua
ngó ngang chi đâu

qua bến
lục vấn cơi trầu
đá vôi rửa hận
nước cầu ao
buông
chục . trăm
rệu rạo má hường
mương ra đường lộ
cương thường
lục lâm
khi khổng khi không tà tâm
lộn tóc xúi giục
vết bầm sinh nhai

hết tháng mười một lẻ bốn
(*) Cao Vi.Khanh

NGHĨ RỜI VỀ MỘT CẢM THỨC

(gởi anh Hai Trầu)

Câu thơ đứng giữa trời không(*)
rớt xuống mầm tuyết tự
chiều nay ai hò man mác điệu
gió mùa hun hút mắt tang
mái chèo lơ xẻo ngọn bần
đuốc quạ bởi rời lau
núm ruột nhùng nhằng thao tác

Lạc hết cả rồi . hòn đất
và cộng nắng xa xôi
ngọn rau má vườn thanh . lời thầy ban bảo
nhìn xem tàu ngựa yếu
bồn giả sơn quay quắt
non nước u hoài
chân mây tình tội

Muốn hỏi thăm vết bùn nẻ
trên da thâm canh mùa màng
con đường úng thủy điền sâu
*lời mẹ dặn (**)* cố làm người
như bọt sương mai

Câu thơ vẫn đứng giữa trời không
rốt cuộc chỉ lòng nhân ở lại
chữ và nghĩa
và hoành đầu thất tán .

tháng tư không năm

() chữ, Vũ Thành An/ Nguyễn Đình Toàn*

*(**) Phùng Quán*

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

QUY NHƠN

Từng mùa thu đến xanh xao
Tuổi vàng vố cánh bay vào trời xanh

Ở đây ngày tháng buồn tênh
Sớm chiều biển mặn dỗ dành xót xa.
(1970)

BẾN MẶN

Đời mười hai bến nước
Thuyền tôi ghé bến này
Đục trong thì cũng đã
Một lần trao bàn tay

Ôi một đời con gái
Một lần cho bàn tay
Một lần là mãi mãi
Vui buồn riêng mình hay

Đời khác xa mộng ước
Thơ viết mãi sao đành?
Giá bằng hồn thiếu phụ
Thầm thui bước song hành

Tóc trẻ tràng buông vai
Mỗi mòn theo tháng ngày
Giờ bàn tay vuốt mặt
Tôi thương tôi một đời
(QN 1970)

TỰ TÌNH

Đi sai một nước cờ đời
Ngẩn ngơ nhìn tuổi năm mươi sắp kề

Mộng tàn chưa chín nổi kê
Ba mươi năm vụt qua mi ngõ ngang
Vẫn hoàn tay trắng hoang mang
Vẫn lòng son giải trắng vàng hắt hiu
Đò ai ngược sóng sông chiều?
Có qua nổi bến cô liêu phận người?
Trăm năm chắc chẳng còn dài
Vẳng nghe lau sậy nhắc lời thiên thu
(Sài Gòn 1987)

TRẦM MẶC HOA HUYỀN

XẺ MỘNG

Trắng đêm/xẻ
mộng chia đôi
Vạc buông tiếng/ rã,
đền phơi bóng sâu
Xin em giọt/ lệ/ nhiệm mầu
Lung linh từ thuở,
cơ cầu có nhau!
Ai giăng sợi/ tóc/ ngang cầu
Cho chân em/ vươn,
lộn nhào tơ duyên?
Đâu ai bắt/ phải thề nguyên
Mà em son sắc trong/ niềm đau/ tôi?!
Mộ tình,
cỏ mọc xanh chồi

Lá tình,
cũng bạc trắng rồi đó/ em,
Dao cùn/ bầm/ mộng từng đêm
Đau lòng tôi lắm! (Nhưng êm tai người!)
Mộng như/ máu/ chảy đỏ tươi
Thấm lòng huyết lạnh,
bốc mùi tha ma
Đàng nào mình cũng cách xa
Nhớ người đêm gởi /mộng qua gặp/ người
Trời buồn,
cho giọt mưa rơi
Tôi buồn/ xẻ
mộng làm/ mỗi...nhậu khan!

NẾM MẬT

**Cảm tác khi đọc thi phẩm Ô CỬA của nhà thơ TRẦN HOÀI THU.*

Như trắng,
như gió,
bên trời
Dồn lên hơi/ thở/ giữa thời/ bể dâu
Thổi bung
Trời, đất/ lộn nhào
Ơi,
Ai,
cột sợi thương đau/ vào người?!
Từ Ô CỬA
Ai/ đánh rơi
Những trang tình sử của/ đời
- chiến binh

Ngậm ngùi,
nắm mặt tử/ sinh...!



TRUYỆN NGẮN

• NGUYỄN LỆ UYÊN • NGUYỄN NGHIỆP
NHƯỢNG • CAO VỊ KHANH •

NGUYỄN LỆ UYÊN

VỀ TUY HOÀ

Ngày 12 tháng 5

Về tới nhà đã xâm xẩm tối. Tắm rửa xong, ngồi nói chuyện với cả nhà một lát thấy người mỗi mệt hung, bỏ vào phòng nằm. Tưởng có thể nhắm mắt ngủ ngay, nhưng dư âm của những ổ gà, bụi đường và chiếc xe đồ cộc cạch rung lật bật trên đoạn đường dài đã chống hai mí mắt lên, không tài nào ngủ được. Thao thức và nghĩ ngợi đủ thứ chuyện, nghĩ lung tung như cách để gần anh, thấy như có anh còn ở bên cạnh, đến nỗi đưa em em ra ngã Năm mua tô cháo gà giờ đã nguội ngắt.

Ngoài phòng khách có tiếng cười lịch nhích của mấy đứa em, rồi là tiếng ào ào: “Cái bà này mới lạ, làm như ngoài này không có bánh mì kẹp thịt hay sao mà phải vác từ trong về?”. Chúng nó đâu có biết những điều chúng vừa khám phá là do anh bày ra. Anh lo em đói giữa đường, lo xe hỏng đâu đó trên quãng đường vắng. Sự chần chừ hình như đôi khi cũng hơi phiền phức, anh nhỉ? Duy chỉ có chai dầu Gió Xanh là hết vèo ở đoạn Rừng Lát. Còn hai chai nước thì khi xe đổ đèo Cả mới thanh toán một cách gọn ghẽ bằng cách thò đầu ra ngoài cửa rửa mặt cho tỉnh táo, cho sạch chút son phấn làm

duyên. Không rõ nếu như có anh ngồi bên cạnh thì em có can đảm xoá đi cái duyên đáng tạm ấy không? Mà duyên gì được nữa kia chứ? Mấy trăm cây số va qua đập lại thiếu điều gãy cả xương sườn xương sống, mọi thứ trong bao tử cứ tưng tưng đòi nhảy ra ngoài đến phờ phạc thì đến Hằng Nga cũng biến thành Chung Vô Diệm anh ơi!

Đấy, đường ra xứ em nó nhiều khê là vậy, thử hỏi anh có can đảm trèo tam tứ núi, lội thập lục sông như khi ngồi trong La Pagode anh thể thốt không? Các cụ thường bảo đám đàn ông con trai khi ngồi bên cạnh phụ nữ luôn đầu môi chót lưỡi. Em mong anh không lấy cái thuộc tính đàn ông bị đả kích kia mà đối xử với em. Dòm bộ dạng anh cũng cảm ra được là anh thuộc loại thiệt thà, chắc bụng, chứ không như đám... Ui, em xin lỗi; chỉ là lỡ tay viết ra chứ không có ý định ví von này nọ. Em có thói quen khi viết sai thì cứ để nguyên vậy chứ ít khi đập xoá, đấy cũng là tính xấu không sửa chữa được, dễ gây hiểu lầm. Bữa ra bến xe lấy vé, anh mua những hai chiếc. Em hỏi mua chi đến hai vé? Anh nói anh cùng đi để hộ tống em khỏi bị bắt cóc và thứ đến là “cho biết xứ em có đẹp bằng em không?”. Mô Phậ! Mệnh đề thứ nhất có vẻ như anh bị ám ảnh bởi những hoang tưởng của phim ảnh mấy ông đạo diễn dựng lên. Còn mệnh đề thứ hai thì thiếu cả hai điều kiện ắt và đủ. Ví như em để anh cùng đi thì sao nhỉ? Em sẽ ăn nói sao với ba mẹ và mấy đứa em em? Một thành viên lạ hoắc tự dưng xuất hiện bên cạnh con gái, chị mình? Họ sẽ nghĩ chắc em hư hỏng lắm khi khăn gói vào Sài Gòn ăn học? Thiệt kinh khủng nếu chuyện ấy xảy ra. May mà em kịp giải thích để ngăn anh lại. Và may là anh cũng chịu khó ngồi nghe lời giải thích vòng

vào không lấy gì làm vui vẻ với anh. Mà nếu như anh thiệt bụng, ngay thẳng thì sớm muộn gì anh không biết, chớ chi mà gấp gáp? Anh không nghe câu thành ngữ “dục tốc bất đạt” muôn thuở kia sao?

Mùa này, mỗi ngày đang bắt đầu nóng dần lên, nóng từ từ như một bếp lò mới nhen lửa lúc đầu cho tới khi than đỏ hực lên. Suốt dọc miền Trung chỗ nào cũng như vậy cả: nóng gắt và Nam cồ Nam mái. Mấy nơi khác em chưa tới nên chưa biết, còn Tuy Hoà tới mùa này gió Nam thiệt dữ dội, thấy cả gió cuộn lên trước mắt. Gió đùa giỡn với những chiếc lá rụng cuốn tròn chấp chới những cánh chim tập bay khắp các ngách phố lớn nhỏ. Gió hốt cát xán vào mâm cơm, gió thổi thốc cuộn xoắn dọc hai triền cát sông Đà Rằng tung bụi mù mịt cả một đoạn sông dài. Mẹ em kể hồi năm gió Nam cồ còn bốc cả mái ngói vấy ném xuống sân nói chi đến mái rạ mái tranh ! Đó anh hỡi chưa? Mà anh đâu hình dung Nam cồ Nam mái là gì phải không? Nam mái là hiu hiu như kiểu người con gái hờn dỗi. Còn Nam cồ thì ác liệt hơn gấp trăm lần, như thể trận lôi đình của người cha có đứa con hư hỏng vậy. Nói vậy chớ nó chỉ thổi tung chừng vài tiếng thôi, lúc nửa đêm một chập rồi nửa buổi sáng về trưa một chập. Còn lại đều lặng lẽ yên ả như chưa từng xảy ra chuyện gì. Mà tự dưng sao lại đem cái gió tào lao kia nói với anh nhỉ? Đâu có gì nhẹ nhàng như ngọn heo may đất Bắc hay ngọn gió chướng quê anh? Cái loại gió ác liệt này đôi khi làm tụi con gái bọn em đến là mắc cỡ mỗi khi tới lớp và tan trường: gió thổi lật tà áo dài phơi ra chút thịt trên thắt lưng, rồi thì cuộn thốc muốn lật tung chiếc quần mặc bên trong. Tay lú quíu chưa kịp khẹp vạt áo thì hàng trăm cặp mắt bọn con trai dán vào như

muốn lột trần ra. Một cảm giác gai rợn cứ len nhẹ từ đầu xuống chân rồi lộn ngược trở lên cho tới khi giữ được vạt áo căng phồng một cách tạm bợ. Cái ngọn gió hung hăng, nóng nẩy kiểu Trương Phi ấy cũng góp phần làm tàn phai nhan sắc nhiều phụ nữ: phấn son nhoè với bụi đường, quần áo như dày thêm vài ly mét một cách nhếch nhác, còn đầu tóc thì rối nùi như đụn rơm khô, như chút rơm gà bơi, vì vậy tụi em mỗi khi ra đường đều có cái lược để gỡ tóc. Đang đi cũng đưa lược lên chải, đứng cũng chải, ngồi cũng chải. Thật phiền phức. Vậy mà nhiều người mới tới Tuy Hoà, mới chạm tới ngọn gió lạ một chút thì có cảm giác như vừa khám phá ra điều mới lạ, thấy nó đẹp. Đẹp bởi cách nó thổi dọc ngang phóng túng như một gã hành giả trên đường đi tìm sự chứng ngộ cho riêng mình, như một tên lang bạt kỳ hồ với con đường thiên lý, giày vệt gót, áo sờn vai; như có một ông nhà thơ kêu lên *“Ồi cái gió Tuy Hoà... Cái gió chuyên cần và phóng túng”*. Còn em, mỗi năm chỉ giáp mặt với nó một lần thôi mà đã thấy hãi. Em sợ kinh khủng. Mọi người cũng sợ nhưng không thể tránh mặt mà phải chung đụng với nó suốt cả tháng trời. May mà nó không kéo dài lâu để con gái Tuy Hoà vẫn tròn nụ cười, má hồng, mắt lúng liếng...

Không tài nào nhắm mắt được, nên ngồi viết lung tung. Viết để kéo cơn buồn ngủ xích lại gần và kéo anh xích gần hơn với khoảng cách cơ học đẳng đặc.

Đầu óc phờ phạc và tay mỏi rôi. Em đi nằm đây.

Ngày 14 tháng 5

Tạm nghỉ một ngày để dưỡng tâm. Chính xác là để phục hồi cơ thể vốn dĩ không lấy gì làm mạnh mẽ như cánh

đàn ông các anh, để chịu đựng mọi thứ gian khổ trên đời, dù đó là thứ gian khổ cấp tính.

Hôm qua và sáng nay anh làm những gì, đi những đâu hay là ngồi gõ trước máy chữ? Riêng em, sau một ngày cơ thể phục hồi, lũ bạn học cũ hay tin em về, lập tức tới rủ đi ăn cháo hàu kêu là “tắm bổ cho con bé ốm yếu” rồi đi đi rảo phố. Anh biết không, mới vắng chừng một năm nhưng khi trở về thì thành phố đã khác trước nhiều, cứ như trái bầu trái bí lớn thêm mỗi sáng. Phố xá sầm uất, nhà cửa đủ mọi kiểu dáng : cao ngất, kênh kiệu của phương Tây; nép trong vườn cây lá um tùm, trầm mặc của phương Đông... Đi qua chừng vài đường phố, em kêu nhỏ bạn “ê, cứ chạy vòng vòng kiểu này thì biết bao giờ mới hết, thôi thì chịu khó leo dốc lên núi Nhạn có thể nhìn khắp lượt mà không phải hít bụi đường”. Nó đồng ý và quay xe chạy lên đầu phố. Chiếc xe máy cà tàng chở hai đứa, không đầy tạ nhưng ị ạch, phì phèo như con ngựa già. Có đoạn em phải xuống xe phụ đẩy một đoạn ngắn, muốn hụt hơi. Lên tới đỉnh mồ hôi đầm đề, ngồi bên phía bóng mát nền tháp há miệng mà thở, bề cảnh lá phe phẩy làm quạt. Biết vậy, hồi nãy cứ chạy lòng vòng coi bộ khoẻ hơn nhiều.

Nói thế chớ lên đứng trên độ cao 70 mét dòm xuống thành phố bên dưới thấy y như bức tranh đẹp, giống như hồi anh dẫn em vào Gallery ở đường Tự Do xem tranh Phố Phái hay Phái Phố gì đó. Thành phố của em đẹp đến mê hồn, rực rỡ trong nắng sáng trong vắt. Bên này chân núi, nước sông Chùa ửng xanh màu ngọc bích, vắt ngang qua nửa ngực thành phố in hệt tấm khăn người thiếu nữ vắt qua vai thả rơi lưng lửng xuống ngực; bởi phía xa đằng hướng Bắc ngọn Chóp Chài vút lên như núp vú

căng tròn tuổi dậy thì. Đàng Đông, biển trải dài mênh mông mượt màu cỏ non, còn phía Tây thì những gốc rạ màu đất kéo thành vạt rộng, làm nền cho những rừng cây xanh thấp thoáng xa xa. Phố xá thì màu đỏ mái lợp ngao nghễ nhô cao hơn những mái nhà màu xám rêu. May mà đường phố có những tán cây xanh, níu giữ màu đỏ choàng vai màu xám mốc kia chứ tuyền một màu đơn điệu thì coi bộ chướng mắt. Em chẳng biết tí gì về màu sắc hội hoạ như anh, nhưng xem ra những nhận xét này không sai mấy. Còn nữa, trước mắt em là cây cầu dài thườn thượt nối hai bờ con sông Đà Rằng. Giữa hai con sông là cồn phù sa tạo thành làng hoa Ngọc Lãng bốn mùa rực rỡ sắc màu. Cái tên Ngọc Lãng đẹp và coi bộ lãng mạn thiệt anh hể? Còn cây cầu bắt qua sông Đà Rằng đó dài tới hăm mốt nhịp lặn, mà có ai đó đã ứng tác ra *“cầu dài hăm mốt nhịp, anh theo không kịp, đợi anh với em ơi!”*. Xạo, làm gì mà “anh” không theo kịp “em”? Thiệt là nhức đầu vì ở đâu cây cầu cũng sinh chuyện, nào đếm cầu mấy nhịp lòng dạ sầu thương bấy nhiêu, nào là qua cầu gió giựt bay mất áo. Cây cầu đâu có sinh sự như vậy? Chỉ tại con người thôi. Nhưng chuyện gió giựt tung áo thì em đã viết cho anh ở đoạn trước. Giờ đứng trên đỉnh núi, gió chỉ hiu hiu, phía dưới là giòng sông lặng lẽ, coi bộ hiền lành kiểu như Sơn Tinh và Thủy Tinh trong thời gian hưu chiến vậy. Nhưng mà, nói gì thì nói, dân Tuy Hoà em rất tự hào có cây cầu dài nhất miền Trung. Cầu đường bộ và đường sắt cặp song song nhau mà hôm trước em chỉ cho anh trên tờ lịch treo tường. Và anh buộc miệng “may, chỉ là hai cây cầu chơ chàng và nàng thì thiệt là tội nghiệp!”. Em cãi “trên thực tế đẩy ra đấy chớ không có sao?”. Anh

cười cười mà không nói gì. Anh biết không, chéch lên một đoạn ngắn lại một cây cầu dài mới bắc qua sông Đà Rằng đâu hồi năm ngoái, đứng lẻ loi dòm xuống hai cây cầu phía dưới như than thở cho số phận cô đơn của mình. Mấy năm trước cầu Đà Rằng dưới này là nơi hóng mát của người dân trong thành phố, hẹn hò của các cặp tình nhân khi mặt trời chìm khuất sau dãy núi phía tây. Mùa hè, gió từ sông đưa lên mát rượi. Những đêm giữa tháng bọm em hay tới đứng trên vai cầu nhìn mặt trăng nhô lên từ phía biển Đông như thể đó là viên hồng ngọc của nàng tiên cá nâng lên khỏi làn nước xanh thẳm. Ban đầu, trăng to bằng chiếc bàn tròn hai đứa mình hay ngồi uống cà phê những sáng chủ nhật ở đường Nguyễn Du, soi một quang sáng loá vàng hực màu trái cam chín. Quang sáng ấy kéo dài từ từ loang rộng những vạt vàng sóng nhấp nhô còn mặt trăng thì nhỏ lại, tròn như cái cảo đựng kim chỉ của bà nội em, rồi nhỏ dần như trái banh như thể những mảnh vàng sáng chia sớt cho mặt nước? Những hình ảnh ấy cứ dội vào tâm trí em như những cuộn sóng đập vào bờ đá khiến cái ý nghĩ ngô nghê này cứ ám ảnh em hoài, tới tận bây giờ vẫn không đẩy ra khỏi đầu em được, không hiểu vì sao?

Anh biết không, nhiều người hay nhái từ “nẫu” địa phương em. Nhưng đó là chuyện nhỏ. Cái lớn là một số khá đông bạn đồng lứa cũng thẳng thừng quay lưng lại với “nẫu”, xấu hổ mỗi khi có ai đụng chạm đến “nẫu”. Riêng em, em yêu nó vô cùng. Mỗi khi nhớ quê, em hay xuống Tân Bình ngồi nói chuyện với mấy người già gốc Phú Yên. Họ vì cuộc sống mà phải bỏ xứ vào đây, nhưng họ không bỏ giọng nói, bỏ những thói quen trong mọi sinh hoạt thường ngày. Tất cả như đã thấm dẫm vào trí

óc họ từ những gốc rạ vùng lúa Tuy Hoà, từ những con thuyền đánh cá ở Lò Ba, Mỹ Á, Sông Cầu. Cứ như thể em đang hít thở không khí ở miền quê yên tĩnh, nơi em sinh ra và lớn lên. Có bữa ra chợ cầu ông Lãnh mua cá, gặp bà cụ đang trả giá. Khi nghe bà cụ kêu lên “me chạy, mắc dữ be...e” làm em giật thót tim. Từ be thoát nghe như tiếng than nhưng không phải là lời than thở mắc rẻ, mà còn hàm chứa sự ngạc nhiên, dò hỏi, một chút giễu cợt trong sự phân vân thường thấy ở các bà nội trợ phải lo toan hàng trăm thứ cho gia đình, chồng con... Gặp người đồng hương, em mừng quýnh. Một già một trẻ hỏi han, nhắc nhở đủ thứ chuyện bên ly nước mía đầu đường. Khi chia tay bà ấy còn dặn “bữa nào huồn cháu ghé lại nhà bác chơi”. Chiếc xích lô chở bà cụ đi xa, nhưng quanh quẩn bên em vẫn cứ ong ong những từ “me chạy, đấy na...” như thể đang hít mùi thơm khói đốt đồng căng đầy lồng ngực với sự khám phá thiết mới lạ hương khói xa xôi ấy ...

Cứ để ý đi, khi nào anh ra bến xe bến tàu đón người thân, hãy thấy ai kè kè bên nách gói giấy tròn căng phồng, khổ bằng chiếc sàn thì chắc chắn đó là dân Phú yên mang quà cho người thân. Có nhiều thứ khác quý hơn, nhưng đi đâu họ cũng mang chồng bánh trắng, đường như đó là niềm tự hào của họ khi được sở hữu cánh đồng lúa mênh mông và phì nhiêu của Tuy Hoà, đã nuôi dưỡng họ, nuôi dưỡng những địa phương khác trong vùng. Đó là biểu tượng của hột gạo trên một xứ sở từng trải nhiều khổ đau, vất vả mà dân quê em rất tự hào. Mà năm rồi em không mang vào cho anh chồng bánh trắng là gì? Khi nướng phồng lên thì là tình nghĩa, khi nhúng nước cuốn là dẻo thơm thứ hạnh phúc tròn đầy đó anh ơi.

Mẹ em nói vậy.

Ngày 15 tháng 5

Thư hôm qua em quên một chi tiết về dòng sông chảy ngang qua thành phố. Cùng một dòng chảy nhưng có tới hai tên gọi khác nhau. Đoạn từ đập Đồng Cam ngược lên thượng nguồn, đầu tận Phú Bổn, Cheo Reo gọi sông Ba, còn xuôi về phía hạ lưu thì là Đà Rằng. Dẫu sông Ban hay Đà Rằng gì đi nữa thì con sông này như cái bọc trăm trứng của bà Âu Cơ và ông Lạc Long Quân trong huyền thuyết của dân mình. Mùa mưa, mênh mông là nước. Nước cuộn cuộn đổ ra biển, đổ quạch phù sa. Nước gầm réo dưới chân cầu thiết là hung hãn, cuốn trôi tất cả những gì chúng đi qua, tưởng chừng như chiếc cầu dài ngần ngật này cũng bị trôi theo ra biển. Cũng may, sự hung hãn này chỉ diễn ra có vài bữa thôi và xem ra cũng có ích: nó mang lớp phù sa dày đặc bồi cho cánh đồng thêm tốt tươi. Nhớ hồi năm 93, lúc đó em còn là đứa trẻ con. Mấy bữa trước mưa dầm dề như cầm chính trút nước vậy. Đến đêm nước bò vào khắp nơi, vào các đường phố, bò lên thềm, nhảy tọt vào nhà, dâng lên cao đuổi bọn em chạy lên gác. Đứng ở cầu thang nhìn xuống thấy nước tới đầu gối rồi bò lên tới thắt lưng, rướn lên tới gần ngực ba, đèn đóm tối thui. Điện bị cắt. Có tiếng người la ới ới, gọi nhau như chạy giặc. Đồ đạc chuyển từ tầng dưới lên cái được cái không, ướt ngoi ngót. Sáng ra đứng trên balcon ngó ra đường, thôi thì nước là nước, chỉ có ghe sông xuôi ngược khắp các ngã phố, còn xe lớn xe nhỏ như chìm mất dưới làn nước đục ngầu. Tụi trẻ con được dịp tắm lụi: chúng ở trần lội nước, chặt những đoạn chuối ngắn xiên cây làm bè chống ngang dọc khắp các nơi,

khiến em nghĩ thành phố bữa trước giờ là giòng sông mênh mông nước, nhà cửa phố phường đang ở trên mặt hồ rộng. Chúng la hét cười đùa thoả thích, coi mọi hư hại do trận lụt băng qua chỉ là chuyện bình thường. Tối chiều xẩm nước mới rút từ từ, để lại những vạt bùn dẻo quánh trên vách, trên nền nhà, lòng đường ... Hôm sau một cái chợ mọc lên ở ngã Năm, ồn ào náo nhiệt như thể trận lụt vừa rồi chỉ là bữa tắm gội cho thành phố. Bọn em đi coi họp chợ rồi rủ nhau lên đầu phố đứng nhóng qua chiếc cầu dài coi chiếc cầu còn hay trôi mất ra biển. Nỗi lo sợ vu vơ không thành sự thật. Nó vẫn bình thản nổi hai bờ nam bắc dù cho giòng nước cuộn cuộn kia chỉ cách mặt cầu đầu hơn hai gang tay! Vậy mà đến mùa khô, dòng nước lừ đừ như con trăn no mồi, lười biếng nép mình giữa hai bãi soi vàng rực bông mướp, bông bí, cỏ lông lan tạt ra mép nước xa. Hồi mới bước chân vào trung học, tụi con trai lớp em thường hay rủ nhau ra soi hái trộm dưa. Chúng giả đồ đi tắm. Bọn chúng tắm thiệt. Cả bọn vẫy vùng trong làn nước cạn tới ngang bụng nhưng kỳ thực là để quan sát những trái dưa hấu chôn lấp đầu đó dưới lớp cát sâu. Chỉ cần những cái liếc mắt như kiểu con chim bói cá là một đứa bò lên, kéo sợi dây, moi cát và bứt gọn trái dưa to bự chẳng, trong khi tụi kia vẫn cứ té nước, la hét ồm ồm, tụi con gái bọn em chỉ dám thọc chân xuống mép sóng lăn tăn giỡn nước. Những trái dưa ăn trộm ngon hơn là đi ăn đám giỗ, ruột đỏ mọng, ngọt lừ. Uở mà sao tự dưng lại đi nhắc chuyện “xấu hổ” này với anh hể?

Để em kể chuyện này chắc chắn là anh chưa biết, chưa từng nếm bao giờ: Hồi sáng này mẹ con em đi chợ. Mẹ kêu lâu cả nhà chưa ăn bữa. Vậy là mẹ thực hiện ngay.

Anh ở đồng bằng thì làm gì biết con sứa? Nó là sinh vật sống ở biển. Toàn thân mềm và trong suốt. Mẹ mua toàn sứa chân mang về chần nước sôi, trộn với rau thơm, đậu phộng rang, da heo xắt nhỏ, thêm chanh ớt xúc vào chén ăn với bánh trắng nướng bóp nát. Nó ngon không thể chê vào đâu được. Thịt sứa mát lạnh, giòn dưới chân răng, thơm mùi rau húng đứng húng duỗi và đậu phộng. Ăn tối no mà không thấy ớn, vì không có mỡ như cá tra cá ba sa trong quê anh. Khi nào anh là thành viên chính thức trong gia đình, hẳn mẹ em sẽ đãi anh món này trước tiên. Anh ăn một lần sẽ nhớ đời. Mà biết đâu sau khi ăn anh sẽ bỏ xứ mà ra làm con dân trên mảnh đất hai mùa đầy những mưa cùng nắng này?

Nói đến chuyện ăn uống thì Tuy Hoà của em có nhiều món lạ lắm. Tỉ như món cá thài bai nấu cháo đậu cút thì cả nước này và cả trên thế giới không đâu có cá thài bai. Nó nhỏ bằng cọng tăm. Người ta bán không phải cân ký, đếm con mà lật ngược cái chén lên, đong bằng khu chén để tính tiền. Giá trị là ở chỗ đó. Chỉ cần ba khu chén cá thài bai nấu cháo đậu cút là ngọt lừ, thơm, mát, bổ dành cho người già yếu. Loại cá này hiếm nên rất quý. Mỗi năm chỉ xuất hiện một lần khoảng nửa tháng trước và sau tết âm lịch. Đám cá mẹ xuống tận cửa biển để trứng. Nở ra, tự kiếm ăn được thì chúng bơi ngược dòng sông lên thượng nguồn, nên người ta dùng những tấm đăng nhỏ, tạo dòng chảy sát mép bờ cát để lũ thài bai nương theo đó mà vượt lên, phía trên có chiếc đó dày chặn lại bất kỳ hết. Con nhỏ Nghi giỏi môn sinh vật kêu thài bai là thài bai chớ không phải là cá bống con như tụi em nghĩ. Cãi với nó mấy bận không thắng đành thôi, miễn sao loại cá này đừng mất để thỉnh thoảng còn được ăn:

kho tiêu, làm chả ram những năm được mùa cá.

Toàn nói chuyện ăn chắc làm anh mệt? Giờ chuyển sang đề tài khác: nói về thành phố của em, anh nhé?

Thành phố bây giờ đã khác nhiều. Chẳng trách hồi em mới lững chững tập đi, mẹ kể thành phố chỉ toàn gai bàn chải, xương rồng và cồn cát. Trường Nguyễn Huệ hồi ba mẹ em học nằm lọt thỏm giữa rừng gai bàn chải lởm chởm. Nay anh có ra đi tìm gai bàn chải trong thành phố làm thuốc cũng không còn. Những cây gai lởm chởm nhọn hoắc kia giờ đã là những ngôi nhà cao tầng, biệt thự, xưởng máy và vô số những thứ khác mang dáng dấp hiện đại hơn, gần gũi với thời đại tên lửa, internet hơn. Nó cũng hơi hủ, nhộn nhịp như một góc nhỏ Sài Gòn chẳng kém.

Em thì mong cho thành phố to hơn, giàu hơn, mọi người dân có đời sống sung túc hơn, nhưng đồng thời em muốn những hình ảnh, nếp cũ của Tuy Hoà xưa vẫn luôn được tồn tại trong góc khuất nào đó của đời sống tinh thần, như ba em hay kể chuyện hồi nhỏ ông và đám bạn hay rủ nhau lên núi Nhạn giành chuối giành chè với lũ khỉ núi và đánh nhau với chúng ngay trước am thờ thần gần cửa tháp, kể về những cuộc hẹn hò với mẹ em trên bãi soi sáng rực bông mướp vàng đầy ắp giọng hò khoan của những nông dân cắt cỏ bò bên mép nước sông Đà Rằng. Hồi đó chắc khổ hơn bây giờ, nhưng lãng mạn. Con người lãng mạn để thành phố cũng trở nên lãng mạn, thơ mộng hơn. Còn thế hệ của bọn mình, sự lãng mạn ấy đã được cách tân hoá bằng cách chui đầu vào các quán cà phê tối om, các sàn nhảy nôm cồng người cùng tiếng nhạc phát ra âm âm như động đất!

Sẽ có người cho rằng em có những ý nghĩ cổ hủ, ích kỷ.

Mượt kệ. Em yêu cái cổ hũ, ích kỷ ấy lắm lắm.
Ước chi bữa đó em đừng trả lại một chiếc vé để anh thấy
tận mắt thành phố quê mùa này, em khỏi cà kê...”

Bức thư dài hơn 10 trang, viết trên giấy prelude gấp đôi, bằng màu mực xanh bút bi kẹp trong cuốn sách Phong Lưu Cũ Mới của cụ Vương Hồng Sển tôi mua lại trong tiệm sách cũ ở Bình Thạnh. Chỉ chừng ấy, không có chữ ký, không có tên người gửi, người nhận; chỉ xưng hô anh em, kể về thành phố Tuy Hoà bằng niềm thương nhớ, tự hào. Không rõ khi nhận thư, anh chàng đã lơ đãng bỏ quên trong quyển sách cũ, hay cô nàng chưa kịp gửi tới tay người yêu? Tôi không quan tâm chuyện tại sao bức thư kia được kẹp trong cuốn sách, tại sao cuốn sách có bức thư đó lại ra nằm ngoài quán bán sách cũ. Và vợ tôi thì cứ khăng khăng đó là trang nhật ký của cô bé đang tuổi mộng mơ. Còn tôi thì nhất định đó là lá thư chứ nếu là nhật ký thì chẳng ai ngồi viết trên những tờ giấy mỏng dính? Trong thư không thấy bày tỏ lời yêu thương, nhưng quặn thắt nỗi nhớ nhung cũ mới chồng lên nhau.

Tôi vẫn giữ lá thư một cách cẩn thận và cầu mong cho hai người luôn bên nhau và tràn đầy hạnh phúc như những lời bày tỏ chân tình trong lá thư kia. Tôi cũng mong được hoàn trả lại nếu như các chủ nhân của nó là “em” và “anh” nhận biết được tung tích bức thư được cất trong chiếc hộp, khoá chặt trong hộp tử.

(tháng 3.2005)

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

DẠ KHÚC

Tôi chợt tỉnh trên nền cát ướt và chung quanh nước biển tạt lên chảy xuống kéo theo cát nhỏ như côn trùng chui rúc dưới lưng. Lúc này nắng đã hết, trời cao xoay tròn với những hột sáng giống hình ảnh trong cái ống ba cạnh ghép gương đựng những viên giấy mầu. Bất chợt tôi nhận ra những hột sáng ấy giống như lửa, và chính là nắng chiều đang trộn với cát bốc lên thành một mầu vàng chanh trong có những điểm nhỏ múa lượn lả tả rơi xuống. Cũng chính trong ánh sáng đó tôi nghe những tiếng nói và thấy những cái bóng. Những tiếng nói thì nhỏ nhưng là gần lắm, và những bóng thì nhạt và ảo lả, lướt qua lướt lại ngang mình tôi. Họ ở dưới mé nước: một người đàn ông và một thiếu nữ.

Chàng sẫm và cao khổng. Cái đầu có một chiếc mũ rộng vành mầu vàng, hai chân như bước tới nhưng không thấy người xê dịch chút nào hết. Mặt nhàng lơ mờ cúi xuống với hai vệt đen và đôi mắt, lơ mờ, hoen ra chung quanh như cái hố, và nâng đỡ bằng một hàm râu cũng mờ, chiếm gần nửa khuôn mặt. Một vệt đen mờ khác ngang túi, không rõ là vệt gì, và hai tai chàng, trong bộ điệu cứng ngắc, làm hở ra hai khoảng trời sáng, đang thông xuống. Chàng đứng yên như thế, như cái tượng, nhưng

nhìn một lúc tôi thấy tay chàng hơi cử động. Có lẽ bóng cái tay đó phất ngang mình tôi cũng nên. Và tôi nghe chàng nói: “ Cái nơ của em vẫn bay được.” Nói rồi chàng dùng cả hai bàn tay kéo cái giải vải giống như lụa xuống. Cái giải lụa đứt.

Nàng nói:

“ mầu nó không hợp với tóc em chút nào.”

Nói rồi nàng lại giữ nguyên dáng điệu cũ: chân tay dài, cái mình dài, và cái cổ cũng dài. Tất cả đều cong một chút về phía trước, như thể nàng đang cúi nhìn những hạt cát, hoặc nhìn cái bóng của nàng. Nhưng một tay, một bàn tay duỗi trên bàn chân, nàng đặt ở một vị trí như thể là đang sửa móng chân. Đột nhiên, tôi khám phá ra rằng nàng mặc một bộ áo kỳ dị, vì trừ hai đùi và đầu, còn thì toàn thân nàng có một màu vàng bó sát, lờ mờ những đường gầy nhỏ mầu nâu nhạt như là những nét rạn trên một cái bình tráng men cổ. Nơi ngực nàng, những nét rạn hình như tối và rối hơn, với những nét mờ mờ mầu nâu, nhưng lại không gợi lên một cảm tưởng nào về chiều cao, như thể thân mình nàng chỉ ở trong một mặt phẳng, cái mặt phẳng mà một đôi lúc trở nên vàng chóa vì nắng quá như nước kim nhũ.

Và đầu nàng, như một củ hành.

“ Trời lúc này nếu có chim thì đẹp lắm.” Nàng nói, giọng yếu ớt như không có hơi sức.

Đó là một cặp tình nhân hạnh phúc xứng đôi. Tôi nghĩ và nghe tiếng chàng nói trong giọng cười lớn vang động.

“ Chim đâu bay trời chiều tối ra biển.”

Đột ngột chàng cúi xuống lấy ở cát lên một vật như thể nhỏ một cái cọc. Đó là cái tẩu thuốc. Chàng lại đứng như

cũ và đưa cái tẩu thuốc lên miệng ngậm. Tẩu dài một cách kỳ lạ, nhưng lại có vẻ hợp với khổ người cao khổng của chàng.

“ Ở ngoài xa, trời vẫn còn sáng.”

“ Nhưng đó là biển.”

“ Những con ngỗng trời vẫn thường bay xa. Nhưng em lại không thích ngắm ngỗng trời mấy.”

“ Dĩ nhiên những con ngỗng ta nuôi trong vườn trắng đẹp hơn.”

“ Chim ngỗng trời thì lại bay rất có thứ tự, thành một hàng thẳng tắp. Chúng có thể bay ngang biển. Anh này, trước mặt mình có đất liền hay một đảo nào không ?”

Hình như chàng nhả khói. Một vài làn khói mỏng bay tạt đầu đó trong không khí, với tiếng chàng: “ Để anh xem nào, nào...”

“ Anh không rõ mấy. Quên hết !”

Chàng thở dài rồi cười lớn nói :

“ Tức cười quá.”

“ Việc gì đó cứng ?”

“ Đâu có. Anh nói là anh tức cười...Anh quên hết. Cũng như...Những người hồi nãy đã ra về...Họ không có kiến thiết cửa biển này...”

“ Em không để ý tới họ khi họ bỏ về. Cửa biển này chỉ ra hồn trong khoảng trời tối. Vậy mà không có ai ở lại .”

Chả có tôi đây là gì? Bất chợt, tôi cảm thấy sợ. Hình như nàng, và cả chàng nữa, đều không thấy tôi, hoặc hơn nữa, đều không cần biết tới tôi. Nhất định tôi đang ở gần họ, nếu không, tại sao tôi có thể nghe họ nói chuyện. Vậy mà tôi như không có. Tôi nhìn xuống mình mấy và thốt nhận ra tôi đen quá, hơn nữa, tôi nằm gần trong nước, và bây giờ những mô đá lạnh sắc nhấp nhô chung

quanh tôi. Tại sao có sự thay đổi thế này nhỉ. Biển ở đây toàn là đá.

“ Rồi lại có những kẻ khác ở xa tới để làm việc và dựng nhà cửa. Thật ghê tởm quá.”

“ Cũng như bên kia cửa biển. Phía núi đó. Anh nhỉ.”

“ Ở đó toàn là đá sỏi và những giống giầy leo kỳ quặc, quả xanh thẫm. Nơi đó không hợp cho người ta ở đâu.”

“ Nhưng đem cái nhà và cái vườn của ta tới đó thì thích lắm, anh ạ. Mỗi đêm có trăng sáng, đứng nơi sườn núi hít thở và...”

“ Và nhào lộn, nhảy xuống biển, tắm hơi và bơi lội thỏa thích...Anh tưởng tượng khối nước dưới chân núi mát kinh khủng, đen nhánh và lấp lánh. Nhưng ngôi nhà của ta thì quá lớn, và vườn thì um tùm. Rốt cuộc, nó như vậy mãi.”

“ Chỉ có chúng ta thôi. Anh nhìn xem. Em cứ lớn mãi như thế này, trong khi thật ra em chỉ là một con bé. Rồi ra mình sẽ sống tới già, và em thành thiếu phụ nữa. Cái mới lạ.”

Và tôi nghe nàng cười ngặt nghẽo. Tuy nhiên tiếng cười của nàng rất yếu ớt như không có hơi sức, cũng như khi nàng nói vậy.

Sóng biển ì ầm dồn dập ở ngoài xa, và như chúng lập lại tiếng cười của nàng.

“ Bây giờ em đã đổi khác.”

“ Nhưng anh thử nhìn xem. Chỉ riêng có cái nơ, còn mọi thứ khác em không thay đổi từ bao nhiêu năm nay.”

“ Em đùa hoài. Có bao giờ anh không ở bên em.”

“ Vậy mà chúng ta vẫn xa nhau. Ngay cả bãi biển, ngay cả thành phố, và ngôi nhà trong khu vườn, tất cả mọi thứ đều không hề gắn bó với ta chút nào. Những cái đó rời

rã và biệt lập. Như là số phận đã định thế.”

“Thì anh cũng không khác gì. Em biết anh đã làm việc, đã tạc tượng, và anh cũng đã chiến đấu. Anh cụt một tay và một chân. Rồi cuộc đời anh là cái gì ? Anh làm việc, sinh sống, và...”

Thốt nhiên chàng cười rang rang và đổi giọng, nói:

“Sinh sống, sinh sống. Ai sống cũng phải kiếm thức ăn hết.”

Và chàng trầm giọng như cũ:

“Lang thang khắp mọi nơi, trong khu vườn, trong ngôi nhà lớn, anh cũng đã tạc nhiều tượng, như thể anh sinh ra để tạc tượng vậy.”

“Đó là số phận, còn chân tay của anh...”

“Thì còn chân tay. Anh giết những kẻ đối diện và chúng làm anh cụt một chân, cụt một tay. Phải nhiều lần...”

Chàng cười hà hà:

“Phải nhiều lần hư thế mới hồi hộp chứ.”

Và chàng trầm trầm:

“Như vậy là cái gì. Rốt cuộc không có gì gắn bó với anh hết. May là chàng ta lại được sinh ra.”

“Anh thấy không. Đó là số phận.”

“Cái xứ thật nản lòng. Ở đâu rồi anh cũng như chừng ấy chuyện. Và những bức tượng, những mặt người, những gia súc...”

“Cái gì là cụt chân với cụt tay. Em không thấy. Hình như anh chỉ là người tạc tượng... Với lại em thích thế hơn.”

“Cái đã hẳn. Nhưng mà, em nghĩ xem, trong khi ta bị giới hạn bởi những cái chân cụt và tay cụt, ta vẫn bình thường như lúc này đây, và vẫn đi dạo lang thang hay làm cái gì thích. Thật ra anh thích ở trong nhà hơn, nhưng cũng có đôi lúc...Trăng sắp lên, phải không ?”

“ Không ai phá hủy được bãi biển, hay trăng và ngôi nhà của ta. Anh cố nhìn sang bên kia cửa biển xem, có phải những người đánh cá đang xuống thuyền không ?”

“ Không phải, em ạ. Họ đang cúng vái trước một con cá voi.”

Chàng phá ra cười. Nàng nói:

“ Em có cảm tưởng đó là con cá em nuôi trong cái chai thủy tinh em để ở đầu bờ tường.”

“ Có phải tên nó là tem không ?”

Nàng đáp, giọng có vẻ ngần ngại:

“ Có lẽ không phải, anh ạ. Em không nhớ tên đó, có phải là tên một con chó sù của một người bạn em không. Nhưng mà cá thì không phải đâu.”

Nàng cười lớn và tiếp:

“ Anh không thể biết con cá em để ở đầu bờ tường đâu. Anh chưa hề bước tới chỗ đầu bờ tường đó là khác. Còn em, em đặt tên cho hết mọi thứ trong nhà.”

“ Cho hết mọi thứ trong nhà ?”

“ Thôi, anh đừng có đùa nữa. Con cá của em nuôi đó không thể xê dịch được đâu. Anh tính nướng nó để cho con mèo yêu quái đen thui của anh nữa sao ?”

Chàng vẫn lập lại như không hề nghe câu nói của nàng:

“ Cho hết mọi thứ trong nhà.”

Nàng cười ngặt nghẽo và nói: “ Chờ sao không...chờ sao...”

Chàng cũng cười, hỏi như đùa cợt:

“ Còn anh thì sao ?”

Nàng ngẩng lên nhìn chàng, rồi đó cúi xuống như cũ. Tuy nhiên, tôi không chắc là trong lúc đó chàng có nhìn nàng hay không. Hai mắt chàng vẫn mở lớn như hai cái hố, nhưng mọi vẻ trên mặt chàng đều không nhúc nhích.

Nàng nói:

“ Anh hả ? Anh thử nhớ coi. Anh có tên không ?”

Giọng chàng rần:

“ Không. Anh không có tên từ hồi đó đến nay. Nghĩ cũng lạ quá. Khi anh không có tên, mọi vật trở thành lãng đãng mờ ảo. Với lại cần gì tên. Thời gian sẽ xóa nhòa ta đi.”

Nàng lẩm bẩm: “ Thời gian sẽ xóa nhòa ta đi.”

Và chàng tiếp theo: “ Thời gian, thời gian, thời gian...”
giọng nhỏ dần nhỏ dần.

Nàng nói:

“ Họ cũng vậy. Nhưng họ hình như bị đẩy ải vì khổ cực.”

Một cánh tay nàng đưa ra, chỉ về phía những người mà chàng bảo là đang cụng vái. Và cánh tay nàng cứng lại trong điệu bộ như vậy.

“ bây giờ có cả một thành phố đang mọc lên ở đó. Con đường mà em thấy có nhiều cây leo bên dưới con đường đó bây giờ bị phá lớn ra. Những tường và nền nhà cũ của các ngôi nhà hoang từ mấy chục năm nay cũng biến mất. Cảnh vật đã thay đổi nhiều quá.”

“ Với lại, cuộc sống của chúng ta cũng thay đổi.”

“ Và những bãi cỏ, những cây lớn, những cái thuyền bị bão dạt, những võ ốc...”

Đột ngột, chàng cầm cái tẩu thuốc vào lưng quần, kiễng chân lấy lên một khúc gỗ. Đó là cái chân gỗ trong ống quần của chàng. Chàng cầm nó chỉ trở băng quơ, nhắc lại nho nhỏ: “ Những thuyền bị bão dạt, những võ ốc...”

Và đột ngột, chàng cầm cái chân chỉ về phía tôi:

“ Cả những ngộp đá này nữa. Thủy triều làm cho chúng biến mất và hiện ra, nhưng hình như chúng đã thay đổi, chúng xa bờ hơn, và ít lâu nữa chúng sẽ chìm hẳn dưới

lần nước.”

“Biệt tích.” Nàng nói và cười ngặt nghẽo.

“Ừ. Biệt tích. Họ đâu rồi?”

“Những người đi câu hủ anh?”

“Không. Những người...” Chàng ho một cái, “cặp tình nhân đó đó. Phở anh bây giờ sinh ra yếu quá.”

“Họ về rồi. Dù sao, họ cũng có hạnh phúc.”

“Anh thấy họ đi về phía những gộp đá vòng vòng ngoài kia. Họ đi, họ bơi, rồi lại đi. Họ có vẻ như muốn ra xa nữa. Tay của họ nắm nhau đang ra như chim bay. Đó là một cuộc tự tử đẹp nhất.”

“Anh ác lắm.”

“Anh ác từ lúc nhỏ. Lúc nhỏ, anh bắt cóc nhái bỏ vào cái nồi rồi nung lửa. Cóc nhái nhảy loạn xạ.”

Chàng nhảy lò cò và nói: “Chúng nhảy như thế này.” Nhưng chàng ngã xuống vì chỉ có một chân.

“Anh thấy đó. Anh không thể gặp lại bất cứ cái gì anh đã làm đâu.” Nàng nói không chút ngạc nhiên khi chàng ngã.

Chàng nằm trên cát, cong người lại để luôn khúc chân vào ống quần và mó máy sao đó để gắn nó vào đầu gối.

“Dĩ nhiên, em ạ.”

“Và mãi mãi anh không thể trở lại với những khung cảnh cũ anh xuất hiện. Chỉ có một lần, rồi chúng ta đều ra khỏi chúng, một cách thật vĩnh viễn. Cũng bởi thế mà y phục và nét mặt của em, tất cả mọi thứ đều không thể thay đổi được. Trong khi đó thì chúng ta lại cứ thay đổi.”

“Dĩ nhiên, em ạ.”

Nhưng bây giờ thì chàng đã lắp xong cái chân gỗ và đứng dậy.

“Ở đây thật buồn quá. Chúng ta cũng không có nhiều kỷ

niệm mấy về cảnh vật .”

“ Nhưng mà có ít thứ không thay đổi em ạ .”

Đây là một giọng nói chuyện, thứ giọng trầm trầm buồn buồn mà chàng từng thốt ra từ đầu. Nhưng riêng với tôi, như thể là chàng đang cố gắng thuyết phục hoặc ít nữa là muốn kể cho nàng nghe biết những điều nàng không để ý suy nghĩ. Chàng nói:

“ Có một ít thứ. Chẳng hạn, những gạch ngói, những tảng đá anh dùng làm tượng, những hình thể và màu sắc trên đó .” Chàng la lên đột ngột: “ Nhất là những tượng của anh .”

Chàng ho và thở dài.

“ Những tượng của anh. Chúng không thay đổi được nữa. Dù anh tạo thêm bao nhiêu, chúng vẫn không thay đổi. Búa và đục của anh hóa vô dụng. Chúng đã trở trở, như lưỡi dao quá già mài mấy cũng không sắc. Làm như chúng đến đấy là hết, tới đó rồi đủ và hòa thành cái chi không thể thêm bớt đẻo gọt. Mắt chúng nhắm lại và mở, miệng kín, áo quần hay da thịt, tất cả đều bần bật, nhẵn nhụi...Nghĩ lát nữa lại trở về đóng đô ở những chỗ nhất định trong ngôi nhà, trong khu vườn, giữa những thứ đã đến và đủ như vậy, anh rùng mình...Nhưng đâu có phải anh nhàm chán hay sợ...”

“ Sao anh không thử làm những thứ khác ?”

“ làm những thứ khác ”, chàng la lên, “ anh không thể làm những thứ khác trong khung cảnh này nữa. Thường khi anh lang thang trong vườn, mở cái kho chứa, vào ngủ trong đó. Anh lấy đục và búa, nhưng....”

Chàng thở dài và cười một tiếng.

“ Anh đã đục hết cái kho rồi. Bây giờ nó kỳ cục lắm ”.

“ Anh đục hay để rồi thời gian xóa nhòa chúng cũng vậy

thôi. Có điều là những thứ ta đã trải qua hình như tỏa ra một hương thơm...Hình như rất an ủi...Thật đại đột quá, nhưng mà, chúng cho ta một ít say sưa. Và kỷ niệm...”

“ Cái giọng điệu của anh. Mà thôi, chẳng nào ta vẫn ở mãi chỗ ấy ”.

Chờ ta ở đâu được. Không thể bỏ chỗ ấy được. Cái điều anh nói là...trong mỗi thứ điều có sự sống riêng của nó. Mà ta chờ đợi gì nơi nó chứ ? Không cho chúng thay đổi...Không cho như vậy sao ? Ta thì ta đã thay đổi kinh hồn. Nhưng có lẽ thiên hạ không ai biết .”

“ Làm sao mà biết được .”

“ Ta đi chơi lang thang. Ta đi lảng đãng như khói. Hễ cái gì có dính dáng với ta cũng đều lảng đãng như khói hết. Em thử nhìn xem, vũ trụ có những lỗ hổng rất lớn, trong đó có đủ màu sắc, em sắp sửa bay trong đó, uốn lượn theo những lỗ hổng đó như khe núi và thung lũng, rồi em được mất hút...”

“ Dù sao, lát nữa ta cũng về nhà.”

Chàng vẫn đứng như cũ và lặp lại: “ Dù sao, lát nữa ta cũng về nhà ”, rồi chàng im lặng. Nàng nói lẩm bẩm những gì đó nghe không rõ và càng lúc càng lớn dần: “...trong vườn, trong nhà, luôn vậy, nhưng mà, chúng ta sinh ra cũng vì những thứ đó...”

Chàng nói:

“ Tất nhiên, em ạ. Nếu không có chúng, ta có mặt để làm gì đây ? Chỉ duy có ta thôi hay sao ? Có điều, khi chúng đã được đặt ở cạnh ta, chúng dần dần biến hóa ta và trở lại ảnh hưởng lên đời ta như nước toan. Chúng ăn lần ta cho đến khi trở thành cứng ngắc...Không có thịt...Như chúng....Ừa, anh nói về cái gì thế nhỉ ?”

“ Đó là điều anh sợ phải không ?”

“ Anh đâu có sợ điều đó. Chỉ có một điều anh thường sợ, là không được sinh ra, bị tối om. Nhưng anh đã ở đây rồi. Em có thấy sợ không, nếu không được sinh ra. Bị tối om.”

Nàng nói:

“ Bị tối om.”

Trời đã thành ban đêm từ lúc nào. Nhưng vì lúc này chàng nói có trăng mọc, nên tôi ngó xem trăng ở phía nào. Không có trăng ở đâu cả. Chỉ có vô số sao, nhấp nháy những ánh sáng nhạt và yếu ớt. Tôi đã đen bấy giờ càng đen hơn, như thể không còn thấy được nữa. Nếu không có làn nước nhấp nhô trên người, có lẽ tôi không còn cảm thấy sự có mặt của tôi nữa. Những tiếng nói của họ vang tới tai tôi một cách kỳ lạ, im lặng và ẻo lả, như giải lụa, nhưng chắc là họ ở đấy.

Tôi lại nghe tiếng chàng ho. Lần này chàng ho một tràng dài rũ rượi và tiếng nàng nói có vẻ lo sợ “ Anh ho nhiều quá ”. Tiếng chàng trả lời trong cơn ho: “ Không sao, không sao...” Đôi bạn có vẻ lo lắng cho sức khoẻ của nhau như thể một cơn ho có thể làm ngừng sự sống của họ ngay lập tức. Họ im lặng một lát, rồi tiếng nàng cất lên:

“ Những ánh sáng gì bên kia thế anh ? Em không sao nhận được .”

“ Anh vẫn còn nhận thấy được . Đó là những thuyền câu. Họ phải làm ăn suốt cả đêm, như bây vạc.”

“ Họ phải dựng nguyên cả thành phố.”

“ Ai chả biết. Nhưng anh đã nói họ không có kiến thiết cửa biển này. Họ thật cực nhọc và lo buồn.”

“ Họ phải làm việc. Nghĩ họ làm việc như vậy thật nguy hiểm. Những con cá voi có thể đớp họ chưa biết chừng chính con cá hồi nãy họ cúng vái đó cũng nên.”

Chàng cười lớn:

“ Thủy triều lên cao. Con cá voi đó bơi mất rồi.”

“ Nó bơi ra ăn thịt họ. Rồi họ lại cúng vái nữa. Rồi nó lại ăn thịt họ nữa. Dù sao, họ cũng đáng mến, anh ạ.”

“ Làm. Cho đến khi nhận ra là mình phải im lặng và bất động. Khi đó thì đã hết đời mất rồi. Có ai sống lâu được.”

“ Dĩ nhiên họ phải chết. Cũng như những con ốc, thuyền bè và nền nhà. Nhưng anh không làm gì cả.”

“ Làm! Làm! Hôm nay anh nói cũng đã nhiều quá lắm rồi đấy. Đáng lý phải im lặng. Im lặng! Im lặng! Im lặng mãi mãi! Hình như sinh ra đời không đủ sống lâu để im lặng và để không làm gì...không đủ nữa là khác...”

“ Như vậy rồi người ta chết đi thì anh nói là để im lặng.”

“ Đúng đấy. Chết thật là tuyệt diệu, hả?”

Chàng phá ra cười và nàng cũng cười. Tiếng cười của họ hòa lẫn như gió và sóng. Đột ngột nàng dịu giọng nói:

“ Em buồn quá. Ta về nhà đi.”

Không thấy chàng phản đối và họ lặng lẽ cất bước. Nàng cũng cao và gầy, và tới lúc này, tôi mới thấy nàng cử động nhiều. Nàng bước nghiêng ngả, tựa đầu vào vai chàng, như một cọng lá dài. Bãi cát tối đen, sóng ì ầm, hai người bước thật lặng lẽ và chậm chạp.

Họ đi lần lên bãi cát, qua những khóm cây lá rù rì, những lối đi nhỏ, những cổ thụ đen và rì rì tiếng côn trùng. Rồi họ đứng lại, nàng quay mặt vào chàng.

Tôi rình họ hôn nhau. Nhưng không, nàng nói:

“Cài nút áo cho em.”

Chàng lặng lẽ làm.

“Thất nơ nữa, anh.”

“Nó đứt rồi.”

Họ tiếp tục đi mà không hôn nhau như tôi tưởng. Tôi chợt nhận ra đang theo họ vào một khu vườn. Nó làm tôi kinh hãi.

Bởi vì đây là một chốn im vắng hoàn toàn, và điều lạ lùng nhất là tôi chợt cảm thấy tôi có đến đây rồi. Những lối sỏi, những chậu kiểng, những lá khô, những chỗ tối và sáng lơ mơ, mọi thứ đó đối với tôi hình như đã hiện ra một lần. Tuy nhiên tôi không thể nhớ rõ.

Ngôi nhà thì to lớn. Những cửa lớn cao sừng và đóng kín. Tôi không theo họ vào sâu hơn nữa. Tôi đứng chờ.

Có thể họ đang vào trong nhà, hay đang trên tam cấp, hay đã ở trong nhà rồi. Tôi không hề nghe tiếng gọi, tiếng chuông, tiếng cửa va chạm hoặc tiếng ổ khóa. Có những tiếng động nhẹ nhàng đâu đó, tiếng bước chân lạt xạt, tiếng khoen sắt kéo trên cái giầy thép, tiếng những vật nhỏ va chạm nhẹ, và sau cùng, tiếng những giầy đàn trong một hợp âm êm và ngân dài.

Chắc chắn đó là tiếng đàn của nàng. Tôi chờ nghe tiếng hát của nàng cất lên, nhưng tôi thất vọng.

Chỉ có tiếng cười của chàng cất lên, rộn rã hùng mạnh vang động khắp ngôi nhà lớn. Và tiếng nàng nói:

“Cái đèn quý này. Lúc nào cũng phải cầu khẩn rồi mới sáng.”

Giọng nàng trở thành êm ái hơn:

“Sáng đi, sáng đi.”

Và cái đèn của nàng sáng lên từ từ như được vụn bắc. Nhưng nó tỏa ra một thứ ánh sáng ở khắp nơi và sáng

hơn một cái đèn dầu nhiều.

Trước mặt tôi hiện ra những chấn song, và trong phòng, một cái dương cầm kiểu cổ, một cái ghế tròn, một cái bàn nhỏ kê cạnh một cái ghế bành to lớn bọc nệm đỏ, và một cái đèn treo đồ sộ trên trần nhà thông xuống mỗi dây và nút pha lê óng ánh.

Cái đèn không cháy sáng.

“Cái ghế quỉ này nữa”, tiếng nàng nói.

Tiếng một cái ghế bị kéo trên nền gạch.

“Nó luôn luôn phát ra tiếng kêu thảm thiết mỗi khi đụng tới nó. Làm như đau đớn lắm.”

Lại một tiếng đàn nữa vang lên. Chàng nói:

“Mọi vật đều đau đớn thảm thiết.”

Lại có tiếng đàn nữa.

“Giá chi ta chết như đôi tình nhân lúc này, ta khỏi về nhà.”

Vách tường ở các phòng trong ngôi nhà vang dội: “Về nhà, về nhà...”

“Họ đâu có chết.” Giọng nàng nói nhỏ yếu như ở một phòng nào xa lắm vọng tới.

“Có thể họ không chết, nhưng trước sau gì họ cũng bị cá voi ăn thịt. Dù sao cũng thế thôi. Như vậy...như vậy...Em có thấy mọi vật ăn khớp một cách kỳ lạ không? Hà hà...Chết trong nước biển trong trời mát mẻ, dưới ánh trăng sáng, như một khúc hát...”

Và chàng hát lớn một tiếng gì đó như là tiếng “ô lê”, tiếng kêu mà người ta phát ra trong hồi kết thúc một cuộc đấu bò ở xứ Tây Ban Nha.

“Ô lê, ô lê...”

Giọng nàng yếu ớt cất lên:

“Thôi anh đừng đánh thức những con vật của em nữa.

Em cũng đi ngủ đây. Chỗ của em lạnh ngắt.”

Im lặng cùng khắp ngôi nhà và nàng hình như làm nhỏ ngọn đèn . Ánh sáng yếu ớt run ra từng chớp, tỏa ra một thứ bóng chồn vờn trên tường, trên mẫu sắt của chiếc dương cầm, trên cái ghế bành.

Tiếng nói của chàng đến như ở đâu đâu đến: như nói một mình:

“ Những con vật của em, những con vật ngoan ngoãn của em. Chúng có bao giờ thức dậy. Chúng đã ngủ ngon từ lâu, chưa biết chừng chúng biết rồi cũng nên. Nhưng mà, dù sao, ở trong ngôi nhà ta, chúng cũng không bao giờ thức dậy. Em tưởng anh hát và đàn...Cả những cây cỏ, vách tường, cả cái đàn, cả bọn côn trùng em nuôi...Tất cả đều chỉ góp phần vào sự yên tĩnh của ta. Cả ta nữa...!

“ Em đi ngủ phải không? Trong cái nhà im lặng này, em tưởng chúng ta ngủ được sao. Đó chỉ là im lặng thôi...”

Đèn trong phòng phụt tắt, Ngôi nhà tối om trở lại. Hình như là chàng đi trên những lối sỏi, lạo sạo, chàng đi nhanh vô cùng, và nhẹ nhàng đến nỗi như không phải là chàng bị cụt chân. Mà thực ra chàng có cụt chân không? Vì cũng như cái chân, và nếu nó cụt, tại sao chàng cầm đàn và đang đánh đàn?

Tiếng đàn của chàng vào trong vườn lớn, chàng đi chậm lại, lang thang chỗ này sang chỗ kia, và hình như chàng đứng lại đôi lúc nào đó trước một gốc cây, một bụi cây, hay một cái nhà nhỏ nào đó trông giống cái chuồng gà. Chàng hát hay nói cái gì ghêu ngao và chàng tiếp tục đi lang thang. Hình như chàng không bao giờ nghĩ hoặc là không bao giờ cần phải quan tâm về sự có mặt của một người lạ như tôi đang ở trong biệt thự của chàng.

Tôi nhẹ nhàng tìm lối trở ra và cố gắng len lỏi qua những bụi cây để khỏi gây tiếng động, một lúc sau, tôi đi khỏi những cổ thụ và các bờ bụi um tùm. Ngôi nhà của họ không có một hàng rào nào.

CAO VỊ KHANH

phụ bản cho tập Nghề thầy

lời trần tình của người thầy cũ

.....
.....
.... Vậy tại sao tôi còn viết. Tại sao trong cái buổi chiều nắng nhạt ở một thành phố ven biển miền tây nước Mỹ, bỗng nhiên tôi gặp lại em, người học trò cũ. Người thiếu phụ trên dưới bốn mươi, trong bộ âu phục lịch sự đã đến chào tôi bằng tiếng "thầy" vốn quá xa lạ từ hai mươi năm nay, trên bãi cỏ cháy vàng của vùng nắng hạn, giữa một nơi lạ lẫm đến từng cọng cỏ ngọn cây đã làm tôi thảng thốt đến độ sững sờ. Em đó sao, cô học trò ngày xưa rụt rè như thỏ con, cứ mỗi lần được gọi trả bài là mặt như rướm rướm, ngồi im như một pho tượng nhỏ, thành khẩn và tin cậy, nghe tôi mở đầu bài giảng Chính phụ bằng cái hình ảnh tuyệt vời của tiếng trống trận đập dồn đã có lần làm lay động cả một bóng trắng xưa. Cái cô học trò nhỏ vẫn thường tung tăng chiếc áo-dài-chưa-

biết-sâu trong những quán hàng vặt ngoài cổng trường, vẫn thường len lén cắm vội cánh hoa tươi lên bàn thầy như một lời cảm ơn nhỏ nhẹ và kín đáo. Tại sao hôm đó, giữa những lời thăm hỏi nồng nàn hay đứng đứng, giữa nỗi ngậm ngùi của một thân quen gặp lại, nỗi hụt hẫng của một cái tên biệt tích, cái náo nức của một lời hẹn tái ngộ, em bỗng hỏi tôi một cách điềm đạm và ân cần, điềm đạm như cánh hoa đại ngắt vội bên đường và ân cần như ngón tay vụng lén cắm vội lên góc bàn viết, em đã hỏi tôi... vậy chờ thầy đã sống ra sao từ hơn hai mươi năm nay?

.....

.....

Hai mươi lăm năm đã qua, qua nhanh như một cơn lốc. Tôi đã già đi nhiều. Những mộng ước cũng theo tóc mà bạc dần. Chuyện nước non dù vậy, vẫn còn đó, mới nguyên.

Mười lăm năm trước tôi đã kết thúc một bài thơ bằng cái hình ảnh tuy cay đắng nhưng nghe còn rạo rức :

Ta lơ lảo giữa bầy chim múa rối

Làm sao về trời kịp khúc hoan ca ?

Mới gần đây tôi lại viết, nhưng sao chỉ thấy buồn thôi

Ôi đất nước có còn vui kịp

Một đời tôi héo úa từng giờ

Thơ tôi cũng bắt đầu thối mệ như đời tôi vậy. Ba mươi năm mất nước. Hai mươi lăm năm lưu lạc rồi còn gì. Chữ hiểu không tròn mà chữ trung cũng không tròn. Nghĩ lại còn thua kẻ thất phu ngậm than rửa hờn cho chủ cũ. Nhớ đến Bá Di, Thúc Tề chẳng chịu ăn rau Chu mà thêm thẹn với đời.

Chuyện lớn không làm được, chuyện nhỏ càng thêm vụn

vật. Ngó quanh quất chỉ thấy lệ cũ đã đóng khô, xếp xó trong từng góc bụi nhòa. Sợ mai kia một nọ, đám nhỏ lớn lên có khi tự hỏi sao mình ở đây, ở một nơi không phải chỗ mình ? Có ai không để bắt đầu câu chuyện kể : " ... ngày xưa, xưa lắm, có một lũ người bỏ xứ ra đi rồi không kiếm được đường về... "

... Độ rày, trời sắp sửa vào thu. Ngày bỗng dưng ngắn lại và đêm dài ra như không sáng nữa. Những cơn gió lạnh chiều chiều từ dãy núi xa ở bên kia con sông lớn đã bắt đầu thổi về thành phố cái mông quạnh của những đồng cỏ bạt ngàn ở mạn bắc và đồng thời cũng mang đi mất bấy sê nhỏ thường làm vui góc phố quanh nhà. Chỉ còn lại những dây thép đen xấu xí với hàng cột đèn trơ trọi. Công viên trước nhà vắng ngắt, bấy trẻ nhỏ đã bỏ đi hết để trở lại bãi cát vô hồn, chiếc cầu tuột xiêu vẹo và những dây xích đu im lìm. Cái không gian vốn dĩ rất lặng lẽ của một khu phố tây với những căn nhà kín cửa quanh năm lại càng lạnh lùng hơn khi gió bắc trở mùa. Khu vườn sau nhà xao xác gió, lá rụng sớm hơn mọi năm. Những chiếc lá úa nằm rải rác trên sân cỏ, buồn hiu như xác giấy hoa của một đêm vui vừa tàn. Trời đất đang sửa soạn cho một cuộc thay đổi lớn, bất tận. Và con người, con người ở đâu trong cuộc tuần hoàn miên man của vũ trụ ?

Sao bỗng nhiên tôi chùn tay, muốn ngừng viết. Có ích lợi gì không những điều tôi đã và sắp viết ra. Sao bỗng nhiên giọng văn của tôi trở nên sâu thẳm quá đổi. Có phải tại đứa con trai út vừa đi nhập trường ở một thành phố xa, bỏ lại gian nhà đã trống lại còn trống hơn? Tại nó mang đi mất một phần thân xác và tâm hồn tôi ? Hay

tại vì cái khoảng trống lớn giữa đời tôi đã không lấp bớt được chút nào lại còn tiếp tục khơi rộng hơn nữa ? Có phải đó chỉ là sự trở chứng bất thường của dòng đời đã tưởng là yên tĩnh, hay chỉ là sự lập đi lập lại rất bình thường của những bất trắc vốn dĩ đã là thuộc tính việt nam.

Đưa con đi xa lần này, suốt con đường trở về hơn bảy tiếng đồng hồ lái xe, sao tự nhiên tôi như thấy lại và hiểu rõ ràng hơn lúc nào hết tấm lòng của ba tôi buổi chiều xuân năm sáu mươi tám, khi quốc lộ số bốn bị cắt đứt, ba tôi phải đưa tôi ra bến tàu xin quá giang một đoàn tàu quân đội về Sài-gòn nhập học. Năm đó, nhà cháy, của cải tan hoang, ba tôi năm mươi tám tuổi, tóc sương phơ phất, bộ quần áo bà ba trắng quen thuộc sao như rộng hơn thường khi. Ông đứng đó không nói một lời nào, tay xách túi quần áo của tôi, lo lắng bồn chồn, cặp mắt vắng vẻ... Rồi tàu rời bến, mặt sông rộng mênh mông, gió lên và chiều xuống. Ông đứng đó, đằng sau lưng một mặt trời quay mặt vàng vọt, bỗng nhiên tôi thấy ba tôi giống như một pho tượng, im lìm, chịu đựng, nhẫn nhục như suốt một đời đã nhẫn nhục nuôi lớn bấy con quá đông. Tàu xa dần, pho tượng vẫn im lìm bất động, và bỗng dưng tôi như thấy một giọt nước mắt nào đó đọng mơ hồ trên khóe mắt ba tôi, giọt nước mắt mà dường như ba tôi đã cố nén từ nãy giờ, từ lâu lắm, từ câu nói với "thôi con đi", từ lúc móc đưa cho tôi xấp tiền cuối, từ lúc nhà cháy, từ lúc dắt tôi đi thi tú tài, từ lúc dắt tôi đi thi trung học, tiểu học, từ lúc ẵm tôi đặt tôi vào nôi... Ba tôi có nói gì đâu ? Trời đất có nói gì đâu mà dòng đời vẫn sinh sinh diệt diệt.

Vậy tại sao tôi lại dài dòng kể lể ? Để làm gì ? Để em

hiểu tôi hơn ? Để làm gì ? Có cần lắm không?

Tại sao tôi bỗng trở nên sầu thảm thái quá !

Có cần thiết không em ? Người thiếu phụ dịu dàng với gia đình gương mẫu, với cái hạnh phúc bình thường, giản dị như cái khuôn mà tôi vẫn cầu mong cho người thân yêu của tôi, em có phải biết những điều tôi đã nói, những gì tôi đã sống ? Mà tại sao em phải biết ?

Những dòng chữ này rồi sẽ có một dịp may nào đến với em hay sẽ được xếp lại và cất vào một học tủ, bỏ quên như hàng chồng bản thảo đã bị bỏ quên, đâu đó, quên bụi trong những xó xỉnh của đời tôi. Tuy nhiên lần này, nếu có cái dịp may hãn hữu đó, xin em hãy đọc một cách từ tốn, điềm đạm, từng dòng từng chữ. Hết trang này, rồi trang khác. Hết tờ này lật sang tờ khác. Rồi cũng sẽ đến trang cuối cùng. Cũng giống như những trang giấy của cuộc đời. Giống như tôi, tôi cũng đang lật tiếp, không ngừng tay, những trang giấy của đời mình. Sẽ đến một lúc chỉ còn những trang giấy bỏ không, lở dở...

Nếu có đọc, hãy coi đây như tiếng hát chót của loài thiên nga tuyệt vọng, một thứ trần tình của thế hệ đang tàn lụi dần, cái thế hệ của những người thầy sinh bất phùng thời. Cái thế hệ dở dang. Cái thế hệ oan trái. Tôi đã được hưởng rất nhiều ân huệ của người đi trước, nhưng không báo đáp lại được gì cho người đi sau như cái lý tưởng mà tôi đã được nuôi dạy. Mấy ngàn năm tình nặng nghĩa sâu của dân tộc đã un đúc tôi nên người, đã ru tôi bằng những vắn ca dao triều mến, đã âu yếm tôi bằng những điệu ầu ơ vỗ về, đã tắm mát tôi bằng dòng suối cổ tích ngọt ngào và đã nuôi tôi khôn lớn bằng bầu sữa mẫu mỡ của lịch sử. Tôi đã làm gì được với tất

cả cái vốn liếng quý báu đó đâu em. Tôi mơ mộng năm mười tám tuổi, tôi rong chơi năm hai mươi lăm, tôi chẳng chắc năm ba mươi tuổi. Tất cả cái gia tài truyền thống đó, nét tài hoa ngùn ngụt đó, truyện Kiều với hơn ba ngàn câu thơ thăm thẳm, Chinh phụ ngâm là giọt lệ trong veo, Cung oán đài các ngay trong hận tình uẩn khúc. Còn bao nhiêu câu ca dao tươi mát như rau cỏ ngoài vườn. Còn cuộc chiến cự Bắc phạt Tây, cuộc Nam tiến là thiên trường ca vô tận. Lịch sử máu xương đầy dẫy những năm mồ vô danh, để cho ngọn tre già còn phơ phất tiếng ru trưa, để cho bụi lúa còn trở đồng đồng thơm sữa, để bây trẻ nhỏ ê a tiếng đánh vần, để mái đình còn thơm mùi hương khói. Những năm mồ vô danh từ thuở bình Nguyên phạt Tống, những năm mồ vô danh từ thuở Đổng da, Ngọc hời. Những năm mồ vô danh từ thuở Gia định, Trấn tây. Những năm mồ vô danh từ thuở Yên báy... Rồi những năm mồ vô danh ở Quảng trị, Thừa thiên, Bình định, Cao nguyên, Đồng tháp...

Tôi đã làm gì ? Thế hệ tôi đã làm được gì đâu em ! Chúng tôi đã bỏ dở một cuộc chiến. Chúng tôi đã đầu hàng một kẻ thù. Và như vậy có còn đáng để phàn nàn hay không? Cái cơ hội được đóng góp vào cuộc chiến dựng nước và giữ nước của cha ông đã bị bỏ quên một cách ngây thơ vô tội vạ, cái hạnh phúc tuyệt vời của tự do đã bị xem thường khi có nó trong tay, thì khi bị tước đoạt, người ta còn có quyền tiếc rẻ hay không? Hay chỉ nên im lặng, ngậm câm? Chỉ có thể trở trần từng đêm mất ngủ. Hay chỉ để buồn ngẩn buồn ngơ khi nhớ lại. Tôi có quyền viết tiếp hay không? Có đáng để tiếp tục khurợ lại một vết thương đã lành (hay tưởng đã lành), gọi đây

một phần đời đã ngủ yên (hay tưởng đã ngủ yên), tiếp tục làm khó chịu, mệt mỏi thêm những cuộc đời đã quá sức mệt mỏi. Có đáng bắt mọi người phải nhớ lại, đau khổ, thương xót hoài hoài (một cách tiêu cực) ngay khi chính cá nhân mình cũng chỉ là một nỗi bất lực thảm hại. Đường như đã quá trễ nãi để nhắc nhở, đã đủ muộn màng để lãng quên.

Vậy hãy coi đây như một điều rất đổi riêng tư, một món nợ mà tôi chưa kịp trả. Món nợ tôi đã vay ba mươi năm trước mà ba mươi năm sau vẫn chưa quên, thì câu trả lời của tôi hôm đó quả có vô tình quá hay không?.. Thì tôi cũng đã sống như mọi người!

Tôi đã trả lời em giống như khi trả lời với mọi người khác. Điều đó có phật ý em không ? Em đâu còn là cô học trò nhỏ, dịu dàng nhưng tinh quái để tôi là ông thầy có thể bắt nạt dễ dàng. Em đã là một người lớn, chừng chạc, điềm đạm và ân cần. Giọng nói tuy nhẹ nhàng trong trẻo nhưng dường như đã vẩn đục ít nhiều gió bụi của thời gian. Và cặp mắt, tia nhìn sao tôi thấy lao đao những dấu hỏi xốn xang. Cặp mắt đó, dịu dàng nhưng quyết đoán, em nhìn tôi ngay khi không nói lời nào, sao tôi thấy dường như có một vẻ gì ái ngại, xót xa. Có phải bằng trực giác em đã nghe được từ đâu đó cái nhịp đi về của những bước tàn phai. Tôi có chủ quan quá không ? Sao từ buổi chiều hôm đó, tôi cứ bị ám ảnh hoài về cái tia nhìn có một chút ngơ ngác, một chút phiền muộn, một chút trách móc, một chút hờn dỗi. Như tôi đã không nói thật. Như tôi đã giấu giếm một điều gì. Em có quyền nói chuyện ngang hàng, vì em cũng đã có những ưu tư của người lớn. Có thể trong tấm lòng rất nhân ái của em,

hình ảnh người thầy già cỗi đồng nghĩa với điêu tàn, cái bất ngờ bao hàm sự mất mát, sự tình cờ có nghĩa rất mong manh và cuộc tái ngộ chỉ là mặt trái của chia ly.

Ôi biết thời gian có chịu ngừng

Tôi đã viết một câu thơ như vậy. Và thêm nữa, một hên hò :

rủ nhau mai mốt về quê cũ

giảng nốt bài thơ bỏ nửa chừng

Có phải chỉ là để tự an ủi mình trước vòng quay ác nghiệt của thời gian. Đâu còn một buổi học nào nữa. Làm sao em mặc lại áo lụa đến trường, tóc bay theo gió sớm và lòng mới nguyên như giấy trắng, đâu còn chiếc bàn học gỗ thô màu xám, viết mực tím và tập vở vô tư. Tôi đâu còn giờ trên bục giảng với phấn trắng bảng đen để cùng em mở cánh cửa đời vạn đại, đưa em vào thế giới hoa gấm của Đoàn Thị Điểm, Bà huyện Thanh Quan, của Nguyễn Du, Phan Huy Vịnh..., tìm bắt lại cái nhịp lòng đầm thắm của lớp người đi trước, khơi lại cùng em nguồn suối nhân bản của dân tộc để em và các bạn lớn lên, vững chãi như ngàn thu và tươi tắn như tầm xuân mới nụ, rộng lượng với người và chân thành với mình, tạo dựng cái thế quân bình tuyệt diệu của tâm hồn Á đông trước sức cám dỗ của văn minh Tây phương. Tôi muốn sửa soạn cho học trò của tôi cái sức mạnh dịu dàng của ngọn tre Việt Nam trước bão táp, để mai-sau-dù-có-bao-giờ các em vẫn là người Việt Nam trong cái nghĩa thuần túy nhất của nó. Tôi có lý tưởng quá không em ? Tôi có làm được việc đó chưa ?

Công việc bị cắt ngang đột ngột. Bài-thơ-không-giảng-hết có phải là niềm tiếc hận khôn nguôi về một lý tưởng bị phản bội, một trách nhiệm không chu toàn, một giấc

mơ không trọn vẹn. Cái nhìn của em, nỗi quan hoài của em có phải là đoạn nối dài của bài thơ dang dở đó.

Thôi thì, xin em hãy đọc ở đây như một cố gắng hết lòng của người thầy cũ để trả cho xong một món nợ tinh thần. Một lần rồi thôi. Món nợ mà tôi đã gây ra khi tạo cho các em niềm tin cần, lòng kính mến, sự thành khẩn... trong những giờ giảng dạy trước đây. Rõ ràng các em đã đặt ở tôi quá nhiều tin tưởng. Nhưng mà tôi, tôi đã có làm được gì không ? Năm học đã chấm dứt một cách tức tưởi mà không chờ tiếng trống bãi trường.

Tôi chưa nói được điều muốn nói. Em chưa học đủ điều cần học. Tôi và em đều có một cái gì đó dở dở chưa làm, một cái gì ngang ngửa chưa xong. Chắc vì vậy, mỗi người đều cảm thấy bất an, thấy thiếu thiếu, thấy tiếc thương... Có thể cái gì đó mong manh quá nên mỗi người đều như ray rứt khi nghĩ lại. Có thể cuộc đời phù phàng quá nên mỗi người đều cảm thấy ngỡ ngàng. Giống như cơn mưa bóng mây bay qua chưa ướt mặt người đã tạnh. Những cơn mơ bị đánh thức nửa chừng. Và cuốn tiểu thuyết trên tay ai đã xé mất trang sách cuối. Người ta bỏ ngỡ, bực tức hay tiếc nuối. Cái chờ đã không đến. Sự mong mỏi không được đền đáp. Người ta thấy xốn xang như đánh mất một cái gì quý giá lắm. Người ta cảm thấy hụt hẫng như bước lỡ vào khoảng không bất ngờ. Người ta cảm thấy bối rối như bỏ quên đâu đó một cái gì đã có lần thân thiết .

Tuy nhiên cứ an tâm đi em. Cuộc đời tự nó rất giản dị. "Trời sẽ tối tiếc thương rồi sẽ hết. Và dấu giày mai sẽ lá sương che". Từ nhiều năm trước tôi vẫn thích câu thơ của Nguyễn đình Toàn. Em thấy đó, có gì rắc rối đâu, cái cỗi

quạnh hiu này. Ngày đến rồi ngày đi, đêm tới. Và bóng tối sẽ trùm lên tất cả. Những dấu yêu, những ghét bỏ. Những đợi chờ cũng như những lỗi hẹn. Những khuôn mặt thân quen, những bóng hình xa lạ. Mặt đất này vẫn là nơi để người ta đến rồi đi. Cuộc đời này vẫn là chốn để người ta tụ hợp rồi ly tán. Tất cả sẽ mòn phai dần dần như dấu giày đã qua đây một ngày nào, sương sẽ cuốn đi từng lớp mỏng và lá sẽ lấp lên từng chiếc một. Con đường trước mặt cũng chỉ là một dãy mây trời, ngã rẽ là những khúc quanh vô định, lời hứa hẹn chỉ là cơn gió thoảng và ước mơ cũng chỉ là những an ủi ngậm ngùi. Tất cả sẽ biến mất kể cả sắt son tưởng là thắm thiết, kể cả đá vàng đã tưởng là bền chặt.

Trời sẽ tối ! Có thời gian nào không trôi đâu em. Có dấu vết nào còn mãi đâu em. Những tiếc thương, đọng lại như vệt sương trên ngọn cỏ, cũng sẽ tan trong một phút một giây. Người ta náo nức gặp gỡ. Người ta rạo rức chia tay. Một tháng một năm. Rồi tất cả sẽ trở lại bình thường, rất bình thường. Cái mặt hồ im lìm chợt xao động vì một chiếc lá rơi sẽ trở lại im lìm như đã tự trăm năm. Mọi người sẽ trở lại với nếp sống thường nhật, với trách nhiệm, bổn phận. Mọi người sẽ trở lại với văn phòng, với xưởng thợ, với tiệm buôn, với công việc của một người vợ, một người mẹ, một người chồng, một người cha. Người ta sẽ bận tíu tít với chợ búa, với đồng tiền kiếm được hay mất đi, với ngôi nhà mới tậu, với chức vụ mới thăng, với việc làm mới mất...

Vậy đó em, trái đất vẫn tiếp tục quay đều cái vòng quay của nó. Một năm mười hai tháng. Một tháng ba mươi ngày. Một ngày hai mươi bốn giờ. Mùa hè đã qua. Mùa thu đang tới. Và mùa đông sẽ chực chờ trước cửa. Những

người sắp tới sẽ tới. Những người sắp đi... sẽ bỏ đi.
Tất cả cũng chỉ là những người khách vô tình trong cuộc
tuần hành miên man của vũ trụ.
Và chúng ta, chúng ta cũng chỉ là những sơ sẩy của một
toán tính định mệnh.
Em đừng khóc, đừng buồn đừng nhìn nữa
Cứ cúi đầu, cứ thế rồi ra đi
Trời sẽ tối, tiếc thương rồi sẽ hết
Và dấu giày mai sẽ lá sương che (1)
Vâng, những tiếc thương rồi sẽ hết. Và tôi, và em, và...
dấu giày trở lại, một mai sẽ chỉ còn là một vết sương
che. Bóng tối sẽ trùm lên tất cả.
Những tiếc thương rồi sẽ hết

.....

Những tiếc thương sẽ hết

.....

(1)thơ Nguyễn đình Toàn

Liên lạc

Trần Hoài Thư: tranhoaithu@yahoo.com

Phạm Văn Nhân: nhanvanpham@yahoo.com

